



“All roads lead to Rome”

- Constantinus I -

TÀI LIỆU ÔN TẬP

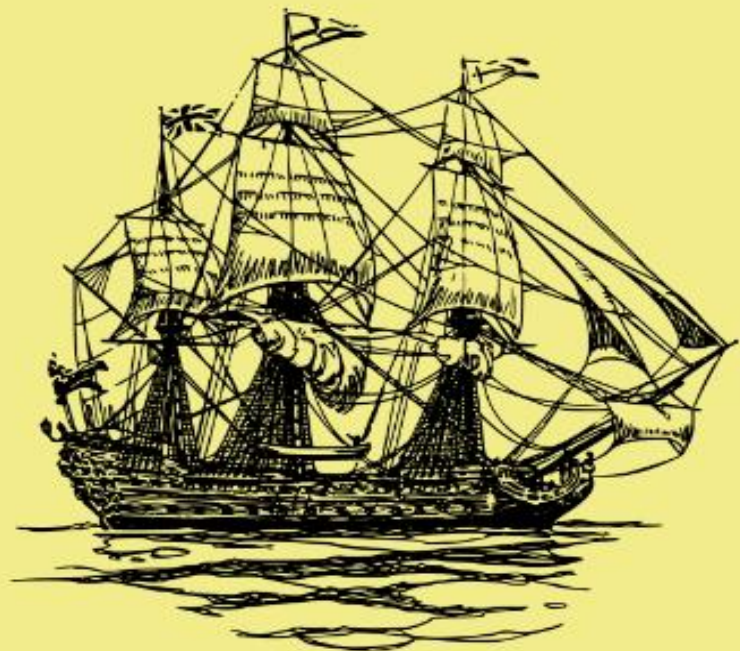
LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Được soạn bởi:

Lê Mạnh Châu

Mai Thanh Hiền

Tháng 06 – 2024



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
CÁCH TRÌNH BÀY BÀI LÀM LÀM CUỐI KÌ HỌC PHẦN	2
PHẦN 1	3
TỔNG QUAN CÁC NỀN VĂN MINH	3
Chương 1	4
VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á	4
A. VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI	4
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI	4
1. Điều kiện tự nhiên	4
2. Điều kiện kinh tế - xã hội	6
3. Các thời kì lịch sử Ai Cập cổ đại	7
* Một vài điểm lưu ý về lịch sử và văn hóa Ai Cập	8
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI	8
1. Chữ viết	8
2. Văn học	9
3. Tôn giáo	9
4. Kiến trúc và điêu khắc	10
5. Khoa học tự nhiên	11
Câu hỏi mở rộng	12
1. Kim Tự Tháp được xây dựng trên những cơ sở nào?	12
2. Vương quyền và thần quyền ảnh hưởng đến sự phát triển của văn minh Ai Cập cổ đại như thế nào ?	14
B. VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI	16
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI	16
1. Điều kiện tự nhiên	16

2. Điều kiện kinh tế - xã hội	17
3. Các thời kì lịch sử Luống Hà cổ đại.....	17
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI	
.....	18
1. Chữ viết.....	18
2. Văn học	19
3. Tôn giáo	19
4. Luật pháp	20
5. Kiến trúc và điêu khắc	21
6. Toán học, thiên văn, y học	22
Câu hỏi mở rộng	23
1. Cơ sở hình thành bộ luật Hammurabi như thế nào?.....	23
2. Ý nghĩa và tính chất của bộ luật Hammurabi	24
C. VĂN MINH ARẬP	26
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ARẬP	26
1. Điều kiện tự nhiên	26
2. Điều kiện kinh tế - xã hội	27
3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Arập	28
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH ARẬP	28
1. Hồi giáo (Đạo hồi – Islam giáo)	28
2. Văn học	33
3. Nghệ thuật.....	33
4. Khoa học tự nhiên.....	33
5. Giáo dục.....	34
Chương 2.....	35
VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI.....	35
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI.....	35

1. Điều kiện tự nhiên	35
2. Sông Ân và sông Hằng	37
3. Điều kiện kinh tế xã hội.....	37
4. Quá trình lịch sử của nền văn minh Ấn Độ cổ trung đại.....	38
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI	39
1. Chữ viết	39
2. Văn học.....	39
3. Nghệ thuật.....	40
4. Khoa học tự nhiên.....	40
5. Tôn giáo	41
Chương 3.....	51
VĂN MINH TRUNG HOA CỔ TRUNG ĐẠI	51
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH TRUNG HOA CỔ TRUNG ĐẠI.....	51
1. Điều kiện tự nhiên	51
2. Điều kiện kinh tế xã hội.....	53
3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Trung Quốc cổ trung đại	53
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH TRUNG HOA.....	54
1. Chữ viết	54
2. Văn học.....	55
3. Sử học.....	55
4. Khoa học tự nhiên.....	55
Câu hỏi mở rộng	63
1. Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu và sự ra đời, quá trình phát triển và nội dung cơ bản của Nho Giáo	63
2. Ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và xã hội Trung Quốc và một số quốc gia ở Phương Đông.....	66

Chương 4	69
VĂN MINH HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI	69
A/ VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI	69
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI	69
1. Điều kiện tự nhiên	69
2. Điều kiện kinh tế - xã hội	70
3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Hy Lạp cổ đại	70
* Mô hình thành bang Sparta và Athen	71
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI	72
1. Chữ viết	72
2. Văn học	72
3. Sử học	72
4. Kiến trúc, điêu khắc	72
5. Khoa học tự nhiên	72
6. Triết học	72
7. Tôn giáo	73
B/ VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	73
I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	73
1. Điều kiện tự nhiên	73
2. Điều kiện dân cư	73
3. Quá trình lịch sử của nền văn minh La mã cổ đại	73
II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	74
1. Chữ viết	74
2. Văn học	74
3. Luật pháp	74
4. Khoa học tự nhiên	74

5. Y học.....	75
6. Triết học.....	75
7. Kiến trúc và điêu khắc.....	75
8. Tôn giáo.....	75
Câu hỏi mở rộng.....	75
Câu hỏi: Bối cảnh xã hội La Mã và sự ra đời của đạo Cơ Đốc (Kito), giáo lý cơ bản và sự ảnh hưởng của tôn giáo này.....	75
Chương 5.....	78
VĂN MINH TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI.....	78
I – SỰ HÌNH THÀNH VÀ RA ĐỜI NỀN VĂN MINH TÂY ÂU TRUNG ĐẠI.....	78
II – VĂN MINH TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V – THẾ KỈ XIV.....	78
1. Văn minh Tây Âu (TK V-X).....	78
2. Văn minh Tây Âu (TK XI-XIV).....	79
III – HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỦA PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG.....	79
IV – NỘI DUNG TƯ TƯỞNG, THÀNH TỰU VÀ Ý NGHĨA CỦA PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG TÂY ÂU.....	80
➤ <i>Thành tựu</i>	80
* Về văn học.....	80
* Thơ.....	80
* Truyện ngắn.....	80
* Tiểu thuyết.....	80
* Kịch.....	80
* Nghệ thuật.....	80
* Kỹ thuật.....	82
* Khoa học tự nhiên.....	82
* Triết học.....	82

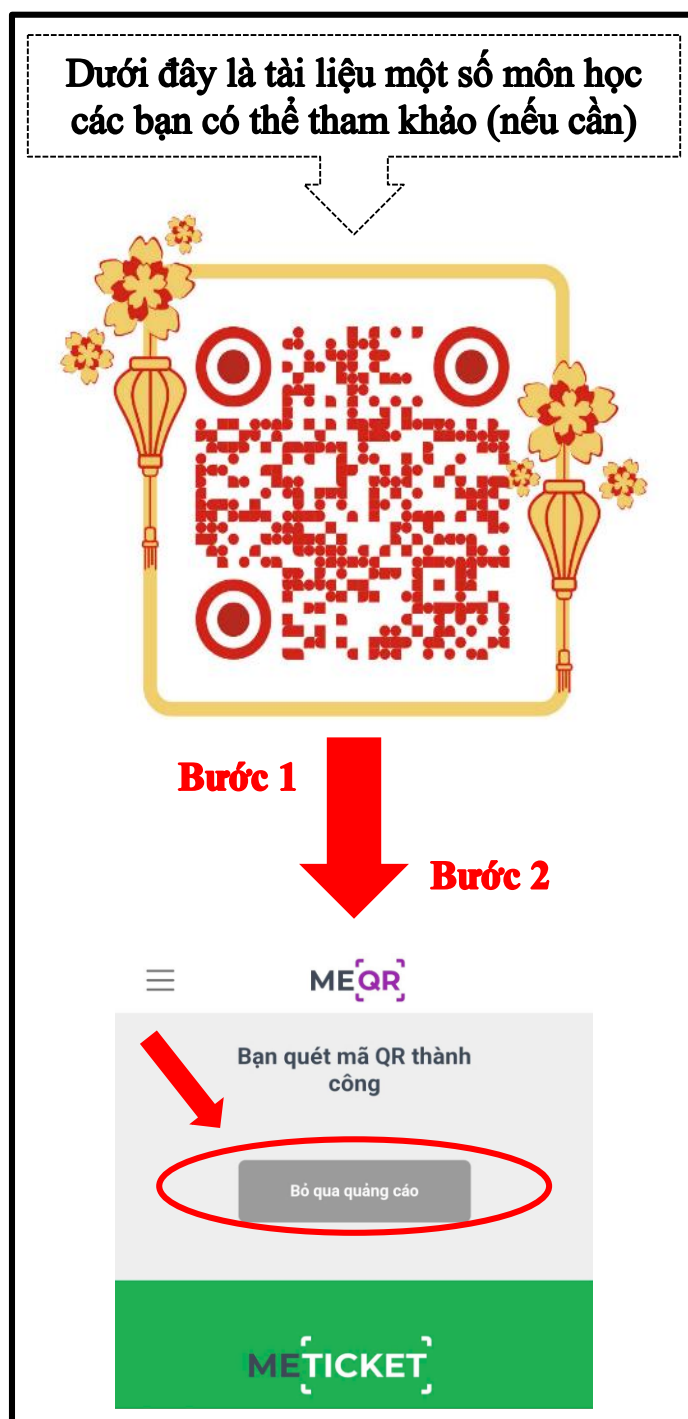
➤ Nội dung tư tưởng.....	83
➤ Ý nghĩa	83
Chương 6.....	84
CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ THẾ KỶ XV – VIII	84
* Vai trò tiên phong của TBN-BĐN: hai quốc gia đầu tiên mở đầu phát kiến địa lý	84
* Marco Polo.....	84
* Khái niệm.....	84
* Động lực	85
* CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ TIÊU BIỂU	85
* TRAO ĐỔI COLUMBUS	85
* DI SẢN CỦA KỶ NGUYÊN PHÁT KIẾN	85
Câu hỏi mở rộng	86
Câu hỏi: Hãy nêu tiền đề lịch sử, nguyên nhân, điều kiện của những phát kiến lớn về địa lý (cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI). Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn và hệ quả của nó.	86
Chương 7.....	90
SỰ XUẤT HIỆN VĂN MINH CÔNG NGHIỆP	90
I – NỀN TẢNG, DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ TÁC ĐỘNG CỦA VĂN MINH CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI.....	90
1. Nền tảng của cuộc cách mạng khoa học hiện đại.....	90
2. Tiền đề của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại	90
II – NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT	91
III – ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI	92
IV – TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI	93
* Về kinh tế.....	93

* Về xã hội.....	93
PHẦN 2.....	94
CÁC NỘI DUNG QUAN TRỌNG KHÁC.....	94
A – MỘT SỐ QUAN ĐIỂM.....	94
1. Khái niệm.....	94
1.1. Thế nào là lịch sử?.....	94
1.2. Thế nào là văn hóa?.....	94
1.3. Tính chất của văn hóa.....	95
1.4. Thế nào là văn minh?	95
2. Mối tương quan giữa văn hóa với văn minh	95
* 1) Có hai quan điểm quan trọng có thể nghiên cứu	96
* 2) Tiêu chí phân loại các thời đại/văn minh	96
3. Một số nhận định của Toynbee (Nêu thêm thật nhiều dẫn chứng, ví dụ)	97
3.1. “Tính đa dạng của tự nhiên là nguồn gốc tính đa dạng của văn hóa con người”	97
3.2. “Thế giới này nếu không có con người thì không phải là môi trường... không có con người thì môi trường cũng không tồn tại”.....	98
3.3. “Ở con người, nhân tố quyết định thành công hay thất bại không phải là chủng tộc mà đó là năng lực ứng phó đáp lại thách thức của môi trường tự nhiên”	98
B – MỘT SỐ CÂU HỎI QUAN TRỌNG.....	99
* 1) Vai trò của con người được thể hiện như thế nào trong sự phát triển của các nền văn minh?.....	99
* 2) Vai trò của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành và phát triển văn minh	101
* 3) Vai trò của các dòng sông trong sự hình thành của các nền văn minh?...103	
* 4) Có nhà nghiên cứu cho rằng "các nền văn minh đều có sức lan tỏa mạnh mẽ và luôn dung chứa giá trị dân tộc, giá trị khu vực và giá trị nhân loại". Hãy phân tích quan điểm trên.	107

* 5) Có nhà nghiên cứu cho rằng "Văn hóa chính là căn cước để định diện bản sắc của một quốc gia" Hãy phân tích quan điểm trên.	109
* 6) Hãy trình bày nhận thức của mình về: “Văn hóa”, “Văn minh” và lý giải vì sao cho đến nay lại có nhiều quan niệm, định nghĩa... về văn hóa, văn minh như vậy?	112
NỘI DUNG ÔN THI CUỐI KÌ	116
CHIA SẺ KINH NGHIỆM	118
LỜI KẾT	121

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ánh, 2015, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Vũ Dương Ninh (chủ biên), 2002, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. *Bộ giáo trình Lịch sử thế giới cổ đại/trung đại/cận đại*, NXB Giáo dục.
4. John Christopher, Robert Lee Wolff, *Lịch sử phát triển văn hóa văn minh nhân loại*, Tập 1. Văn minh Phương Tây, Tập 2. Văn minh Phương Đông, NXB. VHTT, 2004.
5. Nguyễn Thị Kim Oanh (chủ biên), 09/2022, *Tài liệu ôn tập Lịch sử văn minh thế giới*.



Các bạn làm theo các bước trên để nhận “món quà nho nhỏ” của mình nhé



LỜI CẢM ƠN

Chào các bạn độc giả, các bạn đang cầm trên tay cuốn “*TÀI LIỆU ÔN TẬP LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI*” do bạn Lê Mạnh Châu (K68 – KHQL) và bạn Mai Thanh Hiền (K68 – KHQL) đồng biên soạn. Như các bạn đã biết môn học “Lịch sử văn minh thế giới” là một trong những môn học trong chương trình đào tạo của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. “Lịch sử văn minh thế giới” là một môn học khó, các tài liệu liên quan tới môn học dài và gồm những phần đọc khó hiểu khó thấm sâu vào trong trí nhớ, một môn học yêu cầu về độ sâu của kiến thức. Dựa trên cơ sở đó, nhóm mình gồm hai bạn đến từ khoa Khoa học quản lý (KHQL) đã viết tài liệu môn học này vào thời gian tháng 06/2024. Tài liệu nhóm mình soạn tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau và có chọn lọc một cách chi tiết và cẩn thận để đáp ứng kiến thức phục vụ thi cuối kì.

Nhóm em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến chị Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 – LTH) đã cho phép nhóm em được kế thừa và phát triển “*Tài liệu ôn tập LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI – 09/2022*” trước đó của chị đồng biên soạn và em cảm ơn chị rất nhiều khi chị đồng ý cho nhóm em được kế thừa tên đề cương của chị. Nhóm em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến anh Nguyễn Tiến Đạt (K67 – CTH) đã chia sẻ những kinh nghiệm, cách trình bày bài làm và những kiến thức bổ ích tại buổi học WE PASS ngày 30/12/2023. Nhóm mình xin chân thành cảm ơn bạn Nguyễn Thị Quyên (K68 – VNH) đã bổ sung giúp cho mình những phần ghi chép quan trọng khi học ở trên lớp và những mẹo để làm bài được điểm cao cuối kì. Nhóm em xin chúc chị Oanh, anh Đạt và bạn Quyên luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong tương lai. Rất mong rằng đây sẽ tài liệu bổ ích giúp các bạn ôn thi cuối kì của học phần “Lịch sử văn minh thế giới”. Trong quá trình soạn tài liệu khó có thể tránh được những sai sót, nếu xảy ra sai sót hy vọng sẽ nhận được sự lượng thứ, góp ý từ độc giả.

Xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng!

Gửi tặng các bạn sinh viên

CÁCH TRÌNH BÀY BÀI LÀM LÀM CUỐI KÌ HỌC PHẦN

Mở bài

✍ Lịch sử loài người thuở sơ khai chớm nở đầu tiên là với ánh rạng đông của lưu vực sông Nin ... (văn cảnh)

✍ Ở đây, đã sinh ra một trong những nền văn minh rực rỡ nhất của nhân loại, đó là nền văn minh Ai Cập cổ đại (vấn đề)

✍ Qua bài viết này sẽ làm sáng tỏ những điều kiện hình thành nên nền văn minh Ai Cập và những ảnh hưởng của nó tới ngày nay (nhận định)

Thân bài

✍ Nền văn minh Ai Cập trước tiên ta thấy được là sự phát triển của tín ngưỡng đa thần nơi đây [nhận định]

✍ Bất cứ những gì họ tạo ra đều gắn với sứ mệnh linh thiêng và quyền năng của các vị thần [lý do]

Ví dụ: Thoth (khoa học), Amun-ra (nông nghiệp, nghệ thuật), Osirit (cúng tế), Isis (Y học) (bằng chứng)

✍ Việc các vị thần đều gắn với một chức vụ và công việc nào đó, cho thấy người Ai Cập cho rằng tất cả những việc họ làm suôn sẻ được đều nhờ các vị thần. Nên họ cực kỳ sùng bái các thần Totem, để mọi việc suôn sẻ hơn, qua đó tín ngưỡng thờ cúng càng mạnh mẽ [logic đảm bảo]

Kết bài

✍ Tóm lại, nền văn minh Ai Cập cổ đại đã để lại cho nhân loại nhiều thành tựu tuyệt vời và đã có nhiều đóng góp trực tiếp đối với sự phát triển của nhiều lĩnh vực trong nền văn minh thế giới. (tổng kết các luận điểm + nhấn mạnh lại nhận định)

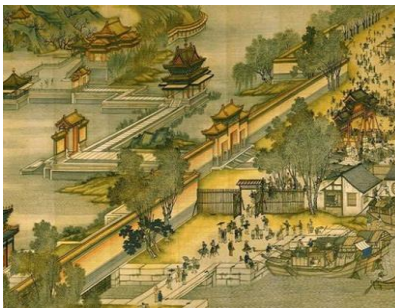
📖 *Trên đây là cách trình bày của một bài làm học phần Lịch sử văn minh thế giới, bài làm được trình bày dưới dạng bài văn đầy đủ bố cục mở bài – thân bài – kết bài. Mỗi luận điểm của thân bài được chia một đoạn đảm bảo đầy đủ ý chính của bài.*

📖 *Lưu ý: Trình bày bài làm không gạch đầu dòng, viết thành một bài văn.*

PHẦN 1

TỔNG QUAN CÁC NỀN VĂN MINH

Phần I của “*TÀI LIỆU ÔN TẬP LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI*” là tổng quan về lý thuyết về những nền văn minh như văn minh Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, Arập, Ấn Độ cổ trung đại, Trung Hoa cổ trung đại,... Phần trình bày sau đây sẽ giúp các độc giả có thêm những kiến thức về các nền văn minh trong quá trình học môn học này. Trong đề thi cuối kì của học phần, lượng kiến thức của Phần I chiếm 5 – 6 điểm trong đề thi. Mong rằng những phần kiến thức mà nhóm mình trình bày sẽ hỗ trợ các bạn ôn tập các nền văn minh một cách hiệu quả, dễ hiểu và dễ ghi nhớ.



Chương 1

VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á

A. VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI

Từ khóa quan trọng: sông Nile, Thượng và Hạ Ai Cập, kinh tế nông nghiệp, 5 thời kỳ, đa thần giáo, Pharaoh, kiến trúc kim tự tháp, giấy papyrus, chữ viết, tục ướp xác, thành tựu khoa học tự nhiên.

Dẫn luận: Ai Cập là một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại. Dựa trên cơ sở những điều kiện thuận lợi về mặt tự nhiên, ngay từ rất sớm, nơi đây đã hình thành và phát triển một nền văn minh vô cùng rực rỡ. Những thành tựu mà cư dân Ai Cập cổ đại đạt được không những là niềm tự hào của đất nước Ai Cập nói riêng mà còn là của thế giới nói chung....

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ Về vị trí địa lý, Ai Cập ở vùng Đông Bắc châu Phi, nằm dọc theo vùng hạ lưu của lưu vực sông Nin, sông Nin bắt nguồn từ vùng xích đạo của châu Phi, dài 6700 km (dòng sông dài của thế giới) chảy theo hướng từ Nam lên phía Bắc, đổ ra biển Địa Trung Hải, nhưng phần chảy qua Ai Cập dài 700 km.

→ Về đất đai, Miền đất đai do sông Nin bồi đắp chỉ rộng 15 – 25 km, ở phía Bắc có nơi rộng đến 50 km vì ở đây sông Nin chia thành nhiều nhánh trước khi đổ ra biển.

→ Hàng năm, từ tháng 6 đến tháng 11, nước sông Nin dâng cao đem theo một lượng phù sa rất phong phú bồi đắp cho vùng đồng bằng hai bên bờ ngày càng thêm màu mỡ. Sông Nin có lượng nước phong phú và lên xuống theo mùa: mùa mưa, nước dâng ngập bờ, vào thời kì mùa khô nước rút, để lại hai bên triền sông dải đồng bằng phù sa màu mỡ.

📖 Chính vì điều kiện tự nhiên thuận lợi, nền kinh tế ở đây phát triển sớm tạo điều kiện cho Ai Cập có thể bước vào xã hội văn minh sớm nhất thế giới. Cũng chính vì vậy, nhà sử học Hy Lạp Hêrôđôt nói rằng: "Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin". Sông Nin chính là yếu tố then chốt của nền văn minh Ai Cập, là huyết mạch, nguồn sống, không chỉ vai trò kinh tế mà còn là trung tâm của nền tư duy.

→ Về địa hình, Ai Cập là một nước tương đối bị đóng kín:

✍ **Phía Bắc giáp Địa Trung Hải:** Địa trung hải cho phép di cư, trao đổi tư tưởng, văn hóa, tôn giáo,... từ rất sớm, kích thích các vùng đất xung quanh hình thành nền văn minh của mình. Đây vốn là vùng biển kín, cho phép sự di chuyển đường thủy dễ dàng hơn mà không bị ảnh hưởng bởi bão trên biển. Thế nên đây là vùng đất cực kì thuận lợi để di cư. Xung quanh Ai Cập đều khó tiếp cận. Chỉ có vùng Đông Bắc, thông qua kênh đào Xuyê là con đường duy nhất của người Ai Cập cổ đại tiếp cận với Tây Á.

✍ **Phía Đông giáp Biển Đỏ, phía Tây giáp sa mạc Xahara, phía Nam giáp Nubi, nơi giáp giới ấy là một vùng núi hiểm trở khó qua lại.**

→ **Ai Cập chia làm hai miền rõ rệt theo dòng chảy của sông Nin từ Nam lên Bắc: miền Thượng Ai Cập (miền Nam) là một dải lưu vực hẹp, còn miền Hạ Ai Cập (miền Bắc) là một đồng bằng hình tam giác.**

→ **Về tài nguyên thiên nhiên, Ai Cập có rất nhiều loại đá quý như đá vôi, đá badan, đá hoa cương, đá mã não Kim loại thì có đồng, vàng, còn sắt thì phải đưa từ bên ngoài vào.**

→ **Về cư dân, cư dân chủ yếu của Ai Cập ngày nay là người Arập, nhưng thời cổ đại, cư dân ở đây là người Libi, người da đen và có thể có cả người Xêmit di cư từ Châu Á tới nữa.**

→ **Về khí hậu, khí hậu sa mạc quanh năm khô nóng đã tạo điều kiện cho văn minh Ai Cập lưu trữ những thành tựu (công trình kiến trúc cổ, bảo quản xác ướp...)**

→ **Xuất phát từ đặc điểm là nền văn minh phương Đông, hình thành trên khu vực sông Nile nên hoạt động sản xuất kinh tế nông nghiệp là hoạt động chủ đạo (trồng trọt, chăn nuôi...) ngoài ra còn có sản xuất thủ công nghiệp, thương nghiệp,...**

Nhà sử học Hy Lạp **Hêrôđôt nói rằng: "Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin"**. Những nội dung thể hiện cho câu nói như sau:

✍ **Sông Nile là dòng sông dài của thế giới, nó khác những con sông thường ở chỗ nó chảy ngược từ Nam lên Bắc.**

✍ **Dòng nước khi dâng lên sẽ từ từ, mang theo phù sa, nguồn nước, lợi thủy hải sản cho Ai Cập phát triển nền văn minh nông nghiệp, kết nối phía Nam đến phía Bắc (kinh tế, văn hóa... giữa hai vùng) nhưng hầu như không có lũ lụt. Nguồn tài nguyên đá rất phong phú.**

✍ **Ai Cập chia làm hai vùng rõ rệt theo dòng chảy của sông Nile: miền Thượng Ai Cập (miền Nam) là dải lưu vực hẹp, miền Hạ Ai Cập (miền Bắc) là một đồng bằng hình tam giác.**

✍ **Nền văn minh Ai Cập thừa hưởng rất nhiều từ sông Nile vì nước là sự sống, nhất là khi Ai Cập tiếp giáp Sahara khí hậu khắc nghiệt. Ngoài ra nó còn mang đến phù sa để phát triển nông nghiệp sớm, hình thành nhà nước. Không chỉ nông nghiệp mà còn có nguồn lợi thủy hải sản, quá trình di cư, buôn bán thương mại giữa Nam và Bắc, cũng như quá trình đi đến thống nhất giữa hai khu vực.**

✍ **Thượng lưu sông Nile không chỉ cao mà còn có tài nguyên đá phong phú. Khi xây dựng kim tự tháp thì cần khai thác đá từ cao nguyên, cần dòng chảy để vận chuyển các khối đá xuống hạ nguồn để xây dựng.**

✍ **Với Ai Cập, phía Đông sông Nile là vùng đất của người sống, còn phía Tây là vùng đất của người chết - nơi xây dựng lăng mộ, kim tự tháp.**

⇒ **Nền văn minh thừa hưởng rất nhiều từ tự nhiên để hình thành và phát triển nền kinh tế: tài nguyên đá để xây dựng công trình kiến trúc, vàng, bạc...**

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Điều kiện kinh tế

→ **Nền nông nghiệp thủy nông:** là một hệ quả tất yếu dưới tác động của các điều kiện tự nhiên. Dưới tác động của điều kiện tự nhiên, văn minh Ai Cập là nền văn minh nông nghiệp thủy nông từ rất sớm, cách đây khoảng 9000 năm. Ban đầu, lối sản xuất còn khá đơn giản, về sau ngày càng được cải tiến từ công cụ lao động, kỹ thuật sản xuất, ... Hình thái công cụ phong phú, trong đó chủ yếu là công cụ đá. Cơ chế mùa vụ, xen canh, gối vụ ... bước đầu hình thành.

→ **Thủy lợi** ngày càng trở nên cấp thiết giúp thúc đẩy các cư dân Ai Cập cổ đại phải liên kết lại tạo tiền đề hình thành nhà nước.

→ Ngoài ra, với nguồn nguyên liệu dồi dào, nhất là đá cũng thúc đẩy kinh tế thủ công nghiệp phát triển như rèn, dệt, chế tác đá, làm giấy...

2.2. Điều kiện xã hội

→ **Cư dân chủ yếu của Ai Cập hiện nay là người Ả Rập**, nhưng vào thời cổ đại thì phần lớn là người Libi, người da đen và có thể có cả người Xemit di cư từ châu Á. Dù Ai Cập có lúc suy có lúc thịnh nhưng về nhìn chung cơ bản xã hội Ai Cập tương đối bền vững.

→ Do tính chất địa lí nửa kín nửa hở nên **cấu trúc xã hội tương đối đơn giản, thống nhất**, gồm hai bộ phận chính là **Thượng Ai Cập** và **Hạ Ai Cập** là nhóm cộng đồng người khác nhau, hình thành tiểu quốc, hoặc cộng đồng ở chung với nhau.

→ Đặc biệt, vấn đề thủy lợi càng ngày trở nên cấp thiết, nó đã thúc đẩy cư dân Ai Cập cổ đại phải liên kết lại, tạo tiền đề hình thành nhà nước.

→ **Cấu trúc nhà nước:** thể hiện rõ vai trò của **Pharaoh** - tầng lớp đứng đầu trong xã hội - nắm quyền về kinh tế, quân sự, ruộng đất, luật pháp, đồng thời là thần linh trong mắt người dân. **Phía dưới là giới quan chức, binh lính, thư lại** - người sáng tạo chữ viết, người góp công xây dựng kim tự tháp, thương nhân, thợ thủ công, nông dân, nô lệ (binh lính, tù nhân thua trận,...)

→ **Cấu trúc:** phân biệt rõ giữa **tầng lớp thống trị** (Pharaoh, chủ nô, quý tộc, quan lại, tăng lữ) và **bị trị** (nông dân, tù nhân, thợ thủ công, nô lệ).

→ Vì **Pharaoh** có vai trò tối cao nên người dân có xu hướng trung thành tuyệt đối với Vua, tôn sùng, tín ngưỡng vị vua của mình.

→ **Sở dĩ Ai Cập tồn tại được là do sự phì nhiêu của lưu vực sông Nin** nên dù ai cai trị thì sông Nin vẫn nuôi sống được số dân to lớn, Ai Cập luôn có khả năng phục hồi. Một yếu tố khác cũng là yếu tố then chốt giúp Ai Cập tồn tại, đó là dân cổ Ai Cập tin vào một

vương quyền thần thánh, niềm tin bền bỉ đến nỗi cho dù triều đại có suy vong thì nó luôn được phục hồi theo một khuôn mẫu đã có từ trước. Khi nhà vua mất và vua khác lên cai trị, người Ai Cập chỉ xem đó là sự tuần hoàn như mặt trời lặn vào mọc, điều này bất biến theo thời gian. Mỗi nhà vua là một biểu tượng mới của một vị thần mặt trời, là biểu tượng của thần linh và có nhiệm vụ bảo vệ đất nước. Việc mỗi năm theo chu kỳ sau hạn hán, sông Nin lại dâng nước lên bù đắp cho ruộng đồng khô cháy và mang những tặng phẩm cao quý đến cho người dân Ai Cập cổ đại, họ cũng tin rằng đây chính là biểu tượng của sự phục sinh.

→ Dựa trên những điều kiện thuận lợi đó, nền văn minh Ai Cập cổ đại đã hình thành, trải qua lịch sử phát triển hàng ngàn năm và đạt được rất nhiều thành tựu rực rỡ.

3. Các thời kì lịch sử Ai Cập cổ đại

Nhà nước Ai Cập cổ đại ra đời từ cuối thiên niên kỉ IV TCN. Từ đó cho đến năm 525 TCN, theo cách phân chia của Manê tông, tác giả sách Lịch sử Ai Cập, sống vào thế kỉ III TCN, lịch sử Ai Cập cổ đại được chia thành 5 thời kì là Tảo vương quốc, Cổ vương quốc, Trung vương quốc, Tân vương quốc và Hậu kì vương quốc gồm tất cả 31 vương triều.

Thời kỳ Tảo Vương Quốc (khoảng 3200 - 3000 TCN):

Thời kỳ sớm của Ai Cập với sự hình thành của các quốc gia quanh khu vực sông Nile. Thời kỳ đấu tranh thống nhất: hình thành nhiều quốc gia nhỏ lẻ quanh sông Nile, có xu hướng tách lẻ và liên minh với nhau gồm Thượng Ai Cập và Hạ Ai Cập chiến tranh liên miên. Cho tới năm 3200, xuất hiện một người là Menes, Pharaoh có tài quân sự xuất chúng đã thống nhất hai liên minh.

Thời kỳ Cổ Vương Quốc (khoảng 3000 - 2200 TCN):

Thời kỳ hoàng kim của Ai Cập, hầu như các thành tựu nổi bật và quan trọng nhất bắt đầu từ thời kì này. Điển hình là các bản thiết kế, quy hoạch xây dựng kim tự tháp bắt đầu từ đây.

Thời kỳ Trung Vương Quốc (khoảng 2200 - 1570 TCN):

Đế chế Ai Cập mở rộng hơn bao giờ hết. Nhưng cũng vì mở rộng quá nhanh và quá lớn nên nó dẫn tới những khó khăn và phức tạp vào cuối thời kỳ.

Thời kỳ Tân Vương Quốc (1570 - khoảng 1100 TCN):

Xuất hiện tình trạng phân quyền cát cứ. Vai trò của Pharaoh dần suy giảm, rơi vào tay giới quan chức ở các tỉnh hoặc giới tăng lữ.

Hậu Vương Quốc (từ 1000 - 30 TCN):

Thời kỳ nền văn minh bị xâm lược từ bên ngoài, điển hình như xung đột với Lưỡng Hà, Ba Tư, Hy Lạp. Dẫn tới triều đại cuối cùng của Ai Cập không phải do Ai Cập trị vì mà là Hy Lạp trị vì. Năm 30 TCN, sự kiện Ai Cập bị người La Mã xâm lược là dấu mốc Ai Cập chính thức bị suy tàn, trở thành thuộc địa của La Mã.

*** Một vài điểm lưu ý về lịch sử và văn hóa Ai Cập**

→ Ai Cập là nơi ra đời xã hội có giai cấp và nhà nước sớm nhất trong lịch sử nhân loại, là nền văn minh đầu tiên của loài người do những điều kiện đặc thù về tự nhiên tạo nên.

→ Ai Cập cổ đại là nền văn minh tiêu biểu cho những nhà nước cổ đại đầu tiên ở phương Đông: kinh tế nông nghiệp tưới tiêu là chính; chế độ xã hội nô lệ gia trưởng; nền quân chủ chuyên chế sơ khai.

→ Nền văn hóa – văn minh Ai Cập cổ đại không tiếp tục phát triển sau thời cổ đại, bị ngắt quãng và không có ảnh hưởng sâu sắc đối với những thời kỳ lịch sử sau này.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI**1. Chữ viết**

→ Ai Cập là một trong những dân tộc đầu tiên trên thế giới sáng tạo ra chữ viết. Thời kì ban đầu là chữ tượng hình, tức là *muốn viết chữ để biểu thị một vật gì đó thì vẽ hình thù của vật ấy*.

✎ **Chữ tượng hình:** một hình thức chữ viết đơn giản - sử dụng những hình vẽ ghi chép ngoại hình để miêu tả nội dung của từ → còn **bộc lộ nhiều hạn chế, chỉ biểu thị được những từ mang tính cụ thể**, tuy nhiên không biểu hiện được những từ mang tính trừu tượng.

→ Đối với các khái niệm trừu tượng hơn thì sử dụng phương pháp mượn ý, ví dụ như chữ khát thì vẽ hình con bò đứng bên cạnh chữ nước, chữ chính nghĩa thì vẽ lông đà điểu vì lông đà điểu hầu như dài bằng nhau.

✎ **Chữ tượng ý:** được phát triển từ chữ tượng hình - song được đơn giản hóa, kết hợp nhiều hình với nhau → cũng không thể biểu đạt hết những ý phức tạp, thiếu chính xác, trong một số trường hợp có thể gây hiểu sai...

→ Sau đó phát triển dần dần xuất hiện những hình vẽ biểu thị âm tiết,... Sau này xuất hiện hình vẽ biểu thị âm tiết. Dần dần, chữ chỉ âm tiết biến thành chữ cái, ví dụ như *hòn núi nhỏ* đọc là *ca* để biểu thị phụ âm *k*.

✎ **Sự kết hợp giữa tượng ý và ghi âm:** tượng ý liên kết các hình vẽ, có sử dụng hệ thống biểu tượng để diễn đạt từ. Ghi âm sử dụng những ký hiệu đặc biệt ghi lại cách phát âm từ của con người...

→ Chất liệu viết chữ thường là đá, gỗ, đồ gốm, vải gai, da,... nhưng phổ biến nhất là giấy Papyrus. Hai bên bờ sông Nile có một loại cây là cây Papyrus, thân cây được chẻ thành thanh mỏng, ghép thành từng tờ giấy, ép mỏng rồi phơi khô. Đó là loại giấy sớm nhất thế giới. Ngoài ra, người Ai Cập lấy thân cây sậy làm bút, bồ hóng làm mực.

📖 Chữ viết đã giúp cho người Ai Cập cổ đại ghi chép, lưu trữ lại nhiều thông tin quý giá về chính trị, tôn giáo, lịch sử, văn học,... Tuy nhiên, chữ viết Ai Cập cổ còn

rất nhiều hạn chế, khó học, khó diễn giải nên trước kia chỉ có giai cấp quý tộc và hệ thống thư lại là có thể sử dụng được loại chữ này.

→ *Thiên niên kỷ II TCN*, người Hyksos xâm chiếm và sử dụng loại chữ này, sau đó lan rộng sang nhiều quốc gia khác, là cơ sở cho người Phoenicia sáng tạo ra bảng chữ cái Alphabet (Khởi nguồn hệ chữ cái Latinh) ⇒ đặt nền móng cho sự phát triển hệ thống văn tự của nhân loại.

→ *Thế kỷ XVIII-XIX*, các nhà khoa học mới dò ra cách thức được đọc chữ Ai Cập. Tuy nhiên, vì có quá nhiều ký tự biểu thị những ý nghĩa khác nhau, nên việc giải mã các ký tự là một việc rất là khó khăn.

2. Văn học

→ Ai Cập cổ đại có một kho tàng văn học khá phong phú, bao gồm *tục ngữ, thơ ca trữ tình, các câu chuyện mang tính chất đạo lý, giáo huấn, trào phúng, truyện thần thoại...* Trong số đó, *Truyện hai anh em, Nói Thật và Nói Láo, Nói chuyện với linh hồn của mình, Lời kể của Ipuxe, Lời răn dạy của Đuáúp, Sóng sót sau vụ đắm thuyền v.v...* là những truyện tương đối tiêu biểu.

3. Tôn giáo

→ Người Ai Cập thờ rất nhiều thần: thần tự nhiên, thần động vật, linh hồn người chết,... Người Ai Cập cổ đại thờ đa thần.

→ Thiên thần: gọi là thần Nut, là một nữ thần thường được thể hiện thành hình tượng một người đàn bà hoặc một con bò cái.

→ Địa thần: là một nam thần, được gọi là thần Ghép

→ Thủy thần: tức là sông Nin, gọi là thần Osiris

→ Các thần thường kết hợp với nhau và tạo thành những vị thần mới. Ví dụ như thần Không Khí Su là kết quả từ Thiên thần Nut và Địa thần Ghép.

→ Tuy nhiên, thần Mặt Trời Ra được coi là vị thần quan trọng nhất. Thời Trung vương quốc, Thebes trở thành kinh đô của Ai Cập. Vì vậy thần Mặt Trời của Thebes trở thành vị thần cao nhất của Ai Cập. Biểu tượng của thần Ra là con chim cắt.

→ Thời Tân vương quốc, do tầng lớp tăng lữ thờ thần Mặt Trời quá mạnh nên vua đã tiến hành cải cách tôn giáo, chủ trương thờ một vị thần Mặt Trời mới tên Aten - vị thần duy nhất, các vị thần khác đều bị cấm thờ phụng.

→ Ngoài thần Mặt Trời, người Ai Cập còn thờ thần Mặt Trăng Thoth - thần văn tự, kế toán và trí tuệ.

→ Thờ người chết: họ quan niệm rằng trong mỗi con người đều có một linh hồn, con người không thể nhìn thấy. Linh hồn tồn tại đến khi thi thể con người hủy nát ⇒ Nhưng

nếu giữ được thể xác nguyên vẹn, một thời điểm nào đó linh hồn sẽ quay về nhập vào thể xác và con người sẽ sống lại → tục ướp xác. Chính vì quan niệm như vậy nên người Ai Cập mới có tục ướp xác.

→ **Thờ nhiều loại động vật**: từ dã thú, gia súc đến côn trùng, đặc biệt là bò mộng Apix

→ **Thờ các hình tượng tưởng tượng** như phượng hoàng, nhân sư (đầu người mình sư tử
⇒ muốn có sức mạnh như sư tử, trí tuệ như con người)

→ Các vị thần mang hình dáng con người thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của loài người. Ngoài ra còn **có các vị thần động vật** như mèo, chó,...

→ Đối với người Ai Cập, **Pharaông** là một biểu tượng quyền lực tối cao, là hiện thân của thánh thần. Họ tôn sùng Pharaông như thần linh (được hôn ngón chân cái của Pharaông chính là một vinh dự lớn). Trong lịch sử Ai Cập, từng diễn ra những cuộc cải cách tôn giáo, mục đích là kết hợp giữa sức mạnh vương quyền và thần quyền.

→ Nhờ có vị trí địa lý thuận lợi nên người Ai Cập ít gặp khó khăn trong cuộc sống nên họ rất biết ơn, sùng kính thần linh, tôn sùng vô điều kiện vì họ cho rằng các vị thần đã ban cho họ cuộc sống thuận lợi như ý.

4. Kiến trúc và điêu khắc

Nghệ thuật kiến trúc của Ai Cập cổ đại đã đạt đến trình độ rất cao. Các công trình kiến trúc tiêu biểu là cung điện, đền miếu, đặc biệt nhất là Kim tự tháp.

4.1. Kiến trúc

Dẫn: Kim tự tháp là những ngôi mộ của các vua Ai Cập thuộc vương triều III và vương triều IV thời cổ vương quốc. Các ngôi mộ ấy được xây ở vùng sa mạc ở Tây Nam Cairo ngày nay.

→ Kim tự tháp là những ngôi mộ của các vua Ai Cập, được xây từ thời của vị vua đầu tiên thời kỳ Cổ vương quốc. Thời kỳ kim tự tháp được xây dựng nhiều nhất và đồ sộ nhất là thời vương triều IV.

→ Sau quãng thời gian dài suốt mấy nghìn năm, các kim tự tháp vẫn trụ vững ở vùng sa mạc Ai Cập nên từ thời cổ đại, từ lâu người Ảrập có câu: "Tất cả đều sợ thời gian, nhưng thời gian sợ Kim tự tháp". Và cũng chính vì vậy, từ thời cổ đại, người ta đã xếp kim tự tháp Keop là một trong bảy kỳ quan thế giới. Đến nay, trong bảy kì quan ấy, cũng chỉ còn lại mỗi Kim tự tháp.

4.2. Điêu khắc

→ Đối tượng chủ yếu được miêu tả là tôn giáo, thần thánh, các vị Pharaoh,... là một bộ phận của kiến trúc và không tách rời kiến trúc. Có thể kể đến những tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của người Ai Cập cổ đại như tượng thư lại, tượng nhân sư Xphanh, tượng hoàng hậu Nê-phéc-ti-ti, phù điêu trên các lăng mộ cổ,...

→ Nghệ thuật điêu khắc của Ai Cập cổ đại cũng có những thành tựu rất lớn ở hai mặt là tượng và phù điêu. Từ thời Cổ vương quốc, các vị vua thường cho tạc tượng của mình và các thành viên vương thất với chất liệu chủ yếu là đá, gỗ hoặc đúc bằng đồng. Độc đáo nhất là tượng Sphinx.

→ Tượng nhân sư Xphanh (Sphin): đây là công trình điêu khắc tiêu biểu của Ai Cập. Xphanh là nhân sư (đầu người, mình sư tử), thường đặt trước cổng đền miếu.

Lớn nhất và tiêu biểu nhất là tượng Xphanh đặt ở Kim tự tháp Kê – phren ở Ghide. Tượng này dài 55m, cao 20m, riêng tai dài 2m, là tượng của vua Kê — phren, thể hiện vua dưới hình tượng đầu người mình sư tử là muốn ca ngợi vua không những có trí tuệ của loài người mà còn có sức mạnh như sư tử.

5. Khoa học tự nhiên

5.1. Thiên văn

→ Các nhà thiên văn học Ai Cập cổ đại thường ngồi trên nóc đền miếu để quan sát bầu trời. Họ vẽ hình thiên thể lên trần đền miếu, biết được 12 cung hoàng đạo và các hành tinh như sao Thủy, sao Kim,... xác định vị trí của nhiều hành tinh trong hệ Mặt Trời; họ còn tính toán được chính xác sự lên xuống của mực nước dòng sông Nin,...

→ Ngoài ra, họ còn phát minh ra đồng hồ để biết thời gian.

→ Đo đạc thời gian: một số loại đồng hồ như đồng hồ mặt trời, đồng hồ nước....

→ Thành tựu quan trọng nhất trong lĩnh vực thiên văn của Ai Cập cổ đại là việc đặt ra lịch. Lịch Ai Cập dựa trên kết quả quan sát tinh tú và quy luật dâng nước của sông Nin. Lịch của họ được phát minh rất sớm, tương đối chính xác và thuận tiện. Họ nhận thấy rằng buổi sáng sớm khi sao Lang bắt đầu mọc cũng là lúc nước sông Nin bắt đầu dâng; khoảng cách giữa hai lần mọc của sao Lang là 365 ngày. Họ lấy khoảng thời gian ấy làm 1 năm. Một năm chia làm 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, 5 ngày còn lại thừa xếp vào cuối năm. Mỗi năm được chia làm 3 mùa, mỗi mùa 4 tháng. Đó là mùa nước dâng, mùa ngũ cốc, mùa thu hoạch.

5.2 Toán học

→ Do yêu cầu phải đo đạc lại ruộng đất bị nước sông làm ngập và phải tính toán vật liệu trong các công trình xây dựng nên người Ai Cập đã có khá nhiều hiểu biết đáng chú ý về toán học từ rất sớm.

→ Vấn đề đầu tiên là phép đếm. Người Ai Cập cổ đại đã biết dùng phép đếm lấy 10 làm cơ sở, các chữ số được dùng chữ tượng hình để hiển thị nhưng vì không có số 0 nên cách viết chữ số của họ tương đối phức tạp. Hệ thống thập tiến vị được sử dụng (quy ước cứ 10 đơn vị tạo thành 1 chục)

→ Về phép tính cơ bản, họ chỉ mới biết phép cộng trừ. Còn nhân chia, vì chưa biết bảng nhân nên phải dùng phương pháp cộng trừ liên tiếp.

→ Đến thời Trung vương quốc, mầm mống của đại số đã xuất hiện. Ấn số x gọi là một đồng.

→ Về hình học, người Ai Cập đã tính được gần đúng số pi $\sim 3,16$; tính ra công thức tính diện tích hình tam giác, diện tích hình cầu, thể tích hình tháp đáy vuông và vận dụng lượng giác học. Thể hiện thông qua cách tính tỉ lệ của các kim tự tháp, khả năng tính toán lên đến hàng triệu...

5.3. Y học

→ Do tục ướp xác thịnh hành nên từ rất sớm, người Ai Cập đã hiểu biết tương đối rõ về cấu tạo cơ thể người, tạo điều kiện cho y học phát triển.

→ Về nguyên nhân gây bệnh, người Ai Cập đã nhận thức rằng không phải do ma quỷ hay phù thủy gây nên mà do sự bất thường của mạch máu. Hơn nữa, từ thời Trung vương quốc, người Ai Cập đã biết tầm quan trọng của óc và tìm đối với sức khỏe của con người. Tuy họ chưa biết sự tuần hoàn của máu nhưng họ đã nhận biết sự liên quan giữa tim và mạch máu.

→ Các tài liệu cũng ghi lại nhiều bài thuốc và phương pháp chữa trị. Các thầy thuốc thời đại này còn biết dùng phẫu thuật để chữa bệnh. Việc chữa bệnh được chuyên môn hóa khá tỉ mỉ.

→ Đã có khả năng nhận biết các loại bệnh và có kinh nghiệm, phương pháp trong điều trị một số căn bệnh.

→ Đạt thành tựu rực rỡ trong kỹ thuật ướp xác, đây là một kỹ thuật đặc biệt, đòi hỏi kỹ thuật giải phẫu, hiểu biết rõ về ngoại khoa ra và bác sĩ phải rất giỏi mới có thể thực hiện được.

Câu hỏi mở rộng

1. Kim Tự Tháp được xây dựng trên những cơ sở nào?

🦋 Cơ sở tự nhiên

→ Vị trí địa lý: Kim tự tháp được xây dựng chủ yếu ở phía Bắc, tại đây địa hình là những dải đồng bằng tương đối bằng phẳng, điều này thích hợp để lựa chọn làm nơi xây dựng những công trình lớn.

→ Khí hậu: giáp sa mạc Sahara khí hậu khô nóng tự nhiên thích hợp bảo quản lưu giữ công trình cũng như bảo quản xác ướp.

→ Sông ngòi: sông Nin chảy từ Nam ra Bắc, tạo điều kiện cho việc vận chuyển đá và các nguyên vật liệu khác.

→ Tài nguyên đá: *phong phú, khu vực rừng núi Nubi phía nam có những loại đá phù hợp để xây dựng và trang trí, là vật liệu xây dựng chủ yếu của kiến trúc.*

🦏 Cơ sở tôn giáo

→ Kim tự tháp là kết quả của niềm tin tôn giáo.

→ Người Ai Cập cổ quan niệm linh hồn bất tử dẫn đến nhu cầu bảo tồn thể xác.

→ Niềm tin vào thế giới bên kia, về sự vĩnh hằng, chết không phải là kết thúc.

→ Sự tôn thờ Pharaoh của người Ai Cập cổ, Pharaoh là người có quyền năng tối thượng được coi là thần hiện thân trên trái đất → việc ướp xác và xây dựng Kim tự tháp là để chứng tỏ sự trường tồn và sự bất diệt của sức mạnh Pharaoh.

→ Sự chi phối của tôn giáo cũng tạo ra động lực và niềm tin cho những người tham gia xây dựng Kim tự tháp vì với họ việc tham gia xây dựng như một sự cống hiến cho các vị thần, là một niềm vinh dự lớn lao → số lượng người tham gia luôn được đảm bảo.

🦏 Cơ sở kinh tế

→ Khả năng phát triển kinh tế nông nghiệp vượt trội của Ai Cập thời kỳ cổ Vương quốc không chỉ đảm bảo cuộc sống cơ bản cho người dân, mà còn đáp ứng được mọi nhu cầu xa xỉ của tầng lớp thống trị.

→ Thời kỳ Trung và Tân vương quốc quan hệ kinh tế rộng mở hơn: *thương nghiệp, đặc biệt là ngoại thương rất phát triển, thủ công nghiệp cũng phát triển mạnh.*

🦏 Cơ sở chính trị: Nền chính trị Ai Cập tạo ra nhu cầu và khả năng cho các Pharaoh xây dựng Kim tự tháp.

→ Nhà nước quân chủ chuyên chế và trung ương tập quyền mạnh là điều kiện cần thiết để huy động và tiến hành các công trình vĩ đại. *Pharaoh là người có quyền lực và sức mạnh vô hạn bởi sự kết hợp của vương quyền và thần quyền.*

→ Chính quyền trung ương đứng đầu là Pharaoh khẳng định quyền sở hữu tối cao đối với mọi tư liệu sản xuất và nguồn của cải của đất nước, kể cả nguồn lực con người.

🦏 Cơ sở xã hội

→ Sự phân hóa xã hội đã đưa tới sự hình thành các bộ phận giai cấp và tầng lớp khác nhau để phục vụ những nhu cầu xa xỉ của giai cấp thống trị (nông dân công xã trực tiếp sản xuất tạo ra nguồn của cải cho đất nước, và nô lệ là lực lượng lao động trực tiếp xây dựng các công trình kiến trúc)

→ Sự phân công lao động hợp lý tạo nên sự lành nghề, chuyên môn hóa cao của đội ngũ kiến trúc sư, thợ thủ công. Điều này để lại dấu ấn trên các công trình kiến trúc và điêu khắc.

→ Ngoài ra, cơ sở về tri thức khoa học và kỹ thuật thiên văn học.....đóng góp rất lớn cho việc xây dựng Kim tự tháp.

NHẬN XÉT:

Ở thời cổ đại, Kim tự tháp chỉ là lăng mộ của các vị vua và nhà vua thời cổ nắm mọi quyền hành. Về sau, bên cạnh Kim tự tháp của các vua thì còn có Kim tự tháp của các lãnh chúa, tăng lữ, thương nhân, số lượng Kim tự tháp ngày càng tăng lên nhưng quy mô thì nhỏ đi.

Lý do:

Khi quân đội Ba Tư, Hy Lạp, La Mã đến xâm lăng và sáp nhập Ai Cập vào đế quốc của họ, nhưng nền văn minh của họ vẫn tồn tại, tại vì nói chung những nước xâm lược này vẫn tôn trọng nền văn minh cổ Ai Cập và cho nó được tiếp tục. Tuy nhiên, nền văn minh cổ Ai Cập đã không thể tiếp tục tồn tại khi Đế quốc La Mã chuyển theo Thiên Chúa Giáo, đưa Thiên Chúa Giáo vào Ai Cập. Quan niệm vương quyền của Ai Cập đã lung lay trước sự ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo, và các ông vua không còn là biểu tượng của thần linh nữa. Tín ngưỡng tang ma của người Ai Cập (biểu hiện qua việc ướp xác) cũng mâu thuẫn với những điều trong Thiên Chúa Giáo. Khi quan niệm vương quyền thần linh không còn → nền văn minh cổ Ai Cập tàn lụi dần.

2. Vương quyền và thần quyền ảnh hưởng đến sự phát triển của văn minh Ai Cập cổ đại như thế nào ?

Dẫn: Văn minh Ai Cập cổ đại là một trong những nền văn minh lâu đời và phát triển nhất trên thế giới. Nền văn minh này có mối quan hệ vương quyền và thần quyền rất đặc biệt, đã góp phần quan trọng cho sự phát ra đời phát triển của nền văn minh này.

 **Về vương quyền:** Vương quyền của Ai Cập cổ đại là một chế độ quân chủ chuyên chế, được cai trị bởi các vị Pharaoh. Họ có quyền lực tối cao trong cả lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo.

 **Về thần quyền:** Tôn giáo Ai Cập cổ đại là một tôn giáo đa thần, thờ nhiều vị thần khác nhau. Các vị thần được coi là những đáng tối cao, có quyền lực cai quản vũ trụ và con người.

► Mối quan hệ giữa vương quyền và thần quyền của Ai Cập cổ đại được thể hiện ở:

→ Vị pharaoh được coi là con của thần Ra - vị thần tối cao của Ai Cập cổ đại. Điều này có nghĩa là vị Pharaoh có quyền lực tối cao, được thần linh ban cho. Vị

Pharaoh là người đại diện cho thần linh trên trái đất. Họ có nhiệm vụ thực hiện ý muốn của thần linh, cai trị đất nước và bảo vệ người dân.

→ Tôn giáo là cơ sở của quyền lực vương quyền: Các vị Pharaoh sử dụng tôn giáo để củng cố quyền lực của mình. Họ cho xây dựng các đền thờ lớn, tổ chức các lễ hội tôn giáo,... để thể hiện quyền lực và sự uy tín của mình. Tác động của mối quan hệ vương quyền và thần quyền đến sự phát triển của nền văn minh Ai Cập.

► Mối quan hệ này đã tạo nên sự ổn định chính trị, xã hội:

→ Mối quan hệ vương quyền và thần quyền đã tạo nên sự ổn định chính trị, xã hội ở Ai Cập. Các vị Pharaoh được coi là con của thần linh, có quyền lực tối cao. Điều này đã giúp cho Ai Cập có được một chính quyền mạnh mẽ, thống nhất, có thể cai trị đất nước một cách hiệu quả.

► Mối quan hệ này đã tạo nên kích thích sự phát triển kinh tế:

→ Mối quan hệ vương quyền và thần quyền đã kích thích sự phát triển kinh tế ở Ai Cập. Các vị Pharaoh đã sử dụng quyền lực của mình để xây dựng các công trình lớn, như kim tự tháp, đền thờ,... Các công trình này đã tạo ra nhiều việc làm, thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề thủ công, xây dựng,...

► Mối quan hệ này đã tạo nên phát triển văn hóa, nghệ thuật:

→ Mối quan hệ vương quyền và thần quyền đã phát triển văn hóa, nghệ thuật ở Ai Cập. Các vị Pharaoh đã sử dụng quyền lực của mình để tài trợ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Điều này đã giúp cho Ai Cập có được một nền văn hóa, nghệ thuật phong phú, đa dạng.

Nhìn chung, mối quan hệ vương quyền và thần quyền của Ai Cập cổ đại là một mối quan hệ đặc biệt, đã góp phần quan trọng cho sự phát ra đời phát triển của nền văn minh này.

B. VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

Từ khóa quan trọng: Mesopotamia, sông Tigris và Euphrates, năm thời kỳ, thành bang, nông - thương nghiệp, tôn giáo đa thần, chữ viết, luật Hammurabi, khoa học tự nhiên, kiến trúc (Đền Ziggurat, vườn treo Babylon)

Dẫn luận: *Vùng Tây Á là nơi xuất hiện sớm nhất nhiều quốc gia có nền văn minh nổi tiếng như Lưỡng Hà, Babilon, Assyria, Phoenicia, Palestine... Văn minh Tây Á cũng là sự tổng hợp, hội tụ của nhiều nền văn minh. Những nền văn minh ấy vừa có sắc thái riêng, vừa có sự kế thừa và phát triển đồng thời tác động lẫn nhau. Trong số đó, văn minh Lưỡng Hà có trình độ phát triển về các mặt kinh tế, chính trị và văn hóa cao hơn cả.*

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ *Về vị trí địa lý, Lưỡng Hà là miền đất nằm giữa hai sông Tigris (Đông) và sông Ophrat (Tây). Hai con sông này có vị trí quan trọng trong việc hình thành đồng bằng ở giữa tạo nên nền văn minh Lưỡng Hà, nơi hẹp nhất giữa hai dòng sông được gọi là Babylon.*

✍ Lưỡng Hà nằm ở khu vực cận Đông của thế giới (Án Độ, Trung Quốc là viễn Đông). Đây là vị trí quan trọng vì nó là sự kết hợp giữa phương Đông và Tây, các tuyến đường thương mại đều phải đi qua Lưỡng Hà trong cả lịch sử tới hiện tại, dẫn tới sự di cư của các cộng đồng khác nhau tới Lưỡng Hà để sinh sống. Đây là vị trí án ngữ giữa cửa ngõ châu Á, Âu, Phi.

✍ Lưỡng Hà nằm ở Địa Trung Hải - cái nôi của các nền văn minh cổ đại trên thế giới. Nhờ đó mà Lưỡng Hà có thể giao lưu trao đổi với các khu vực khác rất dễ dàng trên cả đường bộ và đường biển, tiếp thu các thành tựu từ bên ngoài và lan truyền thành tựu của mình ra bên ngoài.

✍ Lưỡng Hà hoàn toàn mở về mặt địa lý vì nó nằm trên vùng đất bằng phẳng, kết nối trực tiếp Ba Tư, Trung Đông, Ả Rập. Vì có hệ thống đường xá thuận lợi nên từ sớm, các tộc người đã tập trung bên hai con sông để phát triển cuộc sống. Cũng vì thế mà Lưỡng Hà xuất hiện các cuộc xung đột tộc người từ sớm để chiếm ưu thế về mặt địa lý, tôn giáo, tài nguyên, quyền lực,...

→ *Về đất đai:* Lưỡng Hà do được hai con sông lớn bồi đắp hàng năm nên đất đai phì nhiêu, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, lúa mì lúa mạch có thể sản xuất 3 vụ một năm. Chính nhờ đất đai phì nhiêu cũng như Ai Cập cổ đại, kinh tế ở đây sớm có điều kiện phát triển do đó Lưỡng Hà đã sớm bước vào xã hội văn minh.

→ *Về địa hình:* Lưỡng Hà là một vùng hoàn toàn dễ ngó về mọi phía, không có những biên giới hiểm trở bảo vệ, vì vậy trong mấy ngàn năm lịch sử vùng này đã trở thành nơi tranh giành của nhiều tộc người khác nhau, dẫn đến sự hưng vong của nhiều quốc gia.

→ *Về tài nguyên:* không giàu có, Lưỡng Hà hiếm đá quý và hiếm kim loại nhưng lại có một loại đất sét tốt, vì vậy đất sét trở thành nguyên liệu chủ yếu của các ngành kiến trúc,

lưu trữ văn bản, chữ viết, thậm chí đất sét còn được đưa vào trong huyền thoại. Họ lợi dụng đất sét để tạo thành công cụ phục vụ cho đời sống như gốm sứ, xây dựng cơ sở hạ tầng, tận dụng nó để làm nguồn nguyên liệu viết chữ. Tuy nhiên vì nó dựa chủ yếu vào đất sét nên những thành tựu, di sản còn lại của Lưỡng Hà ít hơn Ai Cập.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Điều kiện kinh tế

→ **Nền văn minh nông nghiệp kết hợp với văn minh thương nghiệp.** Nông nghiệp có nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển đặc biệt là vùng đồng bằng bằng phẳng, ít bị ngăn cách, nguồn cung cấp nước tưới đều đặn từ hệ thống sông Tigro - Ophrat. Nhờ có điều kiện tự nhiên thuận lợi nên ngay khi công cụ sản xuất còn tương đối thô sơ thì nông nghiệp vẫn có điều kiện phát triển, sớm bước vào xã hội văn minh.

→ Người Lưỡng Hà đã biết tận dụng địa thế thuận lợi để tăng năng suất, họ tự thiết kế hệ thống thủy lợi, kênh rạch nối từ sông vào ruộng, bánh xe, đập nước để điều khiển dòng nước theo ý muốn. Do đó kinh tế phát triển, nông nghiệp chủ đạo phát triển Lưỡng Hà thành nền văn minh nông nghiệp. Lưỡng Hà là nền văn minh phát triển thương mại, xuất hiện tiền tệ từ sớm. Thời kỳ Babylon, yếu tố thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển mạnh mẽ. Ban đầu người dân dùng lúa mạch để trao đổi, sau này ra đời đồng tiền - công cụ kích thước nhỏ thuận lợi trao đổi, giúp người dân định giá hàng hóa, giá trị hàng hóa được thống nhất qua đồng tiền, giúp người dân tích lũy vốn. Một loại hình hàng hóa khác cũng xuất hiện là dịch vụ (hỗ trợ vận chuyển hàng hóa, phiên dịch thông tin hàng hóa, tư vấn ký hợp đồng, phân phối hàng hóa,...). Mạng lưới thương mại rất phát triển, vươn tới nhiều khu vực trên thế giới, thậm chí còn đi vào khu vực phương Tây. Lưỡng Hà trở thành điểm nóng thương mại, nó quyết định xã hội và sự phát triển của nền văn minh. Họ cũng đã biết lợi dụng thuyền đường thủy để di chuyển giữa các thành bang.

2.2 Điều kiện xã hội

→ **Cư dân cổ xưa nhất ở Lưỡng Hà là người Xume nhưng sau đó có nhiều dân tộc như Accat, Amorit, Xêmit đã đến xâm lược Lưỡng Hà và lập nên nhiều quốc gia riêng.** Ngoài ra, các tộc người trước sau tới Lưỡng Hà lại đồng hóa với nhau khiến cho thành phần cư dân ở đây hết sức phức tạp. Tộc người trước và sau cùng chung sống và tạo ra nền văn hóa độc đáo riêng biệt.

3. Các thời kì lịch sử Lưỡng Hà cổ đại

 **Đầu thiên niên kỉ III TCN - Giữa thiên niên kỉ III TCN:** Nhà nước đầu tiên của người Xume.

Chủ nhân của thời đại này là người bản địa, sau này cư dân bên ngoài xâm nhập vào khu vực hai con sông. Nhà nước sơ khai của Lưỡng Hà là của người Xume, dưới hình thức thành bang.

 **Cuối 2400 TCN - cuối 2300 TCN:** Thành bang Accat.

Một người tên Xacgon đứng lên thống nhất vùng đất Lưỡng Hà. Thành bang Accat trở thành thành bang trung tâm quan trọng nhất của Lưỡng Hà.

Từ 2132 TCN – 2024 TCN: Vương triều III của Ua.

Ua đã ban bố một số bộ luật mà ngày nay đã phát hiện được một số đoạn. Đó là bộ luật cổ nhất trong lịch sử thế giới.

Đầu TK XIX TCN - năm 729 TCN: Vương quốc cổ Babylon.

Thời kỳ hoàng kim của Lưỡng Hà. Các thành tựu kinh tế, xã hội, nhà nước, đặc biệt là luật pháp ra đời trong thời kỳ này.

Năm 626 TCN - 328 TCN: Thời kì Tân Babilon và Ba Tư.

Vương quốc tân Babylon hình thành năm 626 TCN. Sau này bị Ba Tư chinh phục vào 528 TCN, sau đó nữa là người Hy Lạp chinh phục.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

1. Chữ viết

→ **Chữ viết đầu tiên** do người Xume sáng tạo vào cuối thiên niên kỷ IV TCN. Chữ viết này là chữ tượng hình, dùng que để vạch trên đất sét.

✍ Trong thời kì đầu, chữ viết của Lưỡng Hà cũng là **chữ tượng hình**. Dần dần, các hình vẽ được đơn giản hóa tức là không phải vẽ toàn bộ sự vật mà **chỉ vẽ một bộ phận tiêu biểu**.

Ví dụ, muốn viết các chữ *chim*, *lá*, *lúa*, *nước* thì vẽ hình *con chim*, *con cá*, *bông lúa*, *làn sóng*. chữ *trời* chỉ vẽ một ngôi sao, chữ *bò mộng* chỉ vẽ cái đầu với hai sừng dài.

✍ **Sử dụng phương pháp biểu ý để biểu hiện các khái niệm, động tác.**

Ví dụ, muốn viết chữ *khóc* thì vẽ con mắt và nước, để thì vẽ chim và trứng, bò rừng thì vẽ bò và núi. Lúc đầu, hình cái cây vừa có nghĩa là cái cây, lại có nghĩa là người cày. Để phân biệt, bên cạnh hình cái cây thêm hình gố thì có nghĩa là cái cây, bên cạnh hình cái cây có thêm hình người thì có nghĩa là người cày.

✍ Người ta còn **dùng hình vẽ để mượn âm thanh**.

Ví dụ, muốn biết âm *xum* thì vẽ bó hành, vì bó hành có âm là *xum*. Các hình vẽ chỉ âm tiết còn kết hợp với một số hình khác để phân biệt các khái niệm. Ví dụ, hình bàn chân kết hợp với âm tiết NA là "đi", hình bàn chân kết hợp với âm BA là "đứng", chữ *hài thanh* còn dùng để biểu đạt nhiều loại từ khác như giới từ, phó từ...

✍ Nhờ có **chữ hài thanh**, số chữ tượng hình càng ngày càng ít đi. Lúc đầu có khoảng 2000 chữ, nhưng đến thời Lagát chỉ còn lại khoảng 600 chữ.

→ Do **giới hạn về nguyên liệu, công cụ** nên họ phải đơn giản hóa chữ viết thành chữ "**nêm**". Chất liệu dùng để viết là các tấm đất sét còn ướt và những que vót nhọn. Viết trên đất sét chỉ thích hợp với những nét thẳng, ngắn; vì vậy, những nét dài được thay bằng nhiều nét ngắn và cong thì thay bằng nét thẳng. Họ khắc ký tự lên đất sét để ghi chép lại thông tin, thống kê các con số, kể lại các câu chuyện. Đó là nguồn gốc đầu tiên

ra đời chữ viết của nền văn minh Lưỡng Hà. Một số người cho rằng chữ viết của Lưỡng Hà có ảnh hưởng tới nền văn minh phương Tây.

→ Sử dụng cho mục đích hành chính, tôn giáo, văn học, khoa học... Khởi đầu là những bức tranh đơn giản vẽ nguệch ngoạc trên đất sét ướt để theo dõi hàng hóa và quy trình giao thương, sau đó phát triển thành một hệ thống chữ viết tinh vi vào năm 3200 TCN.

→ Về sau người Phenixê và người Ba Tư cải tiến chữ viết hình thành văn chữ cái, tuy nhiên phải đến sau công nguyên, chữ phiên âm mới hoàn toàn thay thế. Ngày nay, các tư liệu của văn minh Lưỡng Hà đã được giải mã và dịch ra ngôn ngữ hiện đại.

2. Văn học

→ Hai bộ phận chính: văn học dân gian và sử thi.

→ Văn học dân gian: phản ánh cuộc sống lao động của nhân dân, cách ứng xử của con người được truyền miệng từ đời này sang đời khác nên ngày nay được biết đến không nhiều.

→ Sử thi: Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tín ngưỡng, tôn giáo Lưỡng Hà cổ đại nên chủ đề là ca ngợi các thần, tiêu biểu như sử thi Khai thiên lập địa, Nạn hồng thủy, Gingamét,... Một thành tựu đáng nói là sử thi Gilgamesh - bộ sử thi cổ nhất của lịch sử thế giới, ra đời đầu tiên vào TNK III TCN, thành bang Ua. Nó thể hiện tư duy triết học, lịch sử, đặc trưng văn hóa xã hội, quan niệm của người dân về chủ nghĩa anh hùng của nền văn minh Lưỡng Hà, nội dung chính của sử thi kể về người anh hùng Gilgamesh. Câu chuyện phản ánh quan niệm chết là hết của người Lưỡng Hà.

3. Tôn giáo

→ Cư dân Lưỡng Hà cổ đại thờ rất nhiều loại thần như thần tự nhiên, thần động vật, linh hồn người chết,... Tuy nhiên mỗi thành bang lại thờ các vị thần khác nhau, vị trí các thần cũng khác nhau.

→ Thần tự nhiên chủ yếu gồm có: Thần Anu là thần trời, thần Enlin là thần đất, Thần Ea là thần nước,.....

→ Việc thờ cúng thần chết cũng rất được coi trọng, người Lưỡng Hà rất chú ý đến lễ mai táng. Họ quan niệm rằng, con người sau khi chết cũng có một cuộc sống như ở trần thế, do đó, những người giàu có khi mai táng sẽ được chôn cùng những thứ quý giá và được xây dựng những lăng mộ lớn.

→ Thời kỳ đầu, người Lưỡng Hà theo đa thần giáo: thần trời, thần mặt trời, thần đất, thần nước, thần ái tình. Hơn nữa, khi chưa thống nhất, Lưỡng Hà bao gồm nhiều thành bang, mỗi thành bang lại thờ những vị thần riêng nên đối tượng sùng bái của cư dân Lưỡng Hà rất phức tạp. Tuy nhiên, vào thời Hammurabi, thần Marduk trở thành vị thần chung.

→ Đối với người Lưỡng Hà, thần linh vừa ban cho niềm vui nhưng cũng đem tới sự sợ hãi. Các vị thần Lưỡng Hà có vẻ ngoài phi nhân loại (sư tử, đại bàng) mang tới sự sợ hãi.

Nó phản ánh đây là khu vực của chủng tộc khác nhau, mỗi tộc có niềm tin thần thánh khác nhau, sau này kết hợp lại.

→ Các **con vật thiêng**, sức mạnh tâm linh hình thành trên các biểu tượng rồng, sư tử mang sự kết hợp từ nhiều bộ phận của các con vật khác nhau. Chúng ảnh hưởng mạnh tới văn minh phương Tây. Ví dụ như rồng của Lưỡng Hà tương đối giống với phương Tây.

→ Khi các vị thần ban cho người Lưỡng Hà sự trù phú thì họ cũng phải cung phụng thần linh như một sự trao đổi. Khi đại hồng thủy diễn ra, con người mất đi mọi thứ nhưng các vị thần cũng chịu khổ vì không còn ai cung phụng họ nữa. Điều này có nghĩa là con người đứng ngang hàng với thần, con người có vị thế và vai trò không kém gì thần linh.

→ Việc **thờ người chết** cũng rất quan trọng nên người Lưỡng Hà rất chú ý tới các lễ mai táng. Họ quan niệm rằng con người khi chết đi cũng có cuộc sống như ở trần thế nên người giàu có khi mai táng thường chôn theo nô lệ cùng những thứ quý giá và được xây dựng những lăng mộ lớn. Người bình thường được liệm trong quan tài bằng đất sét.

4. Luật pháp

Dẫn: Lưỡng Hà là khu vực có những bộ luật sớm nhất từ thời vương triều III của thành bang Ua (thế kỉ XXII-XXI TCN), ở Lưỡng Hà đã ban hành bộ luật cổ nhất thế giới nhưng ngày nay chỉ còn lại được một số đoạn. Những đoạn ấy nói đến các vấn đề kế thừa tài sản, nuôi con nuôi, địa tô, bảo vệ vườn quả. Trách nhiệm của người chăn nuôi đối với súc vật, sự trừng phạt đối với nô lệ buồng binh và nô lệ chạy trốn. Trong đó bộ luật quan trọng nhất ở Lưỡng Hà cổ đại là luật Hammurabi. Đây là bộ luật cổ sớm nhất hầu như còn nguyên vẹn mà ngày nay đã phát hiện được.

→ **Bộ luật Hammurabi:** thể hiện sự phát triển mạnh mẽ về mặt nhà nước, xã hội, kinh tế, pháp luật vì đây là bộ luật hành văn đầu tiên còn nguyên vẹn của người Lưỡng Hà. Hammurabi đã thống nhất các bộ luật trước đó thành một và ban hành cho tất cả các thành bang. Đối với nền văn minh Lưỡng Hà, pháp luật còn đứng trên cả vua vì bộ luật này là do thần linh ban cho ông, các người dân phải thực hiện đúng theo bộ luật.

→ **Bộ luật Hammurabi** gồm 3 phần: mở đầu các điều luật, các điều luật và kết luận

📖 **Phần mở đầu** nói về sứ mạng thiêng liêng, uy quyền của Hammurabi và mục đích ban hành bộ luật.

📖 **Phần nội dung chính** gồm 282 điều luật, đề cập đến các vấn đề thủ tục kiện tụng, các tội hình sự (Trộm cắp, gây thương tích, làm chết người...), các vấn đề dân sự (hôn nhân, quyền sở hữu tài sản, chế độ ruộng đất, tô thuế,...)...

📖 **Phần kết luận** nhắc lại uy quyền, công đức của vua và hiệu lực của bộ luật.

“Đây là pháp luật do đức vua Hammurabi bách thắng đặt ra để đem lại hạnh phúc chân chính và đặt nền thống trị nhân từ trong nước”

→ **Nguồn gốc:** Bộ luật Hammurabi được xây dựng trên cơ sở pháp điển hóa nhiều văn bản trước đó và trên cơ sở kế thừa luật lệ của người Sumer, người Amorit.

→ **Nội dung cơ bản:**

✎ **Quy định hình phạt** về các tội vu cáo, trộm cắp, gây thương tích hay làm chết người và những hành vi gây rối loạn trong xã hội.

✎ **Quy định về quyền lợi** của những người đóng góp nghĩa vụ quân sự, trong đó đề cập đến tù binh hoặc người không hoàn thành nhiệm vụ quân đội.

✎ **Quy định về thu sản phẩm** của các thành phần dân cư trong xã hội, trong đó chú trọng đến những người canh tác ruộng đất công.

✎ **Quy định về vay nợ và không trả nợ.**

✎ **Quy định về buôn bán.**

✎ **Quy định về hôn nhân và gia đình** trong đó nói tới quyền thừa kế tài sản.

✎ Ngoài ra còn có **những quy định về xử phạt**, mức trả công cho người chữa bệnh, thuê mướn...

→ **Đặc điểm của bộ luật Hammurabi:** Bộ luật được xây dựng công phu, điều chỉnh và phản ánh sinh động các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Vương quốc Babylon. Nhiều quy phạm chứa những giá trị tiến bộ, nhân đạo, đặc biệt về các quy định hôn nhân. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về tính giai cấp, bất bình đẳng như trong các quy định về hình sự và sự bất hợp lý trong các quy định về tố tụng.

→ **Ý nghĩa:** Là công cụ duy trì trật tự xã hội và bảo vệ quyền lợi giai cấp thống trị bấy giờ. Thúc đẩy tiếp tục phá bỏ các vết tích của chế độ thị tộc và củng cố toàn bộ chế độ chiếm hữu nô lệ. Phản ánh các hoạt động kinh tế chính trị xã hội của Babylon. Bộ luật Hammurabi là bộ luật hành văn cổ nhất thế giới, một trong những thành tựu có giá trị bậc nhất của văn minh cổ đại.

5. Kiến trúc và điêu khắc

5.1. Kiến trúc

📖 Đền thờ có cấu trúc kim tự tháp, nơi cầu thần linh và là nơi cư ngụ của tầng lớp, cư sĩ. Hàng năm, hàng tháng, người dân cống nạp cho thần linh, những người tu sĩ này có nhiệm vụ trông coi những cống vật đó. Các thành tựu khoa học tự nhiên cũng từ đây mà ra đời. Các công trình kiến trúc chủ yếu là cung điện, đền miếu,... Thành tựu nổi tiếng nhất là hệ thống công trình gồm thành quách, cung điện, tháp, vườn hoa của Tân Babylon.

📖 Vườn hoa trên không và thành Babilon về sau được người Hi Lạp coi là một trong bảy kì quan của thế giới. Tuy nhiên, toàn bộ các công trình này đã đổ nát, nay chỉ còn lại những di tích mà giới khảo cổ học đã khai quật được.

→ Vườn treo Babylon được coi là một trong những kỳ quan của Lưỡng Hà. Nó được xây bởi gạch nên đã sụp đổ, vườn treo Babylon là hệ thống vườn được gây dựng tinh xảo từ bàn tay con người, sử dụng kỹ thuật đưa nước từ dưới lên trên cao để tưới tiêu. Theo ghi chép của người Hy Lạp, nhìn từ xa, vườn treo như một ngọn núi, nó được coi như một kỳ quan. Vì Lưỡng Hà vốn là một vùng đất bằng phẳng nên vườn treo này như một ngọn núi kỳ lạ sừng sững giữa nền văn minh Lưỡng Hà.

→ Tháp Bebel: khi vương quốc Babylon phát triển mạnh mẽ, người Babylon nảy sinh tham vọng muốn chinh phục thế giới của các vị thần. Họ xây tháp đủ cao để với tới nơi ở của các vị thần nhưng khi sắp chạm tới thì các vị thần cảm thấy sợ hãi, họ cản trở quá trình xây dựng tháp Babel bằng cách khiến cho người xây ở đỉnh tháp và người ở chân tháp không nghe hiểu tiếng nói của nhau, tháp Babel không thể hoàn thiện. Câu chuyện này phản ánh tham vọng xa vời của loài người, thể hiện quan niệm của người Lưỡng Hà rằng con người có thể chiến thắng cả các vị thần, chỉ là họ quá quyền năng.

→ Trình độ quy mô cao, các thành bang của phương Tây có sự tham khảo từ Lưỡng Hà.

5.2. Điều khắc

→ Nghệ thuật điêu khắc gồm tượng và phù điêu. Những tác phẩm tương đối tiêu biểu là "bia điều hâu", "Cột đá Naramxin", "Bia luật Hammurabi", các tượng thần Atxiri...

→ Mặc dù cũng có một số tác phẩm điêu khắc như trên nhưng nhìn chung về mặt này ở Lưỡng Hà không nổi bật lắm.

6. Toán học, thiên văn, y học

6.1. Thành tựu toán học

→ Người Lưỡng Hà cổ đại đã biết sử dụng phép đếm thập tiến vị, cách tính độ, cộng trừ nhân chia, bảng căn số, giải phương trình ba ẩn,... Về hình học đã biết tính diện tích một số hình, quan hệ các cạnh trong một tam giác vuông (trong bản đất sét cổ của người Babylon cổ đại có ghi chép những phương pháp tính toán)...

→ Toán học cũng có nhiều thành tựu như số Pi, lượng giác, hệ số đếm phát triển dựa trên cơ số 5 (trên 5 ngón tay), sau này phát triển lên hệ 60 (60 chia hết cho 5, dựa theo các đốt ngón tay, người Lưỡng Hà biết cách sử dụng số 60 như liên hệ với số ngày trong một năm, bóng của mặt trời theo từng góc độ, nhận thức về lịch đại, thời gian giờ phút giây,...)

6.2. Về thiên văn học

→ Đánh dấu sự xuất hiện của thiên văn học, đã có nhận thức về các chòm sao, vị trí các hành tinh,... Câu chuyện các chòm sao của Hy Lạp cũng có sự tham khảo từ Lưỡng Hà.

→ Đã xác định được đường hoàng đạo và chia đường hoàng đạo ra làm 12 cung, biết sao chổi, sao băng, động đất, bão,... Người Xume đã tính được lịch âm chia một năm thành 12 tháng với 354 ngày.

6.3. Về y học

→ Biểu tượng con rắn quấn quanh cây gậy xuất hiện lần đầu tại nền văn minh Lưỡng Hà. Người ta cho rằng vì rắn là nguyên liệu trị bệnh trong nền văn minh này, cũng có thể khi bị rắn cắn thì không có cách chữa trị, chỉ có thể nhờ tới thần linh cứu giúp.

→ Biết đến nhiều loại bệnh và có phương pháp chữa trị cho nhiều bệnh khác nhau, điều chế dược liệu và chuyên môn hóa... Tuy vậy, nền y học của Lưỡng Hà cổ đại chưa thoát khỏi những quan niệm về mê tín, dị đoan.

Câu hỏi mở rộng

1. Cơ sở hình thành bộ luật Hammurabi như thế nào?

Lưỡng Hà sớm bước vào xã hội văn minh, có nền văn minh vô cùng rực rỡ và có sức ảnh hưởng trên toàn thế giới. Trong đó, nền luật pháp xuất hiện sớm ở Lưỡng Hà, bởi vì:

➤ Điều kiện tự nhiên:

→ Lưỡng Hà là miền đất giữa hai sông Tigro và Ophrat, địa hình bằng phẳng, ít núi non hiểm trở, không có biên giới tự nhiên nên chiến tranh xảy ra liên miên, cùng với đó là các tộc người nước ngoài xâm nhập vào khiến Lưỡng Hà có thành phần cư dân phức tạp, với người Sumer, người Accat, người Amorit,... và nhiều ngoại tộc tràn vào trong quá trình xâm lược đồng hóa với nhau.

➤ Cơ sở chính trị:

→ Nhà nước cổ Babylon tiếp tục tồn tại và xây dựng dựa theo hình thái nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Quyền lực tập trung trong tay nhà vua. Và để thực hiện quyền hành và cai trị vùng đất của mình, Vua Hammurabi và Tòa án cấp cao đã lập ra bộ luật Hammurabi, bộ luật này thể hiện tư tưởng chính trị của vua muốn thông qua luật pháp để hạn chế, xoa dịu mâu thuẫn xã hội ở Babylon, đồng thời củng cố và phát triển kinh tế xã hội.

➤ Cơ sở kinh tế:

→ Tuy đất đai màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhưng Lưỡng Hà thiếu tài nguyên thiên nhiên. Ở Lưỡng Hà cổ đại, hoạt động nội thương và ngoại thương sớm phát triển để trao đổi buôn bán. Tuy nhiên, trong quá trình buôn bán xảy ra nhiều tranh chấp, xung đột dẫn đến nhu cầu cần phải có quy định để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ dân sự. Ngoài ra, Người Lưỡng Hà phát hiện chữ viết (văn tự) từ rất sớm (giữa thiên niên kỷ thứ IV TCN). Tiền lệ pháp, tập quán pháp đã được sử dụng rất rộng rãi trước khi Bộ luật Hammurabi ra đời.

Cơ sở xã hội:

→ Ra đời trong bối cảnh xã hội chiếm hữu nô lệ ở Lưỡng Hà cổ đại, Bộ luật Hammurabi không thể làm một việc gì khác hơn là **phản ánh các quan hệ thống trị đương thời**, nó là **công cụ hữu hiệu để bảo vệ quan hệ đó**.

→ Xã hội Lưỡng Hà cổ đại thời Hammurabi được chia thành ba giai cấp: giai cấp quý tộc, giai cấp bình dân và nô lệ.

→ Về cơ bản có thể nói đến hai giai cấp đối kháng trong xã hội Lưỡng Hà là giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ.

→ Nô lệ là tài sản thuộc sở hữu của chủ nô, phục tùng chủ nô về mọi mặt. Còn chủ nô là giai cấp thống trị, muốn duy trì trật tự thống trị này bằng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó pháp luật được coi là một trong những biện pháp chủ yếu. Điều này được phản ánh một cách rõ nét trong Bộ luật Hammurabi, các quy phạm pháp luật của Bộ luật, dù là dân sự hay hình sự đều hướng tới sự điều chỉnh của mình vào việc bảo vệ quyền lợi của chủ nô. Nghĩa là, dù có những tính nhân văn nhất định, song về cơ bản thì bộ luật này được đưa ra để bảo vệ quyền lợi cho giai cấp cao hơn, cụ thể là giai cấp thống trị.

 Ngoài ra, **bộ luật Hammurabi có sự kế thừa 2 bộ luật khác có từ trước đó**, đặc biệt là những tiền lệ pháp, tập quán pháp của người Sumer trong xã hội trước đó.

2. Ý nghĩa và tính chất của bộ luật Hammurabi

Ý nghĩa:

 Bộ luật được xây dựng công phu, điều chỉnh và phản ánh sinh động các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Vương quốc Babylon. Nhiều quy phạm chứa những giá trị tiến bộ, nhân đạo, đặc biệt về các quy định hôn nhân. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về tính giai cấp, bất bình đẳng như trong các quy định về hình sự và sự bất hợp lý trong các quy định về tố tụng.

 Đây là bộ luật thành văn cổ nhất trên thế giới được tìm thấy, là một trong những thành tựu có giá trị bậc nhất của lịch sử văn minh cổ đại, giá trị bộ luật vẫn luôn được học tập, nghiên cứu, khai thác và kế thừa cho đến ngày nay.

Tính chất:

Phạm vi của bộ luật là những quan hệ xã hội rộng, với bốn lĩnh vực chủ yếu là dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và tố tụng. Về cơ bản bộ luật có những tính chất sau:

 (1) **Tính chất pháp lý cao**: là bộ luật cổ, chặt chẽ và hoàn chỉnh nhất của xã hội phương Đông cổ đại, đề cập đến nhiều phương diện của đời sống kinh tế, mỗi điều khoản được đưa ra đều đi kèm với trách nhiệm của một hoặc các cá nhân.

✍ (2) **Tính toàn diện:** nội dung của bộ luật đề cập đến mọi phương diện của đời sống kinh tế chính trị, văn hóa, xã hội với cách hành văn, dễ hiểu. Các điều luật được xây dựng theo phương pháp liên hoàn, móc xích với nhau, thể hiện tính chặt chẽ và có khả năng bao quát lớn. Ví dụ:

+ **Hôn nhân:** Quy định thủ tục kết hôn phải có giấy tờ; Quy định người chồng không được bỏ vợ khi biết người vợ mắc bệnh phong hủi;

+ **Kế thừa tài sản:** Người đàn ông cũng có thể bỏ con/tước quyền thừa kế nhưng phải chứng minh được trước tòa đứa trẻ có hành vi không phải phép.

✍ (3) **Tính phổ biến:** các nhà cầm quyền khi ấy thực hiện các biện pháp để xã hội hóa bộ luật, đảm bảo ai cũng biết và ai cũng hiểu pháp luật và thực thi theo bộ luật.

✍ (4) **Tính chất thần thánh:** bộ luật chịu sự chi phối của tôn giáo trong khi định tội, những vấn đề khó giải quyết được thì sẽ để thần linh xét xử (như thả xuống dòng nước xiết, nếu sống sót thì được coi là vô tội)

⇒ Sự kết hợp giữa thần quyền, vương quyền và pháp quyền khiến bộ luật trở nên “linh thiêng hóa”

✍ (5) **Tính phân biệt giai cấp:** bộ luật còn tồn tại sự bất bình đẳng, nhiều điều luật bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Trong cùng một tội, hai tầng lớp khác nhau sẽ bị xử khác nhau, tầng cao hơn sẽ bị xử phạt nhẹ hơn.

✍ (6) **Tính nguyên thủy:** bộ luật có nhiều hình phạt khắc nghiệt, dã man mà chưa mang tính giáo dục, không cho con người cơ hội hoàn lương, xử phạt mức cao nhất để làm gương, đây cũng chính là tính phổ biến nhất ở các bộ luật cổ. Ví dụ:

+ **Điều 229.** Nếu một người thợ xây dựng một ngôi nhà bị sập và giết chết chủ nhà, thì người thợ xây đó sẽ bị xử tử.

+ **Điều 230.** Nếu con trai của chủ nhà bị chết trong vụ sập nhà, thì con trai của người thợ xây đó sẽ bị xử tử.

✍ (7) **Tính nhân văn, tiến bộ:** có những điều luật để bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ, phụ nữ được bảo vệ hơn so với các bộ luật khác lúc bấy giờ. Ngoài ra, việc một xã hội có sự phân chia giai cấp rõ rệt như thời bấy giờ thì quy định và trách nhiệm của thẩm phán thực sự là một bước tiến bộ lớn. Ví dụ:

+ **Điều 142.** Nếu một người vợ có thể chứng minh sự vũ phu của chồng mình, thì cô ấy có thể lấy của hồi môn và trở về nhà của cha cô ấy

✍ (8) **Tính thương nghiệp:** nhiều mối quan hệ dựa trên kinh tế tiền tệ, mua bán.

C. VĂN MINH ARẬP

Từ khóa quan trọng: bán đảo Arab, người du mục, thương mại và vai trò của thương nhân, nhà tiên tri Muhammad, đế chế Arab từ thế kỉ VII đến XIII SCN, caliph và sultan, Islam - tôn giáo độc thần, kinh Qur'an, năm trụ cột, Sunni và Shia, thành tựu (văn học, nghệ thuật, kiến trúc, khoa học tự nhiên,...)

Dẫn luận: Ả rập là bán đảo lớn nhất thế giới ở Tây Á, diện tích lớn hơn 1/4 châu Âu. Tuy vậy trên cả bán đảo chỉ có vùng Yemen ở phía Tây Nam có nguồn nước phong phú, đất đai có thể trồng trọt được. Hơn nữa, nhờ nằm trên con đường buôn bán giữa Tây Á và Bắc Phi, nên Yemen có điều kiện phát triển về thương nghiệp. Vì vậy, từ thế kỉ X đến thế kỉ VI TCN, ở đây đã thành lập nhiều nhà nước cổ đại.

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH Ả RẬP

1. Điều kiện tự nhiên

→ Về vị trí địa lý, tập trung trên bán đảo Arab - bán đảo lớn nhất của thế giới, là ngã ba kết nối 3 nền văn minh lớn Phi - Á - Âu. Tuy nhiên bán đảo này không trù phú mà vô cùng khắc nghiệt vì 80% diện tích là hoang mạc, cư dân không thể sinh sống tại đây nên cư dân thường sống ở ngoài rìa bán đảo như khu vực Đông Bắc, Tây Bắc, phía Nam - nơi tập trung những con sông và tài nguyên, hệ sinh thái đảm bảo cho cuộc sống con người.

→ Về địa hình, Ả rập nằm ở phía tây của vùng cận đông, với 3 vùng địa hình khá rõ rệt:

✍ Vùng ven biển Hồng Hải (Biển Đỏ), là khu vực thuộc đế chế La mã xưa kia, có nhiều thành phố buôn bán sầm uất: Méc ca, Ya sơ rip, ..

✍ Miền ven biển phía Nam (ngày nay là Yemen), có nhiều đồng cỏ tươi tốt, với nguồn nước thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đại gia súc.

✍ Khu vực sâu trong bán đảo thỉnh thoảng có những sa ốc, là những trạm dừng chân của các đoàn buôn, còn cư dân ở đây thì chở hàng hay dẫn đường thuê...

🏰 Biên giới Ả rập tuy khắc nghiệt nhưng không hiểm trở, Ả rập lại nằm ở ngã ba giao lưu Đông - Tây do đó có điều kiện tiếp xúc với các nền văn minh xung quanh.

➡ Dựa vào yếu tố ngoại sinh để duy trì cuộc sống - thương nghiệp. Nhờ vị trí địa lý mà phát triển buôn bán giữa phương Đông với Tây nên cư dân từ sớm đã tiếp thu những nền văn hóa từ bên ngoài và biến nó thành của mình.

→ Về tài nguyên, Ả rập không nhiều khoáng sản, nhưng bù lại, do buôn bán rộng rãi, hơn nữa trong quá trình phát triển do bành trướng mạnh mẽ về lãnh thổ nên có điều kiện bổ sung nhiều tài nguyên khoáng sản phục vụ cho việc phát triển kinh tế.

☞ Ả rập có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một nền văn minh toàn diện phong phú, lại ra đời muộn do đó có thể kế thừa nhiều thành tựu của các nền văn minh.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Điều kiện kinh tế

- Thương nghiệp phát triển, có sự hình thành trung tâm thương mại, đô thị.
- Vùng Yemen từ thế kỉ V đến thế kỉ VI TCN đã thành lập nhiều nhà nước sơ khai.
- Có sự phân hóa giàu nghèo, buôn bán nô lệ, phân chia đẳng cấp.
- Nhà nước thống nhất chưa xuất hiện cho tới thế kỉ VII TCN.
- Hầu như các huyết mạch kinh tế thương mại đều phải đi qua bán đảo Arab.
- Cư dân có sự phân hóa về mặt xã hội (*phân chia tầng lớp*), quan trọng nhất là thương nhân nắm huyết mạch kinh tế, thợ thủ công nông dân lao động phát triển kinh tế, nô lệ chủ yếu đến từ châu Á, châu Phi. *Chế độ chiếm hữu nô lệ ở nơi đây rất khác nền văn minh Hy Lạp.*

2.2. Điều kiện xã hội

- Phần lớn là các bộ lạc di cư do áp lực lịch sử (*chiến tranh, xâm lược, tấn công từ các nền văn minh lớn*) tới bán đảo Arab. Những người gốc Semit (Luống Hà) đã di cư tới đây.
- *Chia ra làm hai khối cư dân chính:*

✎ Khối trung tâm dựa vào ốc đảo

✎ Khối tây nam có điều kiện tự nhiên thuận lợi hơn nên phát triển trồng trọt, chăn nuôi

- Tộc người Xêmit (vốn là *dân du mục trên sa mạc*), khi tràn xuống đây đã thích nghi với điều kiện sống, nên nhanh chóng phát triển, họ giỏi về buôn bán và đi chinh phục.
- Cư dân Ả rập theo tập quán tín ngưỡng đa thần, đặc biệt tại các thành phố, có nhiều vị thần do thương nhân các nơi mang đến, *do vậy đám tăng lữ sống rất giàu có*. Thành phố Mécca là điển hình nhất, nhưng ở đây có một đền thờ chung của cả bộ lạc.
- Vào thế kỷ VII, do vị trí giao thương quan trọng mà Ả rập trở thành nơi tranh chấp của Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ liên tục. Yêu cầu thống nhất bán đảo, chống quân xâm lược Ba Tư đã được đặt ra cấp bách.
- Năm 610, Môhamét đã bắt đầu truyền bá đạo Hồi thờ Thánh Allah, *chủ trương thành lập đạo quân Thánh chiến chống xâm lược thống nhất đất nước. Nhiều bộ lạc trong các sa ốc, quý tộc các thành phố cũng bắt đầu hưởng ứng đông đảo*. Sự thành lập nhà nước Ả

rập thống nhất đã trở thành hiện thực, trong hoàn cảnh đó quý tộc Méc ca đề nghị thương lượng với Môhamet về việc hợp nhất. Kết quả là năm 630, nhà nước Ả rập thống nhất đã ra đời, Ả rập bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ.

3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Ả rập

 **Từ thế kỷ VII-VIII:** là thời kỳ củng cố và hoàn thiện nhà nước, đây là thời kỳ Ả rập thu nhận các thành tựu văn minh từ bên ngoài vào, hay còn gọi là thời kỳ biên dịch.

 **Từ thế kỷ IX-XIII:** là thời kỳ Ả rập phát triển lên đến đỉnh cao, lãnh thổ vượt qua 3 châu Á-Âu-Phi, nền kinh tế hết sức phát triển, Đạo hồi truyền bá rộng rãi, về phương diện văn minh, là thời kỳ Ả rập kế thừa và ra sức sáng tạo những thành tựu văn minh.

 **Năm 1258** Ả rập bị Mông cổ chinh phục, nền văn minh Ả rập tàn lụi từ đây.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH Ả RẬP

1. Hồi giáo (Đạo hồi – Islam giáo)

* **Đại ý:**

 **Đạo Islam**, tôn giáo của sự thuận tòng tuyệt đối, do Môhamét sáng lập.

 Ngoài những điểm tương đồng với các tôn giáo khác: quan niệm về Thiên đường, địa ngục, sự giải thoát, những điều cấm kỵ... **Đạo Hồi** có những điểm rất đặc sắc.

 **Kinh Koran** vừa là Thánh kinh vừa là bộ Bách khoa toàn thư về đất nước Ả Rập gồm 30 quyển với 6236 câu thơ, viết bằng tiếng Ả rập rất trau chuốt, dễ thuộc dễ nhớ, và vì Đạo Hồi được truyền bá rộng rãi nên ngôn ngữ Ả Rập cũng được phổ biến ở những nơi mà đạo Hồi có mặt.

 Có **Lục tin** (*Tin Chân Thánh, Thiên sứ, Sứ giả, Kinh thánh, Tiền định, Kiếp sau*) và **Ngũ trụ:** *Niệm* (Jihat), *Lễ* (Salaat), *Trai* (Ramadan), *Khóa* (Sakiat), *Triều* (Hajat).

 Là tôn giáo không thờ ảnh tượng, không hàng giáo phẩm (chỉ có các mâm xướng lễ), đề cao nam giới do đó có những quy định thể hiện nam tính; để râu dài, quan niệm âm nhạc và quan niệm phụ nữ là cấm dỗ nên quy định phụ nữ che mặt khi ra đường và nhạc cụ đơn điệu, không vẽ hình người nhất là phụ nữ...

1.1. Sự ra đời của Đạo Hồi

 **Nhà nước Hồi giáo thành lập:** Quá trình thành lập của nhà nước Hồi giáo gắn liền với quá trình ra đời và phát triển của đạo Hồi do nhà tiên tri Mohammed truyền bá vào thế kỷ VII tại bán đảo Ả Rập. Nguyên gốc tiếng Ả Rập của tôn giáo này là đạo Islam có nghĩa là “phục tùng”. Tuy nhiên, do đạo này được biết đến ở Trung Quốc đầu tiên là tôn giáo của người Hồi Hột nên còn được gọi là đạo Hồi.

 **Tiền đề kinh tế - xã hội:**

 Trình độ phát triển của các khu vực trên bán đảo Ả Rập vào thế kỷ VII không đồng đều. Vùng đất phía Nam thuận lợi phát triển nông nghiệp, cư dân sống định

cu. Vùng đất phía Trung điều kiện kém hơn, dân cư chủ yếu sống du mục, phát triển kinh tế chăn nuôi.

 **Khu vực Mecca thuộc bán đảo Ả Rập có vị trí đặc biệt thuận lợi trong phát triển thương nghiệp, nằm trên con đường buôn bán chủ yếu từ Yemen đến Syria. Nơi này, dân cư là người thuộc bộ lạc Corai, phần lớn đều theo nghề buôn bán, hoạt động thương mại. Sự phân hóa xã hội hình thành.**

 **Giữa những bộ lạc du mục và cư dân định cư làm nghề buôn bán thường xuyên xảy ra tranh chấp, xung đột, tàn sát lẫn nhau. Cưỡng hiếp và cướp đoạt đã trở thành hành vi dần dần được cho là bình thường trong cuộc sống.**

 *Trong bối cảnh xã hội rối loạn, các thế lực bên ngoài uy hiếp, đe dọa xâm lược bán đảo Ả Rập. Nguyên vọng chung của các giai tầng trong xã hội là thực hiện liên minh bộ tộc, xây dựng đất nước thống nhất để đối mặt với các nguy cơ xã hội đang trở nên gay gắt. Đây cũng là yêu cầu khách quan của tiến trình lịch sử.*

Tiền đề tư tưởng:

 *Trước khi đạo Islam ra đời, đa số người Ả Rập ở trên bán đảo theo tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy sùng bái đa thần. Mỗi bộ lạc thờ phụng một vị thần và vị thần đó cũng được tôn là tổ tiên của bộ lạc. Thần điện Kaabah ở trung tâm của Mecca là một khu kiến trúc ban đầu thờ một phiến đá đen với các tượng thần bộ tộc hằng năm đều được triều bái.*

 **Đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc thờ một thần cũng đã sớm truyền vào bán đảo Ả Rập. Dưới ảnh hưởng của những bộ lạc Do Thái di cư đến đây, một bộ phận người Ả Rập gần khu vực của họ cũng đã cải đạo sang đạo Do Thái. Đến thế kỉ VI, đạo Do Thái đã có ảnh hưởng lớn ở Yemen, thu hút cả giai cấp thống trị. Các tư tưởng của đạo Do Thái, đạo Cơ Đốc đã có những ảnh hưởng nhất định tới giáo lý của đạo Hồi về quá trình sau này.**

Người sáng lập: Mohammed

 **Mohammed sinh năm 570 trong một gia đình quý tộc sa sút ở Mecca. Năm 25 tuổi kết hôn với một bà góa giàu có ở Mecca từ đó cuộc sống của ông ổn định, đi lên, tạo điều kiện cho hoạt động sáng tạo của Mohammed sau này.**

 **Năm 40 tuổi (năm 610), Mohammed vào tu luyện trong một hang núi nhỏ ở ngoại thành Mecca. Trong một đêm, Allah đã cử thiên sứ Gabriel (hay Jibrail) đến truyền đạt Thánh dụ và “khải thị” cho ông về chân lý của kinh Coran. Từ đó về sau, Mohammed tự xưng là tiếp thu sứ mệnh của chân chủ trao cho và bắt đầu truyền bá đạo Islam (Hay còn được gọi là Đạo Hồi / Hồi giáo)**

 **Năm 622, quá trình truyền đạo của Mohammed bị tầng lớp quý tộc ở Mecca phản đối, hãm hại. Ông cùng các tín đồ (Muslim) phải rời Mecca đến Yathrib (sau**

đổi tên thành Medina nghĩa là thành phố tiên tri). Sự kiện này được coi là năm thứ nhất của kỳ nguyên Hồi giáo.

✍ Tại Medina, Mohammed đã truyền bá được đạo Hồi vào đông đảo quần chúng, thành lập một lực lượng chính trị - tôn giáo do ông đứng đầu, đặt ra “Hiến chương Medina” quy định rõ các cách ứng xử, liên minh, quan hệ với bên ngoài,... Dần dần, Mohammed đã tổ chức vũ trang Muslim ở Medina với khẩu hiệu “Chiến đấu vì đạo của Allah”

✍ Năm 630, Mohammed đem 10.000 người tiến xuống Mecca. Mecca không dám chống cự. Kết quả, Mohammed trở thành người đứng đầu của nhà nước Ả Rập mới thành lập. Các tượng thần bộ lạc trong đền Kaaba bị vứt đi, nơi đây - Mecca trở thành thánh địa linh thiêng nhất của đạo Hồi.

✍ Năm 632, Mohammed qua đời, từ đó những người đứng đầu nhà nước và tôn giáo ở Ả Rập (Calipha) tiếp tục kế thừa ông, truyền bá và phát triển đạo Hồi.

Giáo lý cơ bản của đạo Hồi:

✍ Hồi giáo là tôn giáo nhất thần tuyệt đối chỉ tôn thờ một vị Chúa trời duy nhất là thánh Allah

Thế giới quan:

✍ Đạo Hồi tiếp thu nhiều quan điểm của các tôn giáo khác trong đó có đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc về thuyết sáng tạo thế giới, thiên đàng và địa ngục, cuộc phán xét cuối cùng, thiên thần và ác quỷ,...

✍ Allah là người sáng tạo ra thế giới, tất cả những gì trên trời và dưới đất đều thuộc về Allah. Allah cũng sinh ra loài người và biết linh hồn của mỗi người sẽ đi về đâu. Allah cũng có một số thiên thần giúp việc cho mình và làm sứ giả. Mohammed là sứ giả của Allah và Mohammed là tiên tri của các tín đồ.

✍ Đạo Hồi thừa nhận trước Mohammed cũng có nhiều vị tiên tri như Abraham, Noah, Moise, Kitô nhưng Mohammed là nhà tiên tri cuối cùng và cũng là nhà tiên tri vĩ đại nhất.

Nhân sinh quan (Quan điểm xã hội):

✍ Đạo Hồi thừa nhận chế độ đa thê nhưng chỉ cho lấy nhiều nhất là 4 vợ. Đàn ông Hồi giáo có thể kết hôn với phụ nữ của đạo Do Thái hoặc Cơ Đốc nhưng tuyệt đối không được cưới người theo đa thần giáo cũng như cấm việc cưới nàng hầu. Riêng Mohammed là ngoại lệ, ông có 10 vợ và 2 nàng hầu.

Nghĩa vụ tín đồ:

✍ Cầu nguyện, bố thí, nhịn ăn và hành hương là 4 bổn phận của Hồi giáo. Thêm lòng tin vào Allah và nhà tiên tri Mohammed nữa thành 5 trụ cột của Hồi giáo.

✍ Thừa nhận chỉ có Allah, không có vị Chúa nào khác; thừa nhận Mohammed là sứ giả của Allah và là vị tiên tri cuối cùng. *Đạo Hồi có một điểm đặc biệt là tuyệt đối không thờ ảnh tượng vì họ quan niệm rằng Allah tỏa sáng khắp mọi nơi và không có hình tượng cụ thể. Trong thánh thất Hồi giáo chỉ trang trí bằng chữ Ả Rập chứ không có tranh.*

✍ Hàng ngày phải cầu nguyện 5 lần vào sáng, trưa, chiều, tối và đêm. Thứ sáu hàng tuần phải đến Thánh thất làm lễ một lần.

✍ Mỗi năm đến tháng Ramadan phải trai giới 1 tháng, tháng Ramadan không tương ứng với dương lịch. Các tín đồ trong 29 ngày của tháng Ramadan phải nhịn ăn uống, hút thuốc, ham muốn từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn. Ngày đầu tiên sau tháng Ramadan là ngày phá giới, mọi người mặc quần áo mới ra đường chào hỏi, tặng quà lẫn nhau, bố thí cho người nghèo và đi tẩy mộ.

✍ Tín đồ phải nộp thuế cho đạo. Số tiền thuế thu được dùng để xây dựng Thánh thất, bố thí cho người nghèo, bù đắp các khoản chi tiêu của chính quyền

✍ Trong suốt một đời người, nếu có khả năng thì phải hành hương đến Kaaba một lần. Đây là bốn phận thiêng liêng của người theo đạo Hồi.

✍ Ngoài ra, tín đồ của đạo Hồi cũng phải tuân thủ theo một số luật lệ nghiêm ngặt khác như cấm ăn những con vật ăn thịt sống hay ăn tạp như chó, mèo, chuột, lợn,...

📖 Kinh thánh của đạo Hồi là kinh Coran (tiếng Ả Rập là Quran) ghi lại những lời nói của Mohammed mà theo tín đồ Hồi giáo là lời phán bảo của Allah. Quá trình phát triển và truyền bá Hồi giáo.

📖 Thời kỳ đầu, Hồi giáo mới chỉ được truyền bá ở bán đảo Ả Rập. Sau đó, cùng với quá trình chinh phục lãnh thổ của người Ả Rập, đạo Hồi theo đó truyền bá khắp Tây Á, Trung Á, Bắc Phi và Tây Ban Nha. Trong quá trình phát triển của mình, Hồi giáo chia thành hai dòng chính là Sunni và Shi'a.

📖 Hiện nay, Hồi giáo đã trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới với số lượng tín đồ đông đảo ở nhiều khu vực trên thế giới.

🏰 Vai trò và ảnh hưởng:

✍ Hồi giáo đóng một vai trò quan trọng trong xã hội Ả Rập, được chọn làm quốc giáo của nhiều nước, chiếm đa số dân của hơn 40 nước châu Á và châu Phi.

✍ Hiện nay, Hồi giáo cũng là một tôn giáo đã và đang có những ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị - xã hội trên thế giới.

1.2. Đặc tính của nền văn minh Ả rập Hồi giáo

→ Nền văn minh ra đời muộn. Đến thế kỉ VII, bán đảo Ả rập mới chính thức thống nhất và thành lập nhà nước, trở thành một nền văn minh. Khu vực này có điều kiện hết sức khó khăn: *sa mạc, khí hậu khắc nghiệt...* → Di cư đến khu vực thuận lợi hơn. *Tìm đến khu vực thuận lợi cho kinh tế thương mại. Một số khu vực nhỏ thuận lợi* → đã xuất hiện nền văn minh nhưng đến thế kỉ VII thì cả bán đảo mới thống nhất thành nền văn minh lớn.

→ Nhà nước Ả rập ra đời gắn liền với sự ra đời của đạo Hồi: *Tên gọi Nhà nước gắn liền với đạo Hồi: “Nhà nước Ả rập Hồi giáo”.*

→ Đạo Hồi đóng vai trò hạt nhân trong việc thống nhất bán đảo Ả rập và thành lập nhà nước Ả rập.

→ Đạo Hồi là sản phẩm của thời kỳ quá độ từ xã hội thị tộc sang xã hội có giai cấp và nhà nước.

 **Về chính trị - xã hội:** Đã có sự phân hóa xã hội gay gắt giữa *quý tộc thị tộc và quý tộc thương mại với quần chúng nhân dân* (nông dân và nô lệ). Tình trạng này đặt ra nhu cầu thống nhất xuất hiện do các tác động chủ quan và khách quan.

Về mặt chủ quan, tầng lớp trên cần hợp lực để chống lại các cuộc nổi dậy của quần chúng, bảo vệ chế độ tư hữu, bảo vệ trật tự xã hội trong khi đó, tầng lớp dưới lại hợp lực để phá bỏ địa giới cũ giữa các bộ lạc để chia sẻ công bằng môi trường sống.

Về mặt khách quan: Vào năm 572, Ba Tư chiếm Yemen để kiểm soát con đường buôn bán. Điều này đã dẫn tới gây tổn thất lớn cho lợi ích của quý tộc thương nghiệp. Quý tộc thương nghiệp buộc phải liên kết chặt chẽ với nhau để giành lại thị trường, tạo thành một thị trường thống nhất. Sự hợp lực trong buôn bán kinh doanh...

☞ Các mối liên hệ kinh tế đã dần xóa nhòa mối quan hệ về huyết thống

☞ Tất cả tình hình trên đưa xã hội thị tộc đến chỗ tan rã ☞ Toàn xã hội Ả rập đã đứng trước nhu cầu liên kết thành một quốc gia thống nhất.

 **Về tôn giáo:** Đặc điểm tôn giáo của cư dân Ả rập là đa thần giáo và theo mỗi thị tộc, bộ lạc. Muốn thống nhất các thị tộc, bộ lạc thì yêu cầu phải bãi bỏ hết các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau của các bộ lạc để thiết lập nên một tôn giáo thống nhất. *Nói một cách khác là phải có một tôn giáo thống nhất thì mới đủ sức quy tụ tất cả các thị tộc bộ lạc vào với nhau*

→ Mohammed là người đóng vai trò thống nhất toàn bộ bán đảo Ả rập, thành lập nhà nước và tôn giáo Đạo hồi

→ Giáo lý “Nhất thần luận” là nền tảng của sự thống nhất về tôn giáo

→ Trong quá trình hình thành và phát triển ban đầu của nhà nước Ả rập Hồi giáo, Mohammed đã xây dựng một chính thể thần quyền (trong đó chính trị và tôn giáo hợp nhất), Mohammed vừa là nhà lãnh đạo tối cao về tôn giáo, vừa là nhà chính trị kiêm chỉ huy quân sự tối cao.

☐ Tôn giáo là nền tảng, sức mạnh tạo nên sự thống nhất.

✎ “Cuộc cách mạng tôn giáo” mang ý nghĩa chính trị và kinh tế nhưng lại được tiến hành dưới vỏ bọc tôn giáo.

✎ “Cuộc cách mạng tôn giáo” thành công vì nó phù hợp với tiến trình lịch sử chính trị - kinh tế của bán đảo Ả rập, đáp ứng được yêu cầu chủ quan và khách quan trên bán đảo.

☐ Dần dần được đông đảo các giai tầng ủng hộ và chấp nhận tôn giáo đạo Hồi.

2. Văn học

→ Do có sự kế thừa tinh hoa văn học Đông Tây, lại có điều kiện kinh tế hơn nữa chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo nên văn học Ả rập rất đặc sắc.

→ *Kinh Côran* là một tác phẩm văn học đồ sộ kết tinh tài hoa trí tuệ người Ả rập, là một công trình đồ sộ về lịch sử Ả rập, trong đó có nhiều câu chuyện dân gian, truyền thuyết, ngụ ngôn...

→ *Nghìn lẻ một đêm* (264 câu chuyện) là công trình đồ sộ của biết bao nhiêu văn nhân nghệ sĩ, với nhiều thể loại, đề cập đến mọi hạng người, có giá trị giáo dục cao, là nguồn chất liệu phong phú cho các loại hình sân khấu và nghệ thuật.

3. Nghệ thuật

→ Kiến trúc: ảnh hưởng Hồi giáo, cung điện, thánh thất.

→ Điêu khắc: cấm điêu khắc.

→ Âm nhạc và Hội họa: Hội họa và âm nhạc tuy đơn điệu nhưng cũng có nét riêng nên vẫn rất quyến rũ và hấp dẫn biết ký hiệu âm thanh thể hiện độ cao, độ dài của nốt nhạc, phát minh nhạc cụ.

→ Trang trí: thường là dây leo uốn lượn, hình cong, họa tiết phức tạp.

4. Khoa học tự nhiên

Người Hồi giáo có quan niệm khám phá khoa học là đang đi trên con đường của Thánh A la, do đó khoa học rất được đề cao.

→ Toán học: kế thừa sâu sắc toán học Ấn độ, Hy-La nhưng sáng tạo thêm phép lượng giác, giải phương trình bậc 3, 4.

→ **Vật lý:** cũng kế thừa sâu sắc các thành tựu Hy-La và Ấn Độ, nhưng tập hợp thành công trình chuyên về quang học, đặc biệt thuyết về khúc xạ ánh sáng qua gương cầu lõm.

→ **Hóa học:** có các thành tựu điều chế axit từ dấm thực vật, chế rượu Rum từ mía, chế tạo nồi chưng nước tinh khiết, đặc biệt ngành giả kim thuật.

→ **Thiên văn:** do đời sống du mục nên người Ả rập có điều kiện quan sát bầu trời, hơn nữa do yêu cầu của việc hành lễ đạo Hồi, nên có rất nhiều thành tựu: Hồ sơ về 5015 ngôi sao, 47 chòm sao, giả thuyết trái đất tròn với chu vi 35 vạn km, Mặt Trời không phải là trung tâm của vũ trụ, trên trái đất có 7 miền khí hậu.

→ **Y học:** là quốc gia có sự nghiệp y tế tiến tiến nhất thời trung đại: nhiều khoa, bộ môn: tây y, nội khoa, ngoại khoa, dược khoa, dưỡng sinh, tâm lý trị liệu, vật lý trị liệu. Có hệ thống y tế cộng đồng, y tế từ thiện...

5. Giáo dục

Với quan niệm giáo dục là để mở rộng tri thức đưa các tín đồ bước trên con đường của Thánh Allah, người Ả rập rất coi trọng các nhà khoa học, nhà giáo “**Mức của các nhà bác học cũng linh thiêng như máu của các chiến binh**”, công việc biên dịch cũng rất được đề cao, đặc biệt Ả rập đã mời rất nhiều nhà bác học, giáo sư phương Tây sang dạy tại các trường đại học. Vì vậy nền giáo dục Ả rập có những thành tựu vô cùng rực rỡ: hệ thống giáo dục từ tiểu học lên đến đại học, học toàn diện, có nhiều mô hình dạy học, trên thế quốc Ả rập có nhiều trường Đại học lớn giống như các viện đại học: Batđã, Coócđôba, Cai rô...

Chương 2

VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI

Từ khóa quan trọng: Sông Hằng và sông Ấn, Harappa-Mohenjo daro, người Aryan-Dravida, đẳng cấp Varna, Cổ đại - Trung đại, chữ viết, Veda-Mahabharata-Ramayana, tôn giáo Bà La môn - Hindu, Đạo Phật, Đạo Jain, Đạo Sikh, Khoa học tự nhiên, kiến trúc nghệ thuật.

Dẫn luận: Ấn Độ là một bán đảo thuộc Nam Á và nổi tiếng với nền văn hóa rực rỡ mang đầy màu sắc của tâm linh tín ngưỡng. Mỗi khi nhắc đến Ấn Độ, ta lại cảm nhận rõ ràng màu sắc tâm linh huyền bí của thiên nhiên sông núi mang lại. Điều này cũng đã ảnh hưởng đến văn hóa của người Ấn, đó là: không nơi đâu trên thế giới như đất nước này nhiều tôn giáo lại có thể chung sống hòa hòa hợp với nhau đến như vậy. Đây là cái nôi sản sinh ra nhiều tôn giáo lớn trên thế giới như: đạo Bàlamôn, Hindu giáo và Phật giáo. Ngoài ra còn có một số tôn giáo khác như Hồi giáo, đạo Jain, đạo Xích. Những tôn giáo cổ ở Ấn Độ được hình thành trên nhiều yếu tố, trong đó không thể không nhắc đến sự tác động của điều kiện địa lý tự nhiên đối với văn hóa của một khu vực. Dãy núi Himalaya, sông Ấn và sông Hằng là sự ưu ái mà thiên nhiên ban tặng quốc gia này và có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của người dân. Đặc biệt, núi rừng Himalay có mối quan hệ với nguồn gốc của các tôn giáo cổ ở Ấn Độ.

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ Về vị trí địa lý,

✍ Ấn Độ nằm ở Nam Á, trung tâm kết nối phía Đông và Tây của lục địa châu Á, tiếp giáp trực tiếp giữa châu Á với đại dương nên nó là nơi giao lưu trung chuyển từ sớm. Do đó nó có hệ thống thương mại của cả vùng hay cả thế giới, các thành tựu lan truyền, giao lưu thuận lợi hơn.

✍ Ấn Độ còn được gọi là một “tiểu lục địa” do diện tích vô cùng rộng lớn, trải dài nên có rất nhiều hệ thống khí hậu khác nhau, hệ sinh thái khác nhau. Miền Bắc Ấn Độ, dưới chân Himalaya cực lạnh, nhưng cũng có nơi cực nóng ở miền Nam Ấn Độ, khu vực Tây Bắc có nhiều sa mạc, hoang mạc. Bên trong Ấn Độ có sự đa dạng của nhiều khu vực khác nhau như một lục địa.

✍ Ấn Độ bị chia cách với các khu vực còn lại của thế giới, liên lạc với bên ngoài bằng đường bộ gặp phải rất nhiều khó khăn. Phía Bắc và Đông Bắc là dãy núi Himalaya cao và đồ sộ, phía Tây Bắc là vùng rừng núi hiểm trở, phía Nam giáp biển Ấn Độ Dương. Vị trí địa lý hai mặt giáp biển nằm giữa đường biển từ Tây sang Đông đã tạo lợi thế cho Ấn Độ và điểm dừng chân bắt buộc trên con đường hàng hải Tây - Đông. Vị trí này khiến cho về sau, nền văn minh thế giới, đặc biệt là phương Đông chịu nhiều ảnh hưởng bởi nền văn minh Ấn Độ.

✍ **Bán đảo Ấn Độ** chia ra làm hai vùng Bắc - Nam với điều kiện tự nhiên khác biệt, lấy ranh giới là dãy núi Vindya.

→ Về địa hình,

✍ **Phía Bắc:** Nhiều đồng bằng phù sa được bồi tụ bởi các con sông lớn: sông Ấn, sông Hằng, sông Jumma,...

✍ **Phía Nam:** Đất đai khô cằn, chủ yếu là cao nguyên. Núi Vindya kéo dài thành cao nguyên Đêcan với bao gồm gần như toàn bộ miền Nam Ấn Độ với rừng rậm chiếm phần lớn diện tích. Hai dãy núi Đông Gat và Tây Gat chạy dọc ven biển. Khu vực duyên hải hẹp và dài ven biển miền Nam có địa hình thuận lợi hơn tập trung đông dân.

→ Về sông ngòi,

✍ **Phía Bắc:** Các dòng sông đều bắt nguồn từ dãy Himalaya, vào mùa hè, băng tuyết tan, nước sông dâng cao bồi đắp nên một vùng đồng bằng phì nhiêu. Trong số đó, sông Hằng được người Ấn Độ coi là dòng sông linh thiêng nhất.

✍ **Phía Nam:** Các con sông cao, dốc chảy giữa các cao nguyên, giá trị phù sa nghèo nàn, không mang lại nhiều hiệu quả kinh tế.

→ Về khí hậu,

✍ **Phía Bắc:** Gồm 4 mùa, mùa hạ rất nóng và mùa đông rất lạnh. Vùng Tây Bắc, do chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sa mạc nên khí hậu khô nóng và hiếm mưa. Trong khi đó, vùng phía Đông Bắc, do chịu ảnh hưởng bởi gió mùa nên lưu vực sông Hằng có lượng mưa trung bình cao nhất thế giới, phù hợp nền nông nghiệp trồng lúa nước. Gió biển đem lại mưa, khí hậu dịu mát và nước sinh hoạt cho hai vùng duyên hải đông, tây.

✍ **Phía Nam:** Nóng bức quanh năm, nhiệt độ trung bình trên 40°C, lượng mưa vô cùng ít ỏi, có những nơi hàng năm liền không có mưa.

→ Về tài nguyên,

✍ **Phía Bắc:** Tài nguyên giàu có với khoáng sản, gỗ, đá,...

✍ **Phía Nam:** Nghèo nàn tài nguyên.

* Nhận xét:

➡ **Điều kiện tự nhiên miền Bắc Ấn Độ** rất phù hợp cho cuộc sống của con người, phù hợp cho sự ra đời của một nền văn minh lớn, xuất hiện sớm trong lịch sử nhân loại.

➡ **Điều kiện tự nhiên miền Nam Ấn Độ** rất khó khăn cho sự phát triển cuộc sống của con người. Sự khắc nghiệt của tự nhiên in đậm dấu ấn trong lịch sử và

văn hóa Ấn Độ, nơi mà “Con người ngồi mà tự thở thôi cũng khó”. Từ đó dẫn đến hệ quả người Ấn luôn mơ tưởng hướng tới sự giải thoát.

✎ Ấn Độ là nền văn minh có hệ sinh thái cực kì đa dạng nên nó cũng ảnh hưởng quyết định tới tín ngưỡng, văn hóa. Ấn Độ được mệnh danh là đất nước của hương liệu.

✎ Thiên nhiên Ấn Độ vừa đóng kín, vừa cởi mở, vừa là một tiểu lục địa thống nhất, cách biệt với bên ngoài, vừa chia cắt và khác nhau bên trong, vừa hùng vĩ, vừa cực kỳ đa dạng.

✎ Sông Ấn chính là cái nôi của nền văn minh Ấn Độ. Chính tại lưu vực con sông này, ngay từ đầu thiên niên kỷ thứ III TCN, nền văn minh đầu tiên của người Ấn Độ đã hình thành.

2. Sông Ấn và sông Hằng

2.1. Sông Ấn

→ Dẫn tới sự ra đời của Ấn Độ vì hai quốc gia ra đời sớm từ lưu vực con sông này. Cái tên Ấn Độ cũng bắt nguồn từ sông Ấn.

→ Cung cấp nguồn nước dồi dào, phát triển nông nghiệp, kết nối thương mại với các vùng khác và cả tâm linh, tôn giáo.

2.2. Sông Hằng

→ Thúc đẩy sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, có vai trò quan trọng trong tôn giáo, tâm linh,... Mang nguồn nước chính và nguồn lợi dồi dào, giao lưu thương mại kết nối với các vùng khác.

→ Nói trực tiếp từ dãy Himalaya đổ xuống nên người dân tin rằng con sông này đổ xuống từ vùng đất của các vị thần nên họ rất tôn sùng con sông này.

3. Điều kiện kinh tế xã hội

3.1. Điều kiện kinh tế

→ Tập trung sản xuất nông nghiệp, càng về sau, khi giao lưu trao đổi, thương mại và thủ công nghiệp ra đời. Ngoài trồng trọt, chăn nuôi cũng phát triển mạnh mẽ.

→ Thương mại: nhờ cơ sở tự nhiên phong phú nên Ấn Độ có nguồn tài nguyên lớn trao đổi với bên ngoài (hương liệu, lụa,...) hấp dẫn hệ thống thương mại trên thế giới. Các tuyến đường thương mại trên thế giới lấy Ấn Độ làm trung tâm, hay trên đất liền có con đường tơ lụa đi qua Ấn Độ.

3.2. Điều kiện xã hội

→ Đa dạng chủng tộc, văn hóa, ngôn ngữ, nhiều sắc tộc khác nhau. Nhưng chủ yếu là người Dravida ở miền Nam và người Aryan ở miền Bắc, ngoài ra còn nhiều chủng tộc

khác. Lịch sử văn hóa Ấn Độ là lịch sử của sự đa dạng và pha trộn, yếu tố cổ đại và hiện đại cùng tồn tại với nhau chứ không phủ định nhau. Ấn Độ chấp nhận sự đa dạng chứ không thống nhất thành một.

→ **Chủng tộc:** các nhóm phía Bắc và phía Nam có sự khác biệt về ngoại hình tác động bởi yếu tố di dân di cư và điều kiện tự nhiên. Khu vực phía Nam có sự tương đồng với Đông Nam Á tạo sự thuận tiện giao lưu trao đổi.

4. Quá trình lịch sử của nền văn minh Ấn Độ cổ trung đại

Thời kì văn minh lưu vực sông Ấn (đầu TNK III TCN - TNK II TCN)

Xuất hiện các quốc gia sớm đầu tiên (văn minh lưu vực sông Ấn), chủ nhân là người bản địa. Nhưng không tồn tại ổn định. Đến giữa TNK II TCN, xuất hiện nhóm cộng đồng người du mục xâm nhập vào, xung đột giữa hai chủng tộc nổ ra. Đây là thời kỳ Veda (Vệ Đà). Thời kỳ bản lề của lịch sử. Dần dần, cộng đồng người Aryan vốn là nền tảng xã hội, có thành tựu văn minh kém hơn nhưng có sức mạnh quân sự nên người Aryan dần trở thành chủ nhân chính của khu vực này. Đây là thời kỳ tái cấu trúc xã hội. **Xuất hiện các thành bang sơ khai đầu tiên, quanh lưu vực sông Ấn có dấu tích các thành phố cổ được quy hoạch, xây dựng với trình độ cao, nền kinh tế rất phát triển** (kho chứa lương thực, thành tựu thủ công nghiệp, con đường giao lưu buôn bán với các khu vực văn minh khác...).

Về mặt đô thị, đã có sự phân chia khu cư chế rất rõ ràng, bên trong các đô thị đã có hệ thống thoát nước, khu tập kết rác công cộng, bể bơi, bể tắm công cộng để giao lưu trao đổi hoặc đưa ra quyết định lớn mang tính thành bang. **Biểu hiện về mặt tâm linh, tín ngưỡng đã xuất hiện.**

Thời kì Veda (giữa TNK II TCN - giữa TNK I TCN)

Khi hậu thay đổi, sông Ấn thay đổi dòng chảy, các thành phố không đủ khả năng sản xuất nên bị suy tàn hoặc bị bỏ hoang, do đó người Aryan có điều kiện thuận lợi để xâm lược. Khi người Aryan tràn vào xâm lược Ấn Độ, họ không có thành tựu phát triển cao bằng người bản địa nhưng có lợi thế quân sự nên đã chiến thắng. Do đó người Veda có sự ảnh hưởng văn hóa tới người Aryan, xuất hiện hiện tượng đồng hóa ngược.

Người Aryan mang theo bộ kinh văn Veda, mở ra thời kỳ Veda - thời kỳ lịch sử văn minh Ấn Độ. Thời kỳ này chia làm 2 giai đoạn:

Tiền Veda: người Aryan hấp thụ văn hóa. Tư tưởng sơ khai của người Ấn Độ như Bà La môn, thế giới thần linh, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

Hậu veda: các cuộc chiến tranh giữa các tiểu quốc nổ ra. sự thống nhất cuối cùng là thời kỳ của vị vua Ashoka. Các thành tựu rõ rệt về mặt tôn giáo: Phật giáo, đạo Bà La môn, xuất hiện chế độ đẳng cấp Varna. Trật tự xã hội phân biệt chủng tộc: người Aryan có vị thế cao hơn. Thành tựu khoa học tự nhiên, vũ trụ, văn học,... xuất hiện. Các vương triều hình thành phát triển: thành thị, thương mại,... phát triển.

 **TK VI TCN:** Thời kì này các nhà nước Ấn Độ ra đời.

 **TK VII TCN:** Thời kì này giao lưu với các khu vực bên ngoài.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ TRUNG ĐẠI

1. Chữ viết

→ **Chữ viết thời văn hóa Harappa:** được xuất hiện trên các thành phố Harappa bên lưu vực sông Ấn. Chữ viết đầu tiên được sáng tạo từ thời văn hóa Harappa, tìm thấy trên các con dấu cổ này là một loại chữ dùng hình vẽ để ghi âm và ghi vần. Chức năng của các con dấu đóng trên hàng hóa để xác nhận hàng hóa và chỉ rõ nơi xuất xứ của mặt hàng đó.

→ **Đến khoảng thế kỷ thứ V TCN,** xuất hiện loại chữ Kharosthi, phỏng theo chữ viết vùng Lương Hà. Sau đó xuất hiện chữ Brahmi. Trên cơ sở chữ Brahmi, đặt ra chữ Devanagari có cách viết đơn giản, thuận tiện hơn. Đó là thứ chữ mới để viết tiếng Sanskrit hiện nay vẫn được dùng tại Ấn Độ và Nepal.

→ **Thời kỳ Veda:** người Aryan xung đột với người Dravida. Người Aryan đã có hệ thống chữ viết của riêng mình, có thành tựu về mặt tư tưởng, tôn giáo riêng, sau này hệ thống này hình thành nên chữ viết sớm của nền văn minh Ấn Độ (chữ Kharosthi - Brahmi).

→ **Hệ thống chữ Pali (Nam Phan)** được đúc kết từ nguồn hệ thống chữ khác nhau phục vụ cho việc lưu trữ thông tin về mặt tôn giáo. Chữ Phạn là ngôn ngữ chính được sử dụng cho mục đích tôn giáo. Đây là cổ ngữ của Ấn Độ giáo, một ngôn ngữ tế lễ của Ấn Độ giáo, Jaina giáo, Phật giáo và đạo Sikh.

2. Văn học

→ Chủ yếu tập trung trong các bộ kinh của các tôn giáo và đặc biệt là sử thi. Chữ viết được sáng tạo với mục đích ghi chép tôn giáo là chính.

→ **Kinh Vêda:** là các bài ca và các bài cầu nguyện với nội dung phản ánh bối cảnh xã hội Ấn Độ thời kỳ tan rã của chế độ công xã thị tộc, hình thành một xã hội có giai cấp và nhà nước; cuộc sống của nhân dân Ấn Độ tại thời điểm đó; chế độ đẳng cấp, việc hành quân hay một số mặt của đời sống xã hội.

→ Kinh Veda được viết ra, sau này trở thành bộ kinh cốt lõi, cơ bản nhất. Ngoài ra có Tam Tạng kinh điển của Phật giáo,... Những bản tụng ca ca ngợi các vị thần, vẻ đẹp huy hoàng và màu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ. Kinh Veda được coi là tác phẩm văn học cổ xưa nhất của Ấn Độ nói riêng và loài người nói chung.

→ Về sử thi: Hai bộ sử thi rất nổi tiếng là *Mahabharata* và *Ramayana*.

 **Mahabharata:** (Các truyện vĩ đại của triều đại Bharata) bộ sử thi cổ nhất của Ấn Độ và dài nhất của loài người. Nội dung cơ bản về cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai dòng họ Kaurava và Pandava thuộc dòng dõi vua Bharata. Ra đời khoảng thế kỉ XI TCN đến thế kỉ IX TCN. Ngoài mô tả lịch sử, nó còn mô tả phong tục tập

quán, quan niệm về thế giới vũ trụ, giáo lý triết học, câu chuyện về pháp - chân lý, cái rường cột, cái cơ bản, cái trật tự của thế giới, quan niệm của luân hồi, sự giải thoát,...

✍ **Ramayana** (những cuộc du hành của Rama): bộ sử thi được người dân Ấn yêu thích nhất. Nội dung về cuộc hành trình của một vị vua anh minh, biểu tượng cho chủ nghĩa anh hùng của người dân Ấn Độ, nhân vật trung tâm là chàng Rama.

📖 Hai sử thi trên là nguồn sử liệu quý báu để nghiên cứu tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ khoảng nửa đầu thiên niên kỉ ITCN.

→ Thơ của Kalidasa mô tả những chiêm nghiệm của người dân Ấn Độ.

→ Mỗi khu vực khác nhau tại đây đều có những thành tựu văn học của riêng mình. Ngoài ra, còn có nhiều thành tựu nổi bật như các tác phẩm của Calidaxa và các tác phẩm văn học khác viết bằng các phương ngữ,...

3. Nghệ thuật

→ **Kiến trúc**: Tiêu biểu nhất là các công trình kiến trúc tôn giáo như trụ đá Asoka, chùa hang Ajanta, các đền thờ của đạo Hindu,... Các công trình kiến trúc thường kết hợp với điêu khắc, hội họa. Thời kỳ Môgôn, công trình kiến trúc tiêu biểu nhất được xây dựng là lăng Taj Mahal.

→ **Điêu khắc**: Nghệ thuật tạo hình của Ấn Độ chủ yếu khắc họa các nội dung tôn giáo song vẫn thể hiện tính hiện thực rõ nét. Tiêu biểu là các bức tượng Phật, tượng thân Shiva, Vishnu,... của đạo Hindu với nhiều mắt, nhiều đầu, nhiều tay,...

4. Khoa học tự nhiên

→ **Thiên văn học**: xác định được một năm chia là 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, mỗi ngày 30 giờ, cứ 5 năm thì thêm 1 tháng nhuận. Ngoài ra, đạt được một số thành tựu trong quan trắc thiên văn như biết trái đất, mặt trăng có hình cầu, phân biệt được một số hành tinh và sự vận hành của chúng.

→ **Toán học**: sáng tạo ra hệ thống chữ số mà chúng ta sử dụng ngày nay, tính được một cách chính xác số pi bằng 3,1416 và biết tính diện tích một số hình, quan hệ giữa các cạnh của một tam giác vuông.

→ **Vật lý học**: Các nhà khoa học kiêm triết học của Ấn Độ cổ đại đã nêu ra thuyết nguyên tử và biết được sự tồn tại của lực hút trái đất.

→ **Y dược học**: đã có những hiểu biết quan trọng về y học, chữa được nhiều loại bệnh, đặc biệt đã biết dùng tới phẫu thuật.

→ **Hóa học Ấn Độ**: cũng ra đời sớm và phát triển do yêu cầu của kĩ nghệ nhuộm, thuộc da, chế tạo xà phòng, thủy tinh... Đặc biệt kĩ thuật luyện sắt ở Ấn Độ đạt tới mức hoàn hảo.

Chiếc cột sắt Đê li cao hơn 7m, đường kính 40cm, nặng 6,5 tấn được dựng lên vào năm 380 lúc nào cũng bóng nhẵn, dù để ngoài trời cũng không bị hoen rỉ.

5. Tôn giáo

5.1. Đạo Bàlamôn và Hindu giáo (Ấn Độ giáo)

a) Đạo Bàlamôn

→ **Đạo Bà Lamôn** là tôn giáo đa thần cổ xưa nhất của Ấn Độ, không có người sáng lập, không có tổ chức giáo hội. Tôn giáo này có những lễ nghi hà khắc: Nhân tế, Mã tế, tục Sa ti.

→ **Đối tượng thờ cúng** của tôn giáo này là đa thần trong đó quan trọng nhất là Thần sáng tạo, Thần hủy diệt và Thần bảo vệ. Giáo lý là các tập kinh Vê đa sớm và Vê đa muộn.

→ **Những tư tưởng đặc sắc** của tôn giáo này là: Ta và Thần là một, Nghiệp báo luân hồi, Giải thoát và con đường giải thoát.

→ Do sự bảo vệ đặc quyền, đặc lợi cho các đẳng cấp Bà Lamôn, bảo vệ sự không bình đẳng trong xã hội vì vậy mặc dù Bà Lamôn lúc đầu được truyền bá rộng rãi trong cư dân Ấn Độ buộc phải nhường chỗ cho một tôn giáo mới là Đạo Phật. Nhưng sau đó, Đạo Phật phải nhường chỗ cho Hindu giáo - tôn giáo lớn nhất ở Ấn Độ - đó là Ấn Độ giáo.

b) Hindu giáo (Ấn Độ giáo)

→ Thế kỉ VI SCN, Bà La Môn trở thành Hindu giáo vì ở Ấn Độ xuất hiện các cuộc chiến tranh xung đột mà Phật giáo không thể giải quyết được nên Hindu giáo ra đời để thay thế Phật giáo. Những người từng là tín đồ Phật giáo trở thành tín đồ của Hindu giáo, cả một số tư tưởng của Phật giáo cũng được bổ sung vào Hindu giáo. Ngày càng nhiều người theo Hindu giáo và tôn giáo này phát triển hưng thịnh cho tới ngày nay.

→ **Điểm đặc sắc nhất của Hindu giáo**: đó là một tôn giáo mở, nó không ngừng tiếp thu những yếu tố ngoài. Con đường giải thoát với 2 xu hướng song song vừa túng dụng vô độ vừa cao cả thanh tịnh cũng chính là một điểm độc đáo của nó, vì thế nó “Vừa là một tôn giáo của nhà sư vừa là một tôn giáo của vũ nữ”. Đạo Hindu vừa phản ánh đúng thực tại xã hội lại vừa có những điểm có lợi cho giai cấp thống trị nên nó bắt rễ sâu vào đời sống xã hội của Ấn Độ.

→ **Ấn Độ giáo thờ ba vị thần thượng đẳng**: Brama (sáng tạo), Vishnu (bảo tồn) và Shiva (hủy diệt). Ngoài ra còn thờ các thần lớn, nhỏ khác nhau đều là hóa thân của Vishnu và Shiva.

→ **Ấn Độ giáo ngày càng phát triển và lớn mạnh**, trở thành quốc giáo của Ấn Độ (chiếm đến khoảng 80% dân số).

5.2. Đạo Phật

* Bối cảnh ra đời của Phật giáo

a) Bối cảnh xã hội

→ Các vương quốc ở lưu vực sông Hằng luôn mâu thuẫn, cạnh tranh và thôn tính lẫn nhau làm tình hình chính trị bất ổn, tâm lý dân chúng bất an.

→ Mâu thuẫn giữa đẳng cấp tăng lữ với quý tộc và sự phân hoá giai cấp mạnh mẽ.

✍ **Tăng lữ:** thao túng toàn bộ đời sống chính trị, tinh thần, vơ vét tài sản, bắt dân chúng nộp thuế cao và nghĩa vụ khác.

✍ **Quý tộc:** bảo vệ và trực tiếp cai trị đất nước, là người giữ vai trò quyết định trong chiến tranh nhưng địa vị lãnh đạo lại không rõ ràng do ở dưới đẳng cấp tăng lữ.

✍ **Dân thường:** Cuộc sống không ổn định do chiến tranh, mất mùa nhưng thuế không giảm và những áp lực của tôn giáo đè nặng.

✍ **Nô lệ:** là kẻ thấp hèn, có một số dân thường bị phá sản trở thành nô lệ, một số phải đi ăn xin. Họ chịu cuộc sống cực khổ dẫn đến tâm lý chán nản tuyệt vọng. Vì thế, chế độ đẳng cấp trở thành nỗi bức xúc lớn trong xã hội lúc bấy giờ.

✍ **Sự tồn tại của chế độ đẳng cấp Varna khiến tình trạng bất bình đẳng trong xã hội. Sự cùng khổ của các đẳng cấp dưới. Sự bất lực trong đấu tranh khi các cuộc đấu tranh trước đó đều thất bại.**

📖 Tìm con đường giải thoát bằng tôn giáo.

b) Bối cảnh kinh tế

→ Công cụ bằng kim loại đã làm thay đổi bản chất của sản xuất.

→ Nhiều ngành kinh tế đã ra đời và ngày càng mở rộng, làm xuất hiện tầng lớp mới, trong đó có thương nhân. Thương nhân là tầng lớp có tiềm lực về kinh tế, nên muốn thay đổi địa vị trong hệ thống đẳng cấp. Tầng lớp này lúc đầu không được xếp vào đẳng cấp nào và cuối cùng bị đẩy xuống đẳng cấp nô lệ, đẳng cấp thấp hèn nhất.

c) Tôn giáo (Tiền đề tư tưởng)

→ Cuộc sống khổ cực càng làm cho nhân dân lao động thêm căm ghét những kẻ bóc lột mình, oán ghét chế độ đẳng cấp, không còn tin vào các vị thần Bàlamôn. Những nghi lễ phức tạp, những nghĩa vụ phiền toái, giáo lý ngày càng khó hiểu làm cho người dân ngày càng xa rời tôn giáo này.

→ Trong bối cảnh đó vào thế kỷ VI TCN ở Ấn Độ đã xuất hiện nhiều trường phái tôn giáo, triết học mới chủ trương xa lánh thực tại, khổ hạnh, ép xác, tiêu cực, tự kỷ nhưng

có một điểm chung là trực tiếp và gián tiếp chống lại đạo Bàlamôn và chế độ đẳng cấp, Phật giáo cũng là một trong những trào lưu đó.

→ Nói chung, nguyên nhân khiến cho Phật giáo được chấp nhận ở Ấn Độ là vì:

✍ **Giai cấp cầm quyền** cho rằng Phật giáo không làm tổn hại đến lợi ích của họ, đồng thời cũng không hài lòng với địa vị ưu đãi của những người theo đạo Bàlamôn nên họ ủng hộ đạo Phật.

✍ **Học thuyết Phật giáo** có nhiều điểm phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên được quần chúng hoan nghênh.

→ **Người sáng lập Đạo Phật**: Theo truyền thuyết, người sáng lập ra đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa Cô Ta Ma sau khi trải qua quá trình tu hành, giác ngộ chân lý và lẽ sống sinh tử, người bắt đầu đi truyền bá, giảng dạy giáo lý và xưng pháp hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Các tín đồ Phật giáo lấy năm 544 TCN là năm thứ nhất theo Phật Lịch, họ cho đây là năm mà Đức Phật đã nhập niết bàn.

* Nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo

→ **Thế giới quan**: mọi vật việc đều do nhân duyên hòa hợp lại mà thành. Tâm là nguồn gốc của vạn vật, mà tâm chỉ có ở con người nên con người là nguồn gốc của vạn vật, khác với các tôn giáo khác: thần thánh tạo ra con người.

✍ **Chủ trương Vô tạo giả**: vũ trụ, vạn vật, con người không phải là do vị thần linh nào sinh ra ⇒ Phủ định thuyết thần sinh ra vạn vật và con người của đạo Bàlamôn và những tôn giáo lớn khác.

✍ **Thuyết Vô ngã và Vô thường**: Vô ngã là không có những thực thể tồn tại một cách cố định. Con người cũng chỉ là thụ thể tập hợp bởi Ngũ uẩn chứ không phải là một thụ thể tồn tại lâu dài, điều này rất biện chứng và duy vật, phủ nhận sự tồn tại vĩnh viễn của linh hồn cá thể, không có linh hồn bất tử. Vô thường là mọi sự vật đều ở trong quá trình sinh ra, biến đổi và tiêu diệt chứ không bao giờ ổn định - quan điểm đạo Phật về sự chuyển hóa của thế giới vật lý, đây chính là tính khoa học tiêu biểu của Phật giáo. ⇒ Đạo Phật là một tôn giáo vô thần và vai trò của con người là ở vị trí trung tâm. (Khác với các tôn giáo khác lúc bấy giờ)

→ **Nhân sinh quan**: với tư tưởng trung tâm là lý giải về chân lý và tìm con đường giải thoát khỏi sự khổ đau. Một trong những giáo lý quan trọng nhất của đạo Phật là Tứ diệu đế (Bốn chân lý kì diệu) bao gồm: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

✍ **1, Khổ đế**: bản chất của nỗi khổ “Bát khổ”

→ sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, sở cầu bất đạt, ngũ thụ uẩn

→ Chỉ ra các nỗi khổ của con người đều là khổ, khổ là vô cùng, vô tận.

✍ **2, Tập đế**: chân lý về nguyên nhân của nỗi khổ

→ Đó là **ái dục** (tham muốn) và **vô minh** (kém sáng suốt).

→ **Dục vọng** thể hiện hành động gọi là **Nghiệp**; hành động xấu khiến con người phải nhận hậu quả của nó (**nghiệp báo**)

→ Luân quản trong vòng luân hồi

✍ 3, Diệt đế: cảnh giới diệt khổ

→ Cách thức để con người **tự chấm dứt nỗi khổ, chấm dứt mọi ham muốn** (tự tưởng giải thoát)

→ Nỗi khổ sẽ được tiêu diệt khi **nguyên nhân** gây ra khổ **bị loại trừ**.

→ Sự tiêu diệt khổ đau gọi là **niết bàn** (nghĩa đen: không ham muốn, dập tắt)

→ Thế giới của sự **giác ngộ** và **giải thoát**

✍ 4, Đạo đế: con đường diệt khổ “Bát chính đạo” (tám con đường diệt khổ):

→ **Rèn luyện đạo đức – GIỚI**: chánh ngữ, chánh nghiệp, tránh mạng

→ **Rèn luyện tư tưởng – ĐỊNH**: chánh niệm, chánh định

→ **Khai sáng trí tuệ – TUỆ**: chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn.

* Quan điểm xã hội

→ Phật giáo không quan tâm đến chế độ đẳng cấp vì cho rằng **nguồn gốc xuất thân của mỗi người không phải là điều kiện để được cứu vớt**. Tất cả mọi người đều bình đẳng một khi đã tu hành theo học thuyết của Phật. Đạo Phật mong muốn một xã hội cai trị bởi vị vua có đạo đức, nhân dân được an cư lạc nghiệp (tính khoa học của Phật giáo).

* Giới luật

→ Đức Phật dạy tín đồ Phật tử hành trì Ngũ giới (5 giới luật của đạo Phật) là: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

* Giáo lý nhà Phật sắp xếp thành 3 tạng: Kinh – Luật – Luận:

→ Tạng Kinh: *Sưu tập* các bài thuyết giảng của Đức Phật và một số đệ tử lớn

→ Tạng Luật: *Sưu tập* lời Phật dạy về giáo luật và sinh hoạt của tăng chúng

→ Tạng Luận: *Lời tranh luận, bàn luận*.

* Thập nhị nhân duyên

→ Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử.

* Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ và sự truyền bá tôn giáo này ra bên ngoài

a) Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ

→ Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ khoảng giữa thiên niên kỷ I TCN, vào thời điểm rất hưng thịnh của đạo Bàlamôn và chế độ đẳng cấp. Với giáo lý đề cao lòng từ bi của con người với đồng loại, chống lại chế độ đẳng cấp, với tinh thần bác ái, đạo Phật nhanh chóng chinh phục được đông đảo các tầng lớp nhân dân Ấn Độ từ vua chúa đến tầng lớp nhân dân lao động.

→ Từ thế kỷ V TCN đến thế kỷ V SCN là quá trình truyền bá và phát triển đạo Phật, từ khi Đức Phật viên tịch cho đến khi đạo Phật không còn phổ biến ở Ấn Độ. Quá trình đó trải qua 4 hội nghị kết tập.

→ Thế kỷ III đến thế kỷ II TCN, Phật giáo trở thành quốc giáo của Ấn Độ, đặc biệt phát triển rực rỡ dưới triều vua Asoka.

→ Đến Đại hội kết tập kinh điển lần thứ IV, tức là khoảng 100 năm sau CN, Phật giáo bắt đầu có sự phân chia thành hai phái Tiểu thừa và Đại thừa với nhiều quan điểm khác nhau về cảnh giới Niết Bàn, về sự “tự giác giác tha”, một số nghi thức,...

→ Đến khoảng thế kỷ VI, Phật giáo suy tàn và biến mất ở Ấn Độ. Có nhiều nguyên nhân lý giải cho việc Phật giáo bị tiêu diệt ở chính mảnh đất mà tôn giáo này sinh ra và phát triển đến cực thịnh:

✧ Sự đấu tranh về mặt tư tưởng gay gắt giữa Phật giáo và Hindu giáo đặc biệt xoay quanh vấn đề chế độ đẳng cấp. Đạo Hindu đã có sự thay đổi cả về giáo lý để giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh ấy. Họ tuyên truyền Đức Phật là một kiếp hóa thân của vị thần Vishnu, lôi kéo các tín đồ Phật giáo quay lại với đạo Hindu. Bên cạnh đó, đẳng cấp Bà La Môn cũng có sự thỏa hiệp, nhượng bộ với giai cấp thống trị Sát Đế Lỵ để ngược đãi các tín đồ Phật giáo, bôi nhọ, hạ nhục các giáo lý, tu viện Phật giáo.

✧ Sự truyền bá mang tính bạo lực của Hồi giáo đã phá hủy nhiều chùa chiền, tu viện, thánh tích của Phật giáo.

✧ Đến thế kỷ thứ VI, Phật giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu có sự chia rẽ, hình thành nhiều tông phái mới, tư tưởng của Phật giáo nguyên thủy ít nhiều bị biến đổi, phức tạp, trộn lẫn với tư tưởng của một số tôn giáo khác. Một số ý kiến cũng cho rằng, sự suy tàn của đạo Phật cũng bắt nguồn từ sự suy đồi của một bộ phận tu sĩ Phật giáo, xa lìa những giới luật của đức Phật.

b) Sự truyền bá của Phật giáo ra bên ngoài

→ Từ nửa sau thế kỷ III TCN, tức là sau Đại hội lần thứ III, đạo Phật được truyền đến Sri Lanka sau đó truyền bá vào Miến Điện, Thái Lan, Indonesia,...

→ Cũng sau Đại hội kết tập kinh điển lần thứ IV, quá trình truyền bá Phật giáo qua nước ngoài ngày càng phát triển. Đạo Phật được truyền bá mạnh mẽ sang Trung Á, Trung Quốc, Đông Nam Á...

⇒ Phật giáo có sự truyền bá và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài Ấn Độ. Hiện nay, Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới với số lượng tín đồ đông đảo. Nhiều quốc gia đã chọn Phật giáo làm quốc giáo như Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka,... Ngày Tam hợp của đức Phật đã được Liên hợp quốc công nhận là ngày lễ tôn giáo mang tính quốc tế.

* Nhận xét quan điểm về Phật giáo

► Chưa khoa học

→ Những quan niệm trong giáo lý Phật giáo chưa được xác thực tính đúng đắn hoàn toàn bởi nó mới được kiểm chứng bằng sự quan sát và suy ngẫm thay vì các phương pháp thực nghiệm khoa học. Ví dụ: Tập đề cho rằng nguyên nhân của nỗi khổ là luân hồi, mà nguyên nhân của luân hồi lại là nghiệp. Đây chỉ là một niềm tin mà đạo Phật tự đặt ra mà không có minh chứng nào giải thích được có thật là có việc luân hồi hay không.

→ Phật giáo chủ trương loại bỏ mọi ham muốn để thoát khỏi nỗi khổ, nhưng loại bỏ mọi ham muốn thì thế giới không thể tiếp tục vận động và phát triển.

► Tính khoa học chặt chẽ

→ Theo thuyết Vô tạo giả trong Phật giáo cho rằng thế gian này không do Đấng Sáng Tạo hay bất kì ai tạo ra cả. Đây là điểm khác biệt với nhiều tôn giáo khác, và cũng là quan điểm phù hợp với giới khoa học.

→ Phật giáo hướng đến việc giải quyết các vấn đề của con người thông qua các chiêm nghiệm, chân lý (tương tự đối với khoa học thì nó là các định lý, định luật)

→ Những chân lý trong đạo Phật không phải ngẫu nhiên hay tự đặt ra, mà được rút ra bằng cách: quan sát thế giới bên ngoài một cách khách quan và chỉ đưa ra các chân lý sau khi đã nghiên cứu và xác chứng tính thực tại của nó.

VD: Hệ thống tu tập tâm của Phật giáo

→ Giáo lý Phật giáo là một hệ thống bài bản và logic, có sự lập luận chặt chẽ, rõ ràng:

✍ Trong Tứ diệu đế có Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế lần lượt nêu ra bản chất của loài người là nỗi khổ, nguyên nhân của nỗi khổ là tham sân si, vậy thì cách diệt nỗi khổ chính là diệt tận gốc tham sân si, và cuối cùng là nêu ra cách để diệt tham sân si thông qua Bát chính đạo.

✍ Từ nền tảng Thuyết duyên khởi (mọi vật đều do nhân duyên hòa hợp mà thành) suy ra được 3 thuyết: vô tạo giả (thế giới tự nhiên mà có, không do ai tạo ra cả); vô ngã (con người cũng do nhân duyên mà kết hợp thành, vì thế cũng chỉ là tập hợp của ngũ uẩn); vô thường (vạn vật luôn biến đổi không ngừng, không có gì là vĩnh cửu).

→ Ai cũng có thể học học thuyết của Phật và được cứu vớt, không phân biệt tầng lớp (giống như khoa học là dành cho tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo, giới tính, độ tuổi). Thậm chí còn vượt qua khoa học ở một số điểm:

✍ Phật giáo vượt trên khoa học hiện đại ở việc nó chấp nhận lĩnh vực kiến thức rộng lớn hơn tinh thần khoa học.

✍ Khoa học có xu hướng hướng ngoại và thường không xem xét nhu cầu để hòa hợp với môi trường và do đó thế giới xung quanh bị ô nhiễm, trong khi Phật giáo có xu hướng hướng nội và hướng tới sự phát triển nội tại của con người.

✍ Khoa học không thể giúp con người chế ngự tâm mình và cũng không đưa đến sự kiểm soát đạo đức hay hướng đến mục đích thực sự của cuộc sống, nhưng Phật giáo lại làm được điều giúp con người chế ngự tâm mình, đưa đến sự kiểm soát đạo đức hay hướng đến mục đích thực sự của cuộc sống.

→ Giới khoa học cũng nói rằng:

✍ Nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được nhu cầu của khoa học hiện đại, thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để đi theo khoa học. Vì Phật giáo bao gồm cả khoa học, cũng như vượt qua cả khoa học.

* Ảnh hưởng và vai trò của văn minh Ấn Độ đối với sự phát triển của văn minh phương Đông

a) Cách thức để nền văn minh Ấn Độ được truyền bá rộng rãi sang các quốc gia phương Đông

→ Ấn Độ chủ động đưa văn hóa, hóa văn minh của đất nước mình ra bên ngoài: đối với khu vực Phương Đông nói chung và Đông Nam Á nói riêng, ngay từ khi bắt đầu công nguyên, từ cái nền chung là cơ tầng văn hóa bản địa thì những cư dân ở đây đã bắt đầu gặp làn sóng văn hóa Ấn Độ Đến các khu vực này theo chân các thương gia và những nhà truyền đạo của Ấn Độ.

✍ Một số thương nhân Ấn Độ đã đến khu vực này và hoạt động làm cho nền kinh tế cũng như việc trao đổi sản phẩm ở các khu vực này phát triển, đồng thời văn hóa Ấn Độ cũng theo đó mà tiến vào.

✍ Một số nhà truyền đạo cũng theo các thuyền buồm đến Đông Nam Á, đồng thời một số thương nhân ở Việt Nam cũng sang Ấn Độ để giao lưu, nhờ đó mà tiếp thu được nền văn hóa Ấn Độ.

✍ Ngoài ra nhiều bộ tộc ở Đông Nam Á còn tiếp nhận cách thức tổ chức xã hội và chính quyền của Ấn Độ để thành lập nên các quốc gia riêng, tuy nhiên để tổ chức một nhà nước vương quyền theo Ấn Độ thì không thể tách tôn giáo. Qua đó, đó là khi tạo dựng một quốc gia thì các cư dân Đông Nam Á đã tiếp nhận tôn giáo của Ấn.

→ Lý giải việc văn minh Phương Đông tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ do giữa Ấn Độ và phương Đông đặc biệt là Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng với nhau sau đó tạo điều kiện tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ:

✍ **Vị trí địa lý:** Đông Nam Á nằm giữa trục giao lưu đông tây và nam bắc, từ rất sớm đã trở thành con đường giao thương trên biển nối không thể giới Đông Tây, vừa Trung Hoa vừa Ấn Độ, Ấn Độ và thế giới phương Tây và trở thành ngã tư của các nền văn minh, nổi lên đó là mối quan hệ giao thương, buôn bán và đã là tiền đề, cơ sở để các cư dân Đông Nam Á tiếp thu, học hỏi nền văn hóa lớn của thế giới cổ đại lúc bấy giờ.

✍ **Giao thông đường thủy:** khu vực Đông Nam Á nói chung và đặc biệt là bán đảo Đông Dương và các đảo trong vùng đều chịu ảnh hưởng của gió mùa. Những luồng gió theo mùa và định hướng đã tạo điều kiện cho con người có thể vượt biển bằng các phương tiện thô sơ, tạo điều kiện cho các hoạt động hàng hải và trao đổi với nhau, trong đó có nền văn hóa.

✍ **Tộc người:** những tộc người ở Đông Á có quan hệ mật thiết với một số tộc người ở Đông Nam Á tiền sử tạo nên sự gần gũi trong phong tục, tập quán giữa hai khu vực. Chính những nét tương đồng này mà các nhà Du Thám, những nhà buôn, Những nhà truyền giáo và cả những đội quân xâm lược thực dân của phương tây đều coi Đông Nam Á là vùng Đông Á hay ngoại Ấn Độ, trong suốt một thời gian dài các nhà khoa học đã gọi các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á là quốc gia “Ấn Độ Hóa”.

✍ **Hoạt động kinh tế:** cư dân phương Đông bao gồm cả Ấn Độ có chung một nền tảng văn hóa, lấy sản xuất nông nghiệp làm phương thức hoạt động kinh tế chính.

→ Ngoài ra có thể lý giải điều này như sau: nền văn minh nào phát triển và rực rỡ hơn sẽ được các quốc gia trên thế giới tiếp nhận. Tiêu biểu như đối với Ấn Độ bộ mã là nơi có nền văn minh vô cùng phát triển và rực rỡ ở trên tất cả các mặt về chữ viết, văn học, tôn giáo, nghệ thuật đồng thời với sự chủ động đưa nền văn minh của mình ra bên ngoài thì Ấn Độ đã nhận được sự tiếp thu mạnh mẽ của văn minh Phương Đông hay các quốc gia, khu vực khác trên thế giới.

→ Phương Đông và đặc biệt là Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu sắc và tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ nhưng không vì thế mà các vùng này biến thành khu vực “Ấn Độ hóa”, từ nền văn minh Ấn Độ, văn minh các nước phương đông có thêm luồng gió mới tạo nên sự đa dạng trong văn hóa mỗi nước.

b) Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến sự phát triển của văn minh phương Đông

→ Ấn Độ là một đất nước có lịch sử từ lâu đời, là một trong những nền văn minh lớn của nhân loại. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Nam Á vậy nên văn minh Ấn Độ không những ảnh hưởng trực tiếp mà còn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của văn minh phương Đông.

→ **Văn minh Ấn Độ** có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phân hóa xã hội, khi hình thành những nhà nước cổ đại đầu tiên ở Đông Nam Á: Nhiều quá trình giao lưu, buôn bán mà thương nhân các quốc gia Đông Nam Á có điều kiện được sang Ấn Độ để học hỏi, tiếp thu những thành tựu của đất nước này cho dân tộc mình; đồng thời thương nhân Ấn Độ cũng sang Đông Nam Á để truyền đạo và lập nghiệp. Quá trình đó tạo nên cơ hội để các quốc gia Đông Nam Á tiếp nhận các cấp tổ chức và xây dựng bộ máy nhà nước. Chính vì vậy mà ở giai đoạn này một số nhà nước được hình thành ở Đông Nam Á có mang tính chất vương quyền của Ấn Độ.

→ **Sự hình thành và phát triển của nền văn minh phương đông gắn liền với việc tiếp thu ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ.** Những ảnh hưởng này khá toàn diện và sâu sắc cả về triết học, tôn giáo, chữ viết, văn học, học nghệ thuật và khoa học tự nhiên.

→ **Chữ viết:** Sớm được hình thành và thường được dùng để lưu trữ thông tin, văn học và lưu chuyển hàng hóa. Là cơ sở hình thành nên chữ viết Ấn Độ hiện nay, chữ Sanskrit của Ấn Độ đã tạo cơ sở để các nước Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng cho quốc gia mình.

→ **Văn học:** Những thành tựu rực rỡ của kinh Vệ-đa và những tác phẩm sử thi nổi tiếng đậm đà bản sắc dân gian như Ramayana, Mahabharata... cũng tạo nên ảnh hưởng sâu sắc đối với các nước phương Đông, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á. Văn học Ấn Độ được truyền bá đồng thời cùng các văn minh trên từ đó mang đến phong cách sử thi, anh hùng cho văn học phương Đông.

→ **Tôn giáo:** Các tôn giáo lớn ở Ấn Độ truyền đạo và các thương nhân mang đạo lan ra ngoài biên giới. Khi đạo Hindu trở thành quốc giáo của Campuchia, Thái Lan,... Đạo Phật phát triển mạnh ở các nước như Việt Nam, Trung Quốc... Những nét đặc sắc trong tôn giáo Ấn Độ được các quốc gia này tiếp thu và trên cơ sở đó hình thành những nét đặc sắc riêng trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng của dân tộc mình.

→ **Nghệ thuật:** Ấn Độ được biết đến là một đất nước có nền nghệ thuật phát triển rực rỡ, nhiều thành tựu trong kiến trúc và điêu khắc. Các công trình kiến trúc và điêu khắc của Ấn Độ với những nét độc đáo trong và chịu ảnh hưởng bởi các tôn giáo lớn được các quốc gia Phương Đông học hỏi và áp dụng. Điều đó được thể hiện rất rõ khi phần lớn các công trình kiến trúc ở nhiều nước Đông Nam Á, đặc biệt những công trình mang tính tôn giáo của Đông Nam Á đều mang đậm dấu ấn Ấn Độ.

→ **Khoa học tự nhiên:** Thiên văn, vật lý, toán học, y học... cũng được các nước phương Đông tiếp thu và học hỏi. Một số tác phẩm về sử học, y học của Trung Quốc có sự học hỏi, vận dụng và tiếp thu từ Ấn Độ.

* Vai trò của Phật Giáo ở Việt Nam

→ Với tư cách là một tôn giáo, Phật giáo là một thành tố văn hóa có ảnh hưởng đậm nét tới các thành tố văn hóa khác của văn hóa Việt Nam.

→ Là nguồn cảm hứng cho các tác phẩm mỹ thuật, kiến trúc (chùa, tháp) cũng như điêu khắc (tượng Phật, phù điêu hoạ tiết).

→ Dưới góc độ nhân văn và xã hội, Phật giáo ảnh hưởng đến ngôn ngữ, ca dao và thơ ca của người Việt.

→ Ảnh hưởng đến phong tục tập quán của người Việt như là ăn chay, thờ Phật, ma chay, cưới xin,...

→ Văn hóa Phật giáo là một bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc. Bảo tồn, phát huy văn hóa Phật giáo là góp phần bảo tồn, phát huy văn hóa Việt Nam.

*** Kết luận:** Phật giáo trong khoảng 2000 năm tồn tại cùng dân tộc Việt Nam, đã có nhiều đóng góp cho dân tộc trên nhiều phương diện, đã khẳng định được vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống. **Phật giáo phát triển khắp mọi nơi, tư tưởng giáo lý Phật giáo ngấm sâu vào suy nghĩ, tình cảm và cuộc sống của mọi tầng lớp dân chúng.** Hiện nay chúng ta cần cố gắng phát huy những vai trò tích cực của Phật giáo, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo - các giá trị văn hóa này như một dòng chảy lặng lẽ, âm thầm nhưng có khả năng to lớn về mặt tinh thần, là cội rễ, là một trong những điểm tựa tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó là hạn chế các mặt tiêu cực, đặc biệt là mê tín dị đoan, để Phật giáo phát huy hết khả năng của mình, góp phần vào phát triển kinh tế xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, vững mạnh.

Chương 3

VĂN MINH TRUNG HOA CỔ TRUNG ĐẠI

Từ khóa quan trọng: Sông Hoàng Hà - Dương Tử (Trường Giang), người Hoa Hạ, văn minh nông nghiệp, các triều đại phong kiến, chính quyền nhà nước - hệ thống quan chế, tư tưởng (Khổng giáo, Đạo giáo, Pháp gia), thành tựu (chữ viết, văn học, giáo dục, nghệ thuật, kiến trúc, khoa học tự nhiên, bốn phát minh lớn).

Dẫn luận: Mỗi một nền văn minh đều có các đặc điểm riêng biệt tùy thuộc theo mốc thời gian hình thành, lịch sử phát triển, vị trí địa lý và đặc biệt nhất là yếu tố con người. Cũng giống như những nền văn minh lớn khác, nền văn minh Trung Hoa cũng được hình thành ven lưu vực hai con sông lớn là Hoàng Hà và sông Trường Giang. Tuy nhiên, so với các nền văn minh phương Tây thì nền văn minh Trung Hoa ra đời muộn hơn (khoảng cuối thiên niên kỉ thứ III TCN). Sự xuất hiện của một nền văn minh mới đem tới sự biến chuyển lớn trong lịch sử văn minh của nhân loại.

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH TRUNG HOA CỔ TRUNG ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ Về vị trí địa lý, nằm ở Đông Bắc châu Á, bị ngăn trở với khu vực Nam Á bởi dãy Himalaya nên tương đối biệt lập với phần còn lại của thế giới. Các cuộc chiến tranh của Trung Hoa thường ở khu vực Hoàng Hà tới khu vực phía Bắc hay xuống phía Nam. Ít có sự tương tác với các nền văn minh phía Tây (Ấn Độ, Arap, Hy La), nhưng đặc điểm này chỉ mang tính chất tương đối vì văn minh Trung Hoa nhằm thể hiện sức mạnh để chế nên có sự chủ động can thiệp lãnh thổ bên ngoài.

✎ **Vị trí địa lý trải dài trên nhiều kinh độ và vĩ độ, tập trung trên vùng lãnh thổ rất rộng lớn nên nó thể hiện tính đa dạng** (nhiều cộng đồng, tộc người ở lưu vực sông, đồng bằng, cao nguyên, miền núi,...). **Các hệ sinh thái đa dạng, mang nhiều thuận lợi về sản xuất kinh tế hay quá trình tiếp nhận văn hóa từ các nền văn hóa khác.**

✎ **Vị trí địa lý “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” với đường biên giới tiếp giáp với 14 quốc gia, 3 trong 4 biển lớn của Thái Bình Dương là Hoàng Hải, Hoa Đông và Biển Đông.** Đặt nền tảng cho việc hình thành một nền văn minh lớn, phát triển rực rỡ trong lịch sử.

→ Về sông ngòi, hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang chia khu vực Trung Quốc thành 2 đồng bằng lớn (Hoa Bắc, Hoa Nam)

✎ **Hoa Bắc** có địa hình bằng phẳng nên sản xuất nông nghiệp quy mô lớn nhưng cũng đồng thời **chịu nhiều thiên tai lũ lụt**, các cuộc chiến tranh của Trung Quốc với bên ngoài đa số đều kéo xuống từ phía Bắc. **Khí hậu ôn đới, hệ sinh thái mang tính chất chuyên biệt hơn** (thường trồng lúa mì, lúa mạch,...).

✍ **Hoa Nam** có khí hậu nhiệt đới ẩm, sông ngòi chằng chịt, tập trung nhiều và đa dạng cộng đồng người, nổi tiếng nhất là tộc Bách Việt, điều kiện thuận lợi cho phát triển trồng cây lúa nước.

✍ **Sông Hoàng Hà** có trữ lượng phù sa vô cùng lớn, dồi dào từ thời kì cổ đại cho tới bây giờ nên các cộng đồng cư dân, nền tảng kinh tế tập trung ở đây. Các nhà nước sơ khai đều tập trung tại đây, khai thác từ sớm ở đây (công trình thủy lợi, tài nguyên rừng bên sông để dựng đền đài, cung điện) nên nạn phá rừng cũng xuất phát từ đây. Đây cũng là con sông phát tích nền văn minh Trung Hoa.

✍ **Sông Trường Giang** là dòng sông cung cấp lượng nước và phù sa dồi dào, tập trung ở khu vực phía Nam Trung Quốc, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và thương mại nhờ mạng lưới dày đặc, là con sông kinh tế huyết mạch tại Trung Quốc. Bên lưu vực sông có rất nhiều nguồn tài nguyên quý để phát triển thủ công nghiệp.

✍ Ngoài ra có **sông Lan Thương** có vai trò kết nối thương mại và kinh tế giữa miền Nam Trung Quốc với phần còn lại của thế giới.

📖 **Vai trò của các dòng sông:** các dòng sông đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành văn minh Trung Hoa cổ đại mà cụ thể là sông Hoàng Hà ở phía Bắc và sông Trường Giang ở phía Nam. Hai con sông này đều chảy theo hướng Tây – Đông, hằng năm đem phù sa bồi đắp cho những đồng bằng rộng lớn ở phía Đông Trung Quốc. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Cái nôi của nền văn minh Trung Hoa được hình thành ngay bên lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang.

→ Về lãnh thổ, Trung Quốc ngày nay rất rộng lớn song trong lịch sử cổ đại (từ khoảng thế kỉ XXI TCN đến năm 221 TCN) lãnh thổ của người Trung Quốc nhỏ hơn rất nhiều, chủ yếu ở phía Bắc – lưu vực sông Hoàng Hà. Đến thế kỉ III TCN, cương giới phía Bắc của Trung Quốc chưa vượt qua Vạn lý trường thành, phía Tây mới đến Đông Nam tỉnh Cam Túc và phía Nam chỉ bao gồm một dải đất nằm dọc theo hữu ngạn sông Trường Giang.

→ Về địa hình: đa dạng và có sự phân hóa Đông – Tây sâu sắc

✍ **Phía Tây** có nhiều núi và cao nguyên, khí hậu khô hanh.

✍ **Phía Đông** là các bình nguyên, châu thổ phì nhiêu thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.

→ Về khí hậu: đa dạng, phong phú. Đa số các vùng có đầy đủ 4 mùa rõ rệt, mùa đông lạnh giá, mùa hè nóng nực. Từ Bắc xuống Nam lần lượt là các khu vực khí hậu Hàn ôn đới, Trung ôn đới, Á nhiệt đới, Nhiệt đới. Ở các vùng núi cao như cao nguyên Tây Tạng, khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.

📖 Sự đa dạng của điều kiện tự nhiên tạo điều kiện hình thành nên sự đa dạng, phong phú của văn hóa Trung Quốc với nhiều màu sắc đặc trưng theo vùng miền.

2. Điều kiện kinh tế xã hội

2.1. Điều kiện kinh tế

→ **Cơ sở nền kinh tế nông nghiệp**, chịu sự chi phối sâu sắc của điều kiện tự nhiên. **Nông nghiệp đặc biệt phát triển ở lưu vực các con sông lớn.**

✍ **Phía Bắc là nền nông nghiệp ôn đới.**

✍ **Phía Nam là nền nông nghiệp cận nhiệt, nhiệt đới.**

→ **Hình thái công cụ lao động phong phú**, phát triển hoàn thiện từ các công cụ lao động thô sơ thời kỳ đầu như đồ đá, đồ đồng, đồ sắt,...

→ **Bên cạnh nông nghiệp thì kinh tế thủ công nghiệp cũng rất phát triển** dựa trên nguồn tài nguyên phong phú, kỹ nghệ sản xuất hàng thủ công tinh xảo, nhiều mặt hàng của Trung Quốc đã đạt tới tiêu chí hoàn mỹ như gốm sứ, tơ lụa,...

→ **Thương nghiệp**: giao thông buôn bán thuận tiện trên cả đường bộ và hàng hải. Ngay từ thời cổ đại đã hình thành nên **con đường tơ lụa nổi tiếng**, mang những hàng hóa của Trung Quốc ra với thế giới bên ngoài.

2.2. Điều kiện xã hội

→ **Trung Quốc là một trong những nơi từ rất sớm đã có sự cư trú của loài người.** Từ sớm, nền văn minh Trung Hoa đã có nhiều cộng đồng cư dân khác nhau. Trong thời kỳ tiền sử đã xuất hiện cộng đồng cư dân tại sông Hoàng Hà. Ngoài ra khu vực sông Trường Giang cũng có rất nhiều dấu tích văn minh cách đây khoảng 5000 năm, tiền thân của nền văn hóa Ba Thục - nền văn minh được cho là có mối liên hệ tương đồng với cộng đồng cư dân Bách Việt.

→ **Về mặt chủng tộc**, cư dân ở lưu vực Hoàng Hà thuộc chủng tộc Mongoloit trong đó có hai tộc người được hình thành sớm nhất là người Hạ ở trung lưu Hoàng Hà và người Thương ở hạ lưu Hoàng Hà, đó là tiền thân của dân tộc Hán sau này.

→ Còn ở lưu vực sông Trường Giang thời cổ đại là địa bàn cư trú của các dân tộc Sở, Ngô, Việt,... cùng một số bộ tộc khác mà người Trung Quốc gọi là **Man Di**.

📖 **Những điều kiện thuận lợi về cả tự nhiên, kinh tế và xã hội đã đặt nền tảng vững chắc dẫn đến sự hình thành một nền văn minh lớn – văn minh Trung Hoa – với nhiều thành tựu rực rỡ cống hiến cho lịch sử nhân loại.**

3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Trung Quốc cổ trung đại

→ Vào thiên niên kỷ III TCN, Trung Quốc bước vào thời kì tan rã của công xã nguyên thủy và là thời kì quá độ chuyển sang xã hội có giai cấp và nhà nước. Đây là thời kì hình thành bộ lạc lớn mạnh do Đường, Nghiêu, Ngu Thuấn, Hạ Vũ kế tiếp nhau làm thủ lĩnh.

→ Kể từ khi nhà Hạ ra đời (khoảng thế kỉ XXI TCN) đến khi triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc bị lật đổ bởi cuộc CMTS Tân Hợi (1911), văn minh Trung Quốc đã trải qua hai thời kì lớn:

→ **Thời kì chiếm hữu nô lệ** (sự ra đời của nhà Hạ và Thương).

 Thời Tây Chu (thế kỉ XI - IX TCN) kéo dài 300 năm

 Thời Đông Chu (770 - 221 TCN): Xuân Thu (770-476 TCN) và Chiến Quốc (475- 221 TCN)

→ **Thời kì phong kiến**

 Thời nhà Tần (221-206 TCN)

 Thời nhà Hán (202 TCN - 8 SCN)

 Thời nhà Tùy (thế kỉ VI-X)

 Thời nhà Đường (618-908)

 Thời nhà Tống (960-979)

 Thời nhà Nguyên (1279-1368)

 Thời nhà Minh (1368-1644)

 Thời nhà Thanh (1644-1911)

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH TRUNG HOA

Dẫn luận: Trung Hoa là một trong những cái nôi của lịch sử nhân loại. Văn minh Trung Hoa qua các thời kỳ đã có sự phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc đến các nước trong khu vực nói riêng và thế giới nói chung với nhiều thành tựu rực rỡ.

1. Chữ viết

→ Vào **TNK III TCN**, chữ viết Trung Quốc đã ra đời nhưng là một thứ “**văn tự kết thừng**”. Đến thời Thương - Ân xuất hiện “**văn tự giáp cốt**”.

→ **Thời Tây Chu** xuất hiện chữ kim văn.

→ Đến thời **Xuân Thu - Chiến Quốc**, chữ viết được cải tiến, cách viết càng đẹp nên được gọi là chữ đại triện và tiểu triện.

→ Đến **đời Tần Thủy Hoàng**, Lý Tư soạn ra **bộ sách Tam Thương** gồm 3.300 chữ.

→ Từ chữ giáp cốt, văn tự tượng hình, chữ viết Trung Quốc đã trải qua hàng chục thế kỷ phát triển sang các loại chữ kim văn, chữ đại triện, tiểu triện để có một thứ chữ Hán hoàn thiện trong giai đoạn sau này.

2. Văn học

Trung Quốc có nền văn học rất phong phú đó là nhờ vào chế độ thi cử và việc văn chương trở thành thước đo của tri thức. Các thể loại tiêu biểu: Thơ, Từ, Phú, Kịch, tiểu thuyết...trong đó tiêu biểu nhất là Kinh thi, Thơ Đường và Tiểu thuyết Minh – Thanh:

→ **Kinh thi** là tập thơ cổ nhất ở Trung Quốc do nhiều tác giả sáng tác thời Xuân - Thu, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lý.

→ **Thơ Đường** là thời kì đỉnh cao của nền thơ ca Trung Quốc. Trong hàng ngàn tác giả nổi bật lên ba nhà thơ lớn đó là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

→ Tới thời Minh – Thanh, **tiểu thuyết** lại rất phát triển, tiêu biểu như Tam Quốc diễn nghĩa, Thủy Hử, Tây Du Ký, Hồng Lâu Mộng.

3. Sử học

Trung Quốc là một nước rất coi trọng lịch sử, bởi vậy, sử học ở Trung Quốc phát triển rất sớm với một kho tàng sử sách rất phong phú:

→ **Thời Xuân Thu**: nhiều nước đã đặt các quan chép sử, có ý thức về biên soạn sử. Trên cơ sở lịch sử nước Lỗ, Khổng Tử đã biên soạn ra Kinh Xuân Thu.

→ **Thời Hán**: Tư Mã Thiên là một nhà viết sử lớn đã để lại tác phẩm Sử ký ghi chép lại lịch sử Trung Quốc từ thời Hoàng Đế đến thời Hán Vũ Đế (gần 3000 năm).

→ **Thời Đông Hán**: có các tác phẩm như Hán thư của Ban Cố, Tam quốc chí của Trần Thọ, Hậu Hán thư của Phạm Diệp.

→ **Thời Minh - Thanh**: có các bộ Minh sử, Tứ khố toàn thư đều là những di sản đồ sộ của Trung Quốc.

4. Khoa học tự nhiên

4.1. Toán học

→ Người Trung Hoa đã biết sử dụng hệ thống thập tiến vị từ rất sớm.

→ Nhiều cuốn sách toán học như Chu bĩ toán kinh, Cửu chương toán thuật cho thấy, họ đã biết đến phân số, mối quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác vuông, phép toán khai căn, phương trình bậc một, khái niệm về số âm và số dương,...

→ Thời Nam – Bắc triều xuất hiện nhà toán học nổi tiếng là Tổ Xung Chi, ông đã tính được số pi bằng 3.14159265 đây là con số chính xác nhất thế giới thời kỳ đó.

4.2. Thiên văn học

→ Từ thời nhà Thương, người Trung Hoa đã vẽ được bản đồ sao với 800 vì sao, xác định được chu kỳ chuyển động của 120 vì sao ⇒ Từ đó, người Trung Hoa đã đặt ra lịch Can chi (âm lịch).

→ Ngay từ thời cổ đại, một số nhà thiên văn đã phát hiện ra vết đen trên mặt trời, chế tạo ra dụng cụ dự báo động đất,... Năm 1230, Quách Thủ Kính đời Nguyên đã đặt ra Thụ thời lịch xác định một năm có 365,2425 ngày. Đây là một con số rất chính xác so với kết quả của các nhà thiên văn châu Âu cùng thời.

4.3. Y học

→ Thời Chiến Quốc đã có sách Hoàng đế nội kinh được coi là bộ sách kinh điển của y học cổ truyền Trung Hoa. Đến thời Minh, cuốn Bản thảo cương mục của Lý Thời Xuân ra đời, được đánh giá là bộ “Bách khoa về sinh vật” của người Trung Quốc thời đó.

→ Nhiều thầy thuốc giỏi được truyền tụng như Biển Thước, Hoa Đà, Lý Thời Trân...

→ Châm cứu là một thành tựu y học nổi bật và đặc sắc của người Trung Quốc.

4.4. Nghệ thuật

→ Hội họa: Hội họa Trung Quốc có lịch sử 5000 - 6000 năm với các loại hình đa dạng: bạch họa, bản họa, bích họa. Đặc biệt là nghệ thuật vẽ tranh thủy mặc, có ảnh hưởng nhiều tới các nước ở Châu Á. Cuốn Lục pháp luận của Tạ Hách đã tổng kết những kinh nghiệm hội họa từ đời Hán đến đời Tùy.

→ Điêu khắc: Ở Trung Quốc cũng phân thành các ngành riêng như: Ngọc điêu, thạch điêu, mộc điêu. Những tác phẩm nổi tiếng như cặp tượng Tần ngẫu đời Tần, tượng Lạc sơn đại Phật đời Tây Hán (pho tượng cao nhất thế giới), tượng Phật nghìn mắt nghìn tay.

→ Kiến trúc: Cũng có những công trình rất nổi tiếng như Vạn lý trường thành (tới 6700 km), Thành Tráng An, Cố cung, Tử cấm thành ở Bắc Kinh.

4.5. Kỹ thuật

📖 Bốn phát minh lớn của Trung Quốc là giấy, kỹ thuật in, thuốc súng và la bàn

⇒ Các phát minh trên đã giúp cải thiện đời sống của người dân Trung Quốc, đóng góp to lớn cho văn minh nhân loại. Các phát minh này góp phần vào công cuộc chinh phục tự nhiên, đấu tranh sinh tồn và phát triển của con người.

📖 Francis Bacon đã chỉ rõ về nghề in, thuốc súng, la bàn – “Ba loại này đã thay đổi bộ mặt thế giới, loại thứ nhất trên bình diện văn học, loại thứ hai trên bình diện chiến tranh, loại thứ ba trên bình diện hàng hải...”

→ **Kỹ thuật làm giấy**: Thời Xuân Thu - Chiến Quốc, Trung Quốc vẫn còn viết chữ trên thẻ tre hoặc lụa. Đến thời Tây Hán, nhờ nghề tơ tằm phát triển, Trung Quốc đã chế tạo được một loại giấy thô sơ bằng vỏ kén tằm.

✍ Năm 105, thời Đông Hán, Thái Luân đã phát minh ra cách dùng vỏ cây, giẻ rách, lõi cũ... để làm giấy. Việc phát minh ra nghề làm giấy đã góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Kỹ thuật làm giấy ngày càng được cải tiến, đến thế kỉ VIII truyền sang Ả Rập và từ Ả Rập truyền sang châu Âu.

→ **Kỹ thuật in**: Thời Đường, người Trung Quốc đã biết đến kỹ thuật in, nhưng chỉ mới biết in bản khắc gỗ và dùng để in kinh Phật. Đến giữa thế kỉ XI (đời Tống), Tất Thắng đã phát minh ra cách in chữ mới bằng đất nung, về sau đó đã được thay bằng chữ gỗ và chữ đúc bằng đồng.

✍ Kỹ thuật in ra đời làm cho việc nhân bản sách dễ dàng, số lượng không hạn chế và được lưu truyền rộng rãi. Từ Trung Quốc, chữ in truyền sang Nhật Bản, Triều Tiên và đặc biệt là sang châu Âu được người châu Âu sử dụng trong việc phục hưng văn hóa.

✍ Phát minh nghề in được đánh giá là phát minh lớn nhất sau chữ viết và được coi là kỹ thuật phục chế đối với văn viết trên bản thảo.

→ **Phát minh la bàn**: từ thế kỉ III TCN, người Trung Quốc đã biết được từ tính của đá nam châm và đến thế kỉ I TCN thì phát hiện được khả năng định hướng của nó. Nhưng mãi đến thế kỉ XI, người Trung Quốc mới biết dùng sắt mài đồ để chế thành kim chỉ hướng trong la bàn. La bàn lúc đầu chỉ là miếng sắt có từ tính xâu qua cộng rơm thả nổi trong bát nước hoặc treo bằng sợi tơ để ở chỗ kín gió.

✍ Việc phát minh ra la bàn được người Trung Quốc ứng dụng trong nghề hàng hải làm cho nghề hàng hải ở Trung Quốc phát triển nhanh.

✍ Đầu thế kỉ XII, kỹ thuật chế tạo la bàn được truyền sang châu Âu và người châu Âu đã cải tiến sử dụng nó trong các cuộc phát kiến địa lí.

→ **Phát minh thuốc súng**: là thành tựu ngẫu nhiên qua thuật luyện đan của các đạo sĩ. Nguyên liệu mà các nhà luyện đan thường dùng là lưu huỳnh, diêm tiêu và gỗ. Mục đích chính không đạt được nhưng trái lại gây nên những vụ nổ lớn và do đó tình cờ tìm ra được cách làm thuốc súng. Từ đời Đường thuốc súng được ứng dụng trong chiến trận. Đến thời Tống thì được ứng dụng rộng rãi vào việc chế tạo vũ khí thô sơ như tên lửa, cầu lửa, pháo đạn bay. Từ thế kỉ XIII, thuốc súng được truyền qua châu Âu bằng con đường Ả Rập. Điều đó đã tạo nên một cuộc cách mạng kỹ thuật châu Âu.

📖 Nghề in, thuốc súng và kim chỉ nam đã làm thay đổi bộ mặt của thế giới; loại thứ nhất trên bình diện văn học, loại thứ hai trên bình diện chiến tranh và loại thứ ba trên bình diện hàng hải. Trên cơ sở đó dẫn đến vô số sự thay đổi khác. Sự thay đổi lớn lao có tầm cỡ thế giới mà không một nước nào, một tôn giáo nào, một nhân vật nổi tiếng có thể lực

nào phát huy sức mạnh và ảnh hưởng to lớn đối với sự nghiệp của nhân loại như các phát minh trên.

4.6. Tư tưởng – Tôn giáo

Lịch sử tư tưởng Trung Quốc hết sức phong phú với các hệ tư tưởng học thuyết khác nhau trong đó nổi bật lên là tư tưởng Nho gia, Đạo gia, Pháp gia và Mặc gia. Các hệ tư tưởng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền văn minh Trung Hoa, có quan hệ mật thiết, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của nhân dân Trung Quốc nói riêng và nhiều nước khác trong khu vực.

4.6.1. Thuyết âm dương - bát quái - ngũ hành: được nêu từ thời cổ đại nhằm giải thích nguồn gốc của vạn vật.

→ **Thuyết âm dương**: vũ trụ có hai yếu tố đó là âm và dương kết hợp với nhau trở thành vạn vật - khởi nguyên của thế giới, có tác động xuyên suốt lịch sử Trung Quốc.

✍ Hình thành trên cơ sở quan sát thiên tượng của khí hậu: nóng là dương, lạnh là âm; ban ngày là dương, ban đêm là âm;...

✍ Cho rằng trong vũ trụ có 2 yếu tố cơ bản là âm và dương, hai mặt đối lập, mâu thuẫn và thống nhất. Thông qua quan sát thế giới xung quanh, người Trung Quốc đưa ra kết luận vũ trụ có 2 yếu tố cơ bản đối lập nhưng thống nhất với nhau, không triệt tiêu mà bổ sung, thay thế cho nhau là âm và dương.

✍ Hiện tượng mâu thuẫn chi phối mọi sự vật hiện tượng, thậm chí là cảm xúc, cảm nhận của con người.

→ **Thuyết bát quái**:

✍ Giải thích thế giới được tạo thành từ 8 nhóm sự vật, hiện tượng khác nhau.

✍ Bát quái là 8 quẻ, cần khôn chấn tốn khảm ly坎 đoài (vạch liền là dương, đứt là âm) xếp với nhau thành từng bộ ba để biểu thị.

✍ Những vạch này được coi là dấu tích chữ viết đầu tiên của Trung Hoa.

→ **Âm dương gia**:

✍ Đại biểu là Trâu Diễn - người khai sinh, thúc đẩy quan niệm âm dương gia để giải thích sự vận động của lịch sử: lịch sử Trung Hoa đi theo ngũ hành, ngũ hành tương sinh tương khắc chi phối mỗi triều đại. Triều đại này khắc triều đại trước đó.

✍ Thuyết ngũ đức trung thủy và thuyết cửu châu. Thuyết cửu châu cho rằng thời kỳ sơ khởi, vị vua đầu tiên của triều Hạ là Hạ Vũ chia thiên hạ thành Cửu Châu - chín khu vực cơ bản. Để khẳng định vị thế, các hoàng đế tạo các đỉnh (đỉnh thiên lập địa - khi các đỉnh tế trời được lập nên thì vùng đất đó nằm dưới sự cai trị của hoàng đế).

✍ Quy luật về mối quan hệ tương sinh tương khắc của ngũ hành: được nhà âm dương gia lý giải cho sự thay đổi của xã hội, con người (bệnh tật, đặt tên,...). Ví dụ như các cơ quan, bộ phận trong cơ thể cũng tương ứng với ngũ hành nên nếu ngũ hành thay đổi thì con người cũng mắc bệnh khác nhau. Hay khi con cháu sinh ra, những thế hệ ông cha biết ngũ hành sẽ tính mệnh và đặt tên cho con cháu.

→ **Thuyết ngũ hành:**

✍ Sau âm dương, bát quái, người Trung Quốc lại cho rằng trong vũ trụ có 5 chất căn bản là **kim** (vàng, các kim loại), **mộc** (gỗ, cây cỏ), **thủy** (nước, chất lỏng, hơi nước), **hỏa** (lửa, hơi nóng, ánh sáng), **thổ** (đất, đá, các loại khoáng vật). Từ đó sinh ra thuyết ngũ hành. Ngũ hành là bản thể của âm dương và là sự tồn tại của các dạng vật chất, khi vật chất bị bốc cháy thành hơi bay vào bầu trời thành các ion trong điện trường đó là dương. Còn các dạng vật chất khác tồn tại ở trái đất là âm.

📖 Tóm lại, các thuyết âm dương, bát quái, ngũ hành đều dùng những yếu tố vật chất để giải thích thế giới và sự biến động của sự vật. Người Trung Quốc xưa qua nghiên cứu của âm dương, bát quái, ngũ hành đã sớm nhận thức được sự tương đồng giữa vũ trụ và con người. Đó chính là tư tưởng duy vật và biện chứng thô sơ của người Trung Quốc cổ đại.

4.6.2. Nho giáo

→ **Lịch sử hình thành, phát triển:**

✍ Người khai sinh là: **Khổng Tử**

✍ Học trò xuất sắc nhất của Khổng Tử, phát triển đạo Khổng cao hơn: **Mạnh Tử**

✍ Người thúc đẩy quan điểm của Khổng Tử để tầng lớp thống trị đưa vào sử dụng thành tư tưởng cốt lõi: **Đổng Trọng Thư**

→ **Về tư tưởng:** đây là quan niệm tư tưởng triết học về xã hội.

→ **Tác phẩm nổi bật:** *Tứ thư* (Đại học, Trung Dư, Luận ngữ, Mạnh tử), **Ngũ kinh** (Kinh thi, Kinh thư, Kinh dịch, Kinh lễ, Kinh Xuân Thu).

→ **Quá trình phát triển:**

✍ Thời kỳ phát triển của Nho giáo tập trung chủ yếu trong giới học sĩ, không có nhiều tác động tới giới chính trị vì nó không đem lại hiệu quả cao hay quyền lợi thực tế.

✍ Thời Tần, chính quyền thực hiện chính sách “Giết Nho, chôn Nho”. Chỉ có một số ít Nho sĩ thoát thân.

✍ Thời Hán có Đổng Trọng Thư áp dụng một số tư tưởng của Nho giáo nguyên thủy, bổ sung thêm một số yếu tố khác để biến Nho giáo thành tư tưởng cốt lõi chính

quyền nhà Hán thời bấy giờ. Hán Vũ đế đã cho ra chính sách độc tôn Nho học, bãi truất bách gia.

✍ **Thời Tống:** xuất hiện khái niệm **Tổng Nho** - Nho giáo có xu hướng độc tôn hơn so với Phật giáo và Đạo giáo thời nhà Đường. Các yếu tố trong Tổng Nho **khẳng định vị thế của giai cấp thống trị hay vị thế của người phụ nữ**,...do quá tôn sùng và máy móc nên Nho giáo đời Tống trở nên bảo thủ và khắt khe hơn.

1/ Khổng Tử

✍ **Vạn thế sư biểu** - một danh hiệu mang tính danh dự nhất để thể hiện sự kính trọng của các nhà Nho đối với Khổng Tử.

✍ Ngay từ khi ra đời, ông là người rất thông minh. Ông rời bỏ vị thế quan lại để tới các quốc gia, sưu tầm việc hay chuyện tốt để biên soạn thành sách, hiện gọi là sách Thánh Hiền.

✍ **Khổng giáo** là tư tưởng triết học thiên về xã hội hơn là thế giới quan.

Về mặt triết học (thế giới quan)

✍ **Ít quan tâm đến vấn đề nguồn gốc của vũ trụ.**

✍ Thái độ không rõ rệt về trời đất quỷ thần, hoài nghi nhưng trọng việc cúng tế, tang ma vì theo *Khổng Tử*, cúng tế và tang ma thể hiện sự tôn trọng với thiên mệnh, với trời và còn thể hiện chữ hiếu của con người. Nên đối với quan niệm siêu hình, tâm linh, Khổng Tử không thể hiện thái độ quá rõ ràng, không phủ định cũng không khẳng định.

✍ Sau phát triển **thuyết thiên nhân cảm ứng** (trời và người có sự cảm ứng với nhau), **âm dương ngũ hành** để lý giải trật tự xã hội, thế giới.

Về mặt luân lý (đạo đức của con người)

✍ Coi yếu tố luân lý là khía cạnh mà con người cần phải có để sống ra con người, nếu thiếu đi thì con người sẽ bại hoại, xã hội sẽ xung đột.

✍ Trong thời kỳ đầu của Khổng Tử (Nho giáo nguyên thủy), coi trọng rất nhiều mặt như **nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dũng**. Nhưng **quan trọng hơn cả là nhân và lễ**: nếu không có lễ nghi thì con người sẽ quay lại làm động vật, chỉ biết theo nhu cầu bản năng thay vì quy chuẩn đạo đức xã hội, xã hội sẽ không còn ổn định nữa.

✍ **Khổng tử cũng nhắc đến trí và tín nhưng bàn chưa nhiều**, mãi tới sau này các học trò mới bổ sung thêm một số yếu tố như **mỹ đức** (quy phạm đạo đức cơ bản - đức tính tốt đẹp như cung, khoan, tín, mẫn, huệ / ôn, lương, khiêm, kiệm, nhượng) hay **ngũ luân** (năm mối quan hệ trong xã hội và phải đảm bảo đức tính, lễ nghi liên quan tới các mối quan hệ đó như cha con, quân thần, anh em trong nhà,...)

Về chính trị: chủ trương chính danh

✍ **Dựa vào đạo đức và lễ giáo.** Chính danh là mỗi người phải giữ đúng danh phận của mình, không được lạm quyền để ổn định trật tự xã hội, phản đối sự cai trị tàn bạo làm dân chúng chống lại.

✍ **Văn trị** (tri thức) - **lễ trị** (quy chuẩn hành xử theo đạo đức xã hội) - **nhân trị** (lòng nhân từ) - **đức trị** (đạo đức cá nhân). Tư tưởng này vẫn được áp dụng cho tới thời kỳ hiện tại. Người cầm quyền phải như vậy thì dân mới thân phục.

Về giáo dục

✍ **Sáng lập chế độ giáo dục tư thực.** Coi giáo dục là cơ sở hàng đầu thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

✍ **Phương châm giáo dục là học lễ trước, học văn sau, coi trọng phương pháp giảng dạy, thảo luận để tìm ra câu trả lời cuối cùng hay học đi đôi cùng hành.** Chú trọng tư duy độc lập, sáng tạo.

2/ Mạnh Tử

Về đạo đức

✍ Cho rằng đạo đức của con người là một yếu tố bẩm sinh gọi là tính thiện “*Nhân chi sơ tính bản thiện*” nên nhiệm vụ của nhà cầm quyền và xã hội là đề cao tính thiện của con người qua giáo dục và những chính sách của đất nước.

✍ **Coi trọng nhất là nhân nghĩa - tình nghĩa giữa con người.** Có duy trì được tình nghĩa này thì xã hội mới phát triển.

✍ **Quan điểm biểu hiện ở lòng tin vào mệnh trời.** Trời quyết thế nào thì người nghe theo đó.

Về chính trị

✍ Vì Mạnh Tử nhìn nhận chính trị trên yếu tố nhân nghĩa nên ông nhìn sự cai trị qua việc nhấn mạnh hai vấn đề là nhân chính và thống nhất. Sự cai trị của nhà vua phải có tính chính thống, phải được công nhận bởi lòng dân. Nếu lòng dân oán thán, phản đối thì triều đại đó bất ổn.

✍ **Đề cao tư tưởng quý dân, lấy dân làm gốc, nghĩa vụ của vua là giáo dục, nuôi dưỡng người dân, đẩy mạnh đất nước phát triển. Dân phải được đưa làm hàng đầu, xã tắc thứ hai, vua ở sau cùng.**

3/ Đồng Trọng Thư: nhà triết học duy tâm thời Tây Hán

Về triết học

✍ **Áp thêm tư tưởng thuyết thiên nhân cảm ứng, cho rằng mỗi vị vua xuất hiện là do mệnh trời an bài.**

✍ **Thuyết âm dương ngũ hành để kết hợp với thuyết trời sinh vạn vật lý giải cho sự xuất hiện của thế gian.**

✍ **Đối với ngũ hành:** liên nhau thì sinh ra nhau, cách nhau thì thắng nhau để áp dụng vào tư tưởng của Nho giáo.

Về đạo đức

✍ **Có bước tiến rất lớn, thay đổi gần hết tư tưởng Nho giáo nguyên thủy.** Ông nêu ra các phạm trù tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức: con người với trời, vị thế của người phụ nữ,... dần dần, con người thời Hán được đưa vào khuôn khổ rõ ràng hơn, nếu họ vượt qua khuôn khổ đó thì xã hội tất loạn.

✍ Từ thời Mạnh Tử sang tới thời Đông Trạng Thụ, dường như các quy chuẩn được khuôn khổ rõ rệt, chắc chắn hơn.

✍ **Quan niệm về vị thế, bản tính của con người:** con người vừa có tính thiện vừa có tính ác. Xã hội có thể chia làm 3 hạng người: **bậc toàn thiện** (chính nhân quân tử, sinh ra đã là bậc thánh nhân, có thể thay đổi định hướng, trật tự xã hội), **vừa thiện vừa ác** (người bình thường trong xã hội), **toàn ác** (tiểu nhân, cần bị loại bỏ, ngay từ khi sinh ra đã ác). Phải thông qua giáo dục thì xã hội mới ổn định, phát triển.

Về chính trị: không có chủ trương gì mới

4.6.3. Đạo giáo

→ Được sáng lập bởi Lão Tử.

→ **Bản chất:** quan niệm theo đường lối vô vi - không làm gì cả mà phụ thuộc vào sự vận chuyển của đạo. Nếu con người đi ngược lại vận động của đạo thì sẽ càng tổn thương. Nên Đạo giáo quan niệm vô cầu, vô tranh, vô niệm,.. tùy theo dòng chảy của vũ trụ.

→ **Tác phẩm:** Đạo đức kinh, Nam Hoa kinh

→ **Theo đạo lão Trang (Trang Chu):** thực hành cuộc sống bằng yếu tố đạo - suy ngẫm triết lý về đạo, quay trở về cuộc sống hòa hợp với tự nhiên, đất trời, không tham dự vào tranh quyền đoạt lợi. Đây là yếu tố cơ bản của Đạo giáo.

→ **Nhìn về mặt siêu hình,** mối quan hệ giữa người với vũ trụ chủ yếu.

Về mặt triết học

→ **Đạo:** nguồn gốc chung của thế giới, Đạo sinh thành ra vạn vật mà không có mục đích. Nó là quy luật tự nhiên, không bị tác động bởi yếu tố chủ quan mà là quy ước của trật tự, vũ trụ, sinh ra vốn thế. Con người cảm nhận được quy luật này, nương theo nó thì ta mới có thể ổn định và phát triển. Nếu càng cố đi ngược lại quy luật tự nhiên thì phản ứng càng mạnh, ta không thể đạt được thứ ta muốn. Đạo là yếu tố tối cao, đặc trưng nhất, không thể định hình cụ thể, nó tồn tại như nó vốn thế.

→ **Đức:** đặc tính của các sự vật tồn tại cụ thể, là sự thể hiện của đạo. Đạo là trật tự tồn tại khách quan tự nhiên còn con người, sự vật hiện tượng là đức.

→ Trong quan niệm của Đạo và Đức, xu hướng biến thiên của vạn vật cũng được lý giải như âm dương, ngũ hành, mọi sự biến chuyển như tương sinh tương khắc,... quy định sự

tương tác giữa Đạo và Đức, mọi sự vật bao hàm 2 mặt: một mặt đối lập với nhau, một mặt nương tựa nhau mà tồn tại. Nếu con người hiểu được nó thì sẽ giác ngộ.

→ Những người thực hành Đạo chỉ cần tự cảm nhận được trật tự đất trời và tuân theo nó là được chứ không được tác động hay thay đổi.

Về mặt chính trị

→ Phê phán chế độ đương thời, công kích chính sách cai trị và mọi hiện tượng giàu nghèo, chênh lệch trong xã hội. *Coi mọi hiện tượng ấy là sự đi ngược với trật tự của vũ trụ*

→ Chủ trương “vô vi nhi trị”: *muốn xã hội ổn định thì giai cấp cầm quyền không nên thực hiện chính sách thay đổi, khai thác, mở mang, biến đổi bất cứ thứ gì.*

→ Quan niệm nước nhỏ, dân ít, dân ngu thì xã hội mới ít xung đột. *Khôn ngoan quá thì sẽ mâu thuẫn, mâu thuẫn thì loạn lạc, loạn lạc thì sụp đổ.*

→ Có xu hướng quay trở về thời kỳ nguyên thủy, con người hòa hợp với tự nhiên, không tác động tới nó.

4.6.4. Đạo thái bình

→ Tuyên truyền về trời sinh bất tử

→ Đề xướng chủ nghĩa bình quân

→ Phạm vi rộng rãi, số tín đồ mấy trăm ngàn người

→ Năm 184, các tín đồ nổi dậy khởi nghĩa nhưng thất bại

Câu hỏi mở rộng

1. Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu và sự ra đời, quá trình phát triển và nội dung cơ bản của Nho Giáo

* Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu:

→ Từ năm 770 TCN, vua Chu dời đô sang lạc ấp ở phía đông từ đó gọi là Đông Chu. Thời Đông Chu tương đương với hai thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc. Đây là thời kỳ nhà Chu ngày càng suy yếu. Trong khi đó giữa các nước chư hầu diễn ra cuộc nội chiến triền miên để giành chính quyền bá chủ, tiến tới tiêu diệt lẫn nhau để thống nhất Trung Quốc. Trong thời kì này, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều nhà tư tưởng mới hướng tới thống nhất đất nước, ổn định trật tự xã hội. Và một trong những trường phái tư tưởng lớn nhất thời bấy giờ đó là Nho gia (Nho giáo).

* Sự ra đời của Nho giáo:

→ Tiền đề tư tưởng: Cơ sở của Nho giáo được hình thành từ đời Tây Chu với sự đóng góp của Chu Công Đán (hay còn gọi là Chu Công). Đến thời Xuân Thu, Khổng

Tử đã phát triển tư tưởng của Chu Công, hệ thống hóa và tích cực truyền bá tư tưởng đó. Chính vì thế, người đời sau tôn vinh Khổng Tử là người đã sáng lập ra Nho giáo. Các học thuyết của Khổng Tử được hoàn thiện bởi những người theo học hệ tư tưởng của ông sau này tiêu biểu như Mạnh Tử, Đổng Trọng Thư,...

→ **Người sáng lập:** Khổng Tử - một nhà tư tưởng lớn đồng thời là nhà giáo dục lớn đầu tiên của Trung Quốc. Các tư tưởng, tác phẩm của Khổng Tử đã **đặt nền móng cơ bản cho sự hình thành và phát triển của Nho giáo** – hệ tư tưởng đã tạo ảnh hưởng sâu sắc đến đất nước Trung Quốc trong suốt hơn 2000 năm. Vì vậy, người đời sau tôn kính suy tôn Khổng Tử là Văn thánh.

* **Nội dung cơ bản của Nho giáo:**

→ **Về đạo đức:**

✍ **Nội dung quan điểm đạo đức của Khổng Tử** bao gồm rất nhiều mặt như **nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng**,... nhưng **quan trọng nhất là Nhân**. Nhân có nghĩa là phải có lòng thương người, đối với bản thân phải “**kiềm chế mình làm đúng theo lễ**”. Ngoài ra, Nhân còn hàm chứa nhiều nội dung khác như *cung kính, nghiêm túc thành thật, dũng cảm, rộng lượng, cần cù*.

✍ Bên cạnh Nhân, Khổng Tử còn **rất chú ý đến Lễ**. Lễ không phải là một tiêu chuẩn đạo đức độc lập mà là **vấn đề luôn gắn liền với Nhân**, là **biểu hiện của Nhân**. Lễ còn có thể hiểu là *điều chỉnh đức nhân cho đúng mực*.

→ **Về đường lối trị nước:** Khổng Tử chủ trương “**Đức trị**”. Nội dung của đức trị gồm 3 điều: *làm cho dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, dân được học hành*. Sau này, Mạnh Tử bổ sung trong chủ trương đường lối chính trị là **Thống nhất, chấm dứt chiến tranh và dùng nhân chính để lập lại thái bình, thống nhất**.

→ **Về giáo dục:** Khổng Tử là người đầu tiên sáng lập chế độ giáo dục tư, mở trường dạy học.

✍ **Mục đích** của giáo dục: **uốn nắn nhân cách và bồi dưỡng nhân tài**.

✍ **Phương châm** giáo dục: **Tiên học lễ, hậu học văn**; *Học đi đôi với hành; coi trọng phương pháp giảng dạy; khơi gợi tinh thần ham hiểu biết, lòng khiêm tốn của học trò*,...

→ **Về trật tự xã hội:** Nho giáo chủ trương nêu ra các phạm trù đạo đức như *Tam cương, Ngũ thường, Lục kỷ* nhằm ổn định các mối quan hệ trong xã hội:

✍ **Tam cương:** Ba mối quan hệ phục tùng **Vua – tôi, Cha – con, Chồng – vợ**.

✍ **Ngũ thường:** Năm tiêu chuẩn đạo đức thông thường nhất của người quân tử, bao gồm có **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín**.

✍ **Lục kỷ:** Sáu mối quan hệ với những người ngang hàng với cha, ngang hàng với mẹ, với anh em, họ hàng, thầy giáo và bạn bè.

📖 Đây đều là **những tiêu chuẩn đạo đức chủ yếu của Nho giáo**, đóng vai trò **rất quan trọng** trong việc **bảo vệ trật tự của xã hội phong kiến ở Trung Quốc**.

→ **Quan niệm về người Quân tử**: Nho giáo cho rằng, *để tổ chức xã hội có hiệu quả cần phải đào tạo ra những người cai trị kiểu mẫu – Quân tử. Để trở thành quân tử, con người phải trải qua quá trình tự đào tạo, tu thân sau đó hành đạo.*

✍ **Tu thân**: quá trình **hoàn thiện bản thân** trong đó người quân tử phải đạt được ba điều đó là: **Đạt Đạo; đạt Đức; Biết Thi, Thư, Lễ, Nhạc**.

✍ **Hành đạo**: Tức là **dấn thân vào con đường làm quan, làm chính trị, cống hiến cho đất nước**.

📖 Tóm lại, **nội dung của của Nho giáo** được **thâu lại trong 9 chữ**:
“Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”

* Vai trò - ảnh hưởng của Nho giáo:

→ **Nho học hay Nho giáo thực chất không phải là một tôn giáo mà chính xác hơn cả là một trường phái tư tưởng chính trị với chủ trương dùng đạo đức để cai trị đất nước, làm bệ đỡ về mặt tư tưởng. Nhờ có Nho giáo mà văn hóa giáo dục Trung Hoa đã có sự phát triển lớn trong lịch sử.**

→ **Trong suốt 2000 năm là hệ tư tưởng chỉ đạo đường lối trị nước ở Trung Quốc, Nho giáo đã đóng góp quan trọng về các mặt tổ chức xã hội, bồi dưỡng đạo đức, phát triển văn hóa, giáo dục.** Cùng với đó, Nho giáo không chỉ phát triển trong phạm vi đất nước Trung Quốc mà **có sự truyền bá và sức ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị xã hội của các quốc gia lân cận như Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam.**

→ **Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đến cuối thời kỳ phong kiến, do tính chất bảo thủ, cứng nhắc, Nho giáo đã ràng buộc tư tưởng con người trong những khuôn phép chật hẹp, lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của xã hội.**

► Tác động tích cực:

→ **Đức, Nhân, Nghĩa của Nho giáo đã làm cho con người có sự đối xử nhân ái, khoan dung, độ lượng với nhau.**

→ **Nét đặc sắc của Nho giáo là chú trọng đến vấn đề tu dưỡng đạo đức cá nhân, đặc biệt là chú ý đến đạo đức người cầm quyền (những người có chức, quyền)**

→ **Tư tưởng chính danh giúp cho con người xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình để từ đó suy nghĩ và xử thế đúng trong các quan hệ xã hội**

► Tác động tiêu cực:

→ Một số người do quá “trọng đức”, “duy tình” trong khi xử lý các công việc và các mối quan hệ xã hội, dẫn đến buông lỏng kỷ cương phép nước và vi phạm pháp luật

→ Việc coi trọng lễ và cách giáo dục con người theo lễ một cách cứng nhắc, bảo thủ là cơ sở cho tư tưởng tôn ti, tư tưởng bè phái, cục bộ, đề cao địa vị, coi thường lớp trẻ, trọng nam khinh nữ.

→ Thực chất đạo cương – thường của Nho giáo là bắt bề dưới phải phục tùng bề trên đã tạo nên thói gia trưởng.

♣ Ý nghĩa của Nho giáo:

→ Con người ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình một cách rõ ràng trong các mối quan hệ xã hội. Con người tồn tại trong vô vàn các quan hệ xã hội đan xen, ở mỗi mối quan hệ đó con người có nghĩa vụ nhất định phải thực hiện. Điều này là cần thiết ở mọi chế độ xã hội, ở mọi thời đại. Tư tưởng chính danh yêu cầu con người thực hiện một cách đúng mức nghĩa vụ của bản thân trước cộng đồng và xã hội trong khuôn khổ danh phận, góp phần vào duy trì bình ổn xã hội. Tư tưởng này còn kìm hãm tự do của nhân cách tới mức không chấp nhận bất kì sáng kiến nào của con người, làm cho con người luôn ở trạng thái nhu thuận, chỉ biết phục tùng theo chủ trương “thuật nhi bất tác” (chỉ làm theo mà không sáng tác gì thêm).

2. Ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và xã hội Trung Quốc và một số quốc gia ở Phương Đông

1/ Ảnh hưởng của Nho giáo đến lịch sử xã hội Trung Quốc

a) Ảnh hưởng của Nho giáo đến lịch sử Trung Quốc

→ Là hệ tư tưởng chính thống của xã hội Trung Quốc trong suốt 2000 năm phong kiến. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bảo vệ trật tự xã hội phong kiến đồng thời có những đóng góp quan trọng về các mặt tổ chức xã hội, bồi dưỡng đạo đức, phát triển văn hóa giáo dục.

→ Nhưng đến cuối xã hội phong kiến, do mặt bảo thủ của nó, Nho gia có ảnh hưởng tiêu cực trong việc làm cho xã hội Trung Quốc bị trì trệ, không nắm bắt kịp trào lưu văn minh thế giới.

b) Ảnh hưởng của Nho giáo đến xã hội Trung Quốc

► Xã hội lúc bấy giờ

→ Giá trị Nho giáo phản ánh rõ ràng qua những hình phạt khác nhau đặt lên những người có hoàn cảnh khác nhau.

→ Gia đình lý tưởng theo quan niệm của người Trung Quốc là “Tứ đại đồng đường”. Gia đình được tổ chức theo 2 nguyên tắc của Nho giáo: **bậc trưởng thượng của thế hệ trước có uy quyền với thế hệ sau và trọng nam hơn nữ.**

→ Phụ nữ bị cấm thi cử và ít có cơ hội học tập, *phải* nghe lời cha mẹ, chồng; hôn nhân do cha mẹ định đoạt.

→ Nho giáo được xem là **phương tiện quan trọng nhất để thăng tiến và tu dưỡng đạo đức.**

→ Thành phần then chốt trong cơ cấu xã hội là **giới thân hào nhân sĩ.**

► **Xã hội hiện đại**

→ Có một số **tư tưởng về đạo đức của Nho gia cho đến nay vẫn còn phù hợp**: *tiên học lễ hậu học văn, hay nhân, lễ nghĩa,..*

→ Nhưng bên cạnh đó **những tàn dư của nó vẫn tồn tại** (do đã ăn sâu vào *tiềm thức* con người hàng nghìn năm nên khó có thể từ bỏ ngay được) đã có **ảnh hưởng không tốt trong các mối quan hệ trong trật tự xã hội hiện đại**. Các hiện tượng như: *trọng nam khinh nữ,.. vẫn tồn tại trong lòng xã hội hiện đại*. Những ảnh hưởng đó **nếu không bị xóa bỏ** thì sẽ ảnh hưởng vô cùng tiêu cực đến đời sống con người.

2/ Ảnh hưởng của Nho giáo với các nước phương Đông

a) Việt Nam

→ **Ảnh hưởng tích cực:**

✍ Nho giáo đã **thiết lập được kỷ cương và trật tự xã hội phong kiến**. Nho giáo với các **tư tưởng chính trị - đạo đức** như “*Chính danh*”, “*Nhân trị*”, **luôn luôn là bài học quý giá và được vận dụng trong suốt lịch sử Việt nam.**

✍ **Bác Hồ** khi kế thừa các tư tưởng triết học Nho giáo đã **tinh lọc, loại bỏ những tư tưởng không phù hợp với thời đại và hoàn cảnh của Việt nam lúc bấy giờ.**

✍ Do tác động từ Nho giáo nên sự **phân hóa xã hội ở Việt Nam thêm sâu sắc**, hình thành **tầng lớp nho sĩ, giai cấp quý tộc, quan lại theo hình mẫu Nho giáo, tồn tại bên cạnh các giai cấp, tầng lớp sẵn có của xã hội Việt Nam xưa (nông dân, thợ thủ công, thương nhân).**

✍ Cuối đời nhà Trần mở **đình thi để chọn lấy tam khôi**. *Phép khoa cử đời nhà Trần về cơ bản là giống với khoa thi của nhà Nguyên.*

✍ “**Tiên học lễ, Hậu học văn**” là **khẩu hiệu** của các trường học Việt Nam từ ngày xưa đến ngày nay.

✍ Tư tưởng “Trăm năm trồng người” và “Hữu giáo vô loại” (Dạy học cho mọi người không phân biệt đẳng cấp) của Khổng Tử đã được **Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong công cuộc xây dựng đất nước.**

→ **Ảnh hưởng tiêu cực:**

✍ Nho giáo góp phần không nhỏ trong việc duy trì quá lâu chế độ phong kiến ở **Á Đông nói chung và ở Việt nam nói riêng.** Nho giáo cũng là một trong những nguyên nhân kìm hãm sản xuất phát triển ở Việt Nam. *Dưới ảnh hưởng của Nho giáo, truyền thống tập thể đã biến thành chủ nghĩa gia trưởng, chuyên quyền, độc đoán, bất bình đẳng. Phương pháp giáo dục thiên lệch của Nho giáo chỉ quan tâm tới đạo đức, học và dạy làm người mà không đề cập đến kiến thức khoa học kỹ thuật.*

✍ Về xã hội, **quan điểm bất bình đẳng** của Nho giáo đã **chà đạp phụ nữ Việt Nam xuống đất đen.** “Đạo” mà Nho giáo dành cho người phụ nữ là đạo tam tòng: “*Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử*”. “Đức” mà Nho giáo dạy cho phụ nữ là tứ đức: “*Công, dung, ngôn, hạnh*”.

b) Hàn Quốc

✍ Nho giáo không chỉ có ảnh hưởng tới chính quyền trung ương mà còn **ảnh hưởng tới từng gia đình, từng cá nhân.** Nho giáo không chỉ được **tiếp nhận những giá trị bên ngoài** mà còn **được người Triều Tiên bổ sung và phát triển sáng tạo, điển hình là sự ra đời của kiểu chữ viết riêng.**

✍ **Nội dung Nho giáo ảnh hưởng thời Joseon là lấy Trung và Hiếu làm hệ thống trật tự, coi đạo đức chuẩn là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.** Trường học Khổng giáo được trở thành kiểu trường học chính thống. **Chế độ học và khoa cử Nho giáo được tổ chức, sắp xếp đào tạo ở mức độ cao hơn.**

✍ Tư tưởng **Trọng nam hơn nữ.**

✍ **Hết sức đề cao lễ nghi,** Nho giáo **cống hiến cho đời sống xã hội những truyền thống lễ nghĩa giá trị, mang tính giáo dục cao,** được cụ thể hóa thành những phong tục, lối sống **gắn bó mật thiết với cuộc sống hàng ngày.**

c) Nhật Bản

✍ Nho học dần dần được tầng lớp quý tộc Nhật Bản coi trọng. Năm 604, Thánh Đức thái tử đã dùng lý tưởng Nho học để đưa ra hiến pháp.

✍ Ở Nhật Bản, chữ Trung lại là đức mục được đề cao nhất.

✍ Nho giáo được coi là **nền học văn chính trong sách lược trị quốc của chính quyền.** các tầng lớp bình dân, thường dân cũng xem trọng Nho giáo, lấy đó làm quy tắc ứng xử trong cuộc sống.

Chương 4

VĂN MINH HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

Từ khóa quan trọng: khu vực Địa Trung Hải, 4 thời kì Hi Lạp và 3 thời kỳ La Mã, thành bang, nhà nước Aten và Sparta, đế chế Rome, thương mại và nông nghiệp, chiếm hữu nô lệ, cộng hòa - dân chủ, đế chế khu vực, Thiên Chúa giáo.

A/ VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ Về vị trí địa lý, Hy Lạp ra đời trong khu vực Địa Trung Hải - vùng biển kín nên sự di cư, trao đổi diễn ra thuận tiện, ít chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Hệ thống đảo và quần đảo giúp các con thuyền chinh phục dễ dàng hơn. Nơi tập trung của các nền văn minh cổ đại tạo thuận lợi cho sự trao đổi giao lưu, di cư,... giữa các khu vực, quốc gia khác nhau. Bán đảo Hy Lạp lệch về phía Đông của Địa Trung Hải nên ngay từ sớm, Hy Lạp đã có các mối liên hệ với những nền văn minh phương Đông (trao đổi hàng hóa, khoa học kĩ thuật, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa,...). Bán đảo này có thể chia làm 3 khu vực chính:

✍ **Phía Bắc:** địa hình tương đối bằng phẳng nhưng vẫn có sự cắt xẻ vì các dãy núi, vực sâu, có các cao nguyên tương đối thuận lợi cho nông nghiệp, tập trung nhiều tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là kim loại. Do đó ở khu vực này có những điều kiện rất nổi bật để phát triển kinh tế, xây dựng thành bang từ sớm.

✍ **Trung Hy Lạp:** kết nối chủ yếu giữa trung tâm châu Âu với phía Đông và Phía Nam của Địa Trung Hải. Có cao nguyên, đồng bằng nhưng bị cắt xẻ nhiều hơn so với phía Bắc, ít sự thống nhất và kết nối hơn nên nông nghiệp trồng trọt chăn nuôi kém phát triển hơn; phát triển thủ công nghiệp. Có ưu thế tự nhiên quan trọng là có hải cảng để giao lưu, trao đổi.

✍ **Phía Nam:** hệ thống các đảo và quần đảo nằm rải rác, kết nối từ Hy Lạp đến khu vực phía Đông. Ngay từ sớm đã có các đoàn thương thuyền nhờ khu vực này mà phát triển thương mại.

→ Về lãnh thổ, gồm: Nam bán đảo Ban Căng, các đảo trên biển Êgiê và ven biển phía Tây Tiểu Á. Trong đó trung tâm của đất nước là Nam bán đảo Ban Căng.

→ Về địa hình, lục địa Hy Lạp chia làm 3 khu vực: Bắc bộ, Trung bộ (có những đồng bằng trù phú và các thành phố quan trọng và nổi tiếng đặc biệt là thành Athen) và Nam bộ (là một bán đảo hình bàn tay 4 ngón gọi là bán đảo Peloponnedo).

→ Về đất đai, Hy Lạp không được phì nhiêu, không thuận lợi cho việc trồng cây lương thực, địa hình bị chia cắt thành nhiều vùng đồng bằng nhỏ hẹp. Nhưng bù lại, Hy Lạp có nhiều vũng, vịnh, thuận lợi cho việc lập những hải cảng. Ở đây còn có nhiều khoáng sản lại tương đối dễ khai thác như đồng, vàng, bạc...

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

→ **Kinh tế Hy Lạp cổ đại**: chú trọng phát triển về công, thương nghiệp hơn nông nghiệp, nhất là buôn bán đường biển.

→ **Về dân cư Hy Lạp cổ đại**: gồm nhiều tộc người như người Eolien, Acheen, Dorien... Lúc đầu các tộc người này đều gọi theo tên riêng từ thời bộ lạc của mình, tới thế kỉ VIII-VII TCN các tộc người đó đều tự gọi một tên chung là Helen (Hellenes) và gọi đất nước mình là Hella (Hella) tức Hy Lạp.

3. Quá trình lịch sử của nền văn minh Hy Lạp cổ đại

Thời kì văn hóa Crét-Myxen và thời Hôme

→ **Thời kì văn hóa Crét và Myxen**: từ sớm, vùng biển Êgiê mà trung tâm là đảo Cret và vùng Myxen ở bán đảo Pêlôpônêđơ đã từng tồn tại những nền văn minh rực rỡ. Ở đây có nhiều cung điện, thành quách và có cả chữ viết (Đầu TNK III đến TK XII TCN).

→ **Thời kì Hôme (thế kỉ XI-IX TCN)**: được phản ánh trong hai tập sử thi Iliat và Ôđixê của Hôme.

Thời kì thành bang (thế kỉ VIII-IV TCN)

→ Đây là thời kì quan trọng nhất trong lịch sử Hy Lạp cổ đại. Do sự phát triển của các ngành kinh tế và sự phân hóa dân cư thành 3 giai cấp quý tộc, bình dân và nô lệ nên đến thế kỉ VIII TCN ở Hy Lạp một lần nữa lại xuất hiện nhiều nhà nước nhỏ.

→ **Thành bang Xpac** ở phía Nam bán đảo Pêlôpônêđơ, là nhà nước cộng hòa quý tộc nếu xét về chế độ chính trị. Đứng đầu nhà nước là hai vua có quyền lực ngang nhau. Bên cạnh hai vua có Hội đồng Trưởng lão gồm 30 người (kể cả 2 vua) từ 61 tuổi trở lên. Ngoài ra còn Hội nghị Nhân dân gồm tất cả các đàn ông Xpac từ 30 tuổi trở lên.

→ **Thành bang Aten** ở miền Trung Hy Lạp do người Eolien thành lập vào thế kỉ VIII TCN. Qua nhiều lần cải cách, Aten trở thành thành bang có chế độ chính trị dân chủ nhất ở Hy Lạp cổ đại. Đó là chế độ dân chủ chủ nô vì khoảng 4/5 dân cư Aten là nô lệ và ngoại kiều không được hưởng quyền dân chủ.

Sự thiết lập quyền bá chủ ở Hy Lạp

→ **Năm 337 TCN**, về hình thức, các thành bang Hy Lạp vẫn được độc lập nhưng thực chất đã biến thành chư hầu của Makêđônia.

→ **Năm 168 TCN**, Makêđônia bị La Mã tiêu diệt. **Năm 148 TCN**, Hy Lạp bị nhập vào đế quốc La Mã. Nhưng quốc gia này do trình độ thấp hơn nên tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp và thời kì này gọi là “thời kì Hy Lạp hóa”.

*** Mô hình thành bang Sparta và Athen**

	Sparta	Athen
Điều kiện tự nhiên	Tập trung trên khu vực đồng bằng Laconia, với đỉnh núi cao, thung lũng. Có thiên hướng khu vực nội địa, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển trồng trọt chăn nuôi. Có những thành lũy tự nhiên để bảo vệ cuộc sống, diện tích đất đai tương đối màu mỡ để phát triển sản xuất.	Sinh sống trên đồng bằng Attic, địa hình ven biển hải cảng thuận tiện buôn bán trao đổi hàng hóa với bên ngoài. Điều này ảnh hưởng tới nền kinh tế, đặc biệt là thương mại, công nghiệp và cả chính trị.
Cơ cấu	Hai vua thay thế nhiệm kỳ cho nhau sau mỗi 6 tháng. Hội đồng trưởng lão (người quản lý quan trọng nhất) đại diện cho các gia tộc nổi tiếng nhất cùng hội đồng năm quan giám sát, hội nghị công dân.	Vua được bầu từ hội đồng quý tộc (hội đồng có mức thu nhập cao trong xã hội), đại hội công dân.
Kinh tế	Phát triển kinh tế nhà nước, chủ yếu là nông nghiệp và chăn nuôi	Đẩy mạnh phát triển kinh tế công nghiệp, thương nghiệp, là nhà nước phát triển mạnh lúc bấy giờ. Athen được coi là hải cảng quốc tế của Địa Trung Hải.
Chính trị	Xã hội chiếm hữu nô lệ. Nhà nước được tổ chức theo quy tắc cộng hòa quý tộc - quý tộc chia sẻ quyền lực với nhau.	Xã hội chiếm hữu nô lệ ở mức độ cao hơn. Thời kỳ đầu theo chế độ cộng hòa quý tộc, sau chuyển sang chế độ cộng hòa dân chủ do các cộng đồng di cư từ bên ngoài chuyển tới Athen, đặt ra yêu cầu cải cách. Chia tầng lớp xã hội theo mức thu nhập, mỗi người đóng góp cho những mức độ khác nhau, quyền lực khác nhau. Đây được coi là cuộc cải cách mạnh mẽ trong xã hội Athen. Thời Solo chia ra làm 4 đẳng cấp
Xã hội	Gồm 3 tập đoàn xã hội (người Perioikoi, Hilot, công dân tự do), kỳ thị nhóm nhập cư từ bên ngoài.	Chế độ nô lệ phát triển cao, công dân tự do, nhiều chủng tộc khác nhau được công nhận và bảo vệ trong xã hội.
Giáo dục	Giáo dục chiến tranh: các đứa trẻ được đưa vào trại huấn luyện quân sự từ khi còn bé. Mỗi một người Sparta là một chiến binh quả cảm nhất nên họ được huấn luyện thể lực, chiến	Rất nhiều sự trao đổi về văn hóa nên giáo dục Athen rất đa dạng từ xã hội đến tự nhiên, quân sự chiến tranh. Nền giáo dục Athen mang tính toàn diện. Tuy nhiên người

	lược, rèn đúc vũ khí tự sớm. Người Sparta cho rằng những đứa trẻ khỏe mạnh là những mầm mống tốt trong xã hội nên cả nữ giới cũng có thể trở thành chiến binh. Do đó tiềm lực của quốc gia cũng đầu tư cho người phụ nữ.	phụ nữ không có quyền đầy đủ trong xã hội, không được tới trường học mà chỉ được học tại nhà. Yếu tố xã hội phụ hệ vượt trội hơn nhiều so với các thành bang khác.
--	--	--

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH HY LẠP CỔ ĐẠI

1. Chữ viết

→ Người Hy Lạp cổ đại đã dựa trên hệ thống chữ viết của người Phênixi (Phoenicia) rồi cải tiến, bổ sung thành một hệ thống chữ cái mới gồm 24 chữ cái. Từ chữ Hy Lạp cổ sau này đã hình thành nên chữ Latinh và chữ Slave. Đó là cơ sở chữ viết mà nhiều dân tộc trên thế giới ngày nay đang sử dụng.

2. Văn học

→ Văn học Hy Lạp cổ đại có thể chia ra làm ba bộ phận chủ yếu có liên quan với nhau, đó là thần thoại, kịch, thơ.

3. Sử học

→ Từ thế kỉ VIII - VI TCN, lịch sử Hy Lạp chỉ được truyền lại bằng truyền thuyết và sử thi. Đến thế kỉ V TCN, lịch sử ở Hy Lạp mới trở thành một bộ môn riêng biệt.

4. Kiến trúc, điêu khắc

→ Những công trình kiến trúc của Hy Lạp cổ đại nó nổi bật ở sự thanh thoát, hài hoà. Các công trình kiến trúc ở Hy Lạp cổ đại thường được xây dựng trên những nền móng hình chữ nhật với những dãy cột đá tròn ở bốn mặt. 3 kiểu cột mà ngày nay người ta vẫn thể hiện trong trường phái “cổ điển”: Kiểu Đoric, kiểu Lonic và kiểu Coranh.

→ Các nhà điêu khắc ở Hy Lạp cổ đại cũng để lại nhiều tác phẩm tới bây giờ vẫn xứng đáng là mẫu mực cho điêu khắc như các pho tượng Vệ nữ ở Milô, tượng Lực sĩ ném đĩa,...

5. Khoa học tự nhiên

→ Công hiến cho nhân loại nhiều nhà bác học mà đóng góp của họ tới nay vẫn còn giá trị như: Euclid, Pythagoras, Thales,...

6. Triết học

→ Hy Lạp cổ đại là quê hương của triết học phương Tây, ở đây có cả hai trường phái triết học duy vật và duy tâm.

7. Tôn giáo

→ Ngay từ sớm đã có hệ thống các vị thần riêng. Theo các truyền thuyết, thời kỳ Hy Lạp trung đại đã có quan niệm về các vị thần. Thời kỳ đầu người Hy Lạp theo tôn giáo đa thần (các vị thần trên đỉnh Olympus), các vị thần này đem nhiều yếu tố của các vị thần cổ đại (khi thế giới còn trong thời kỳ hỗn mang, xuất hiện vị thần cổ nhất Gaia sinh ra các vị thần đầu tiên).

→ Mỗi thành bang coi một vị thần là thần bảo trợ cho thành phố của mình (Athena bảo trợ cho thành Athen, thần chiến tranh bảo trợ cho Sparat).

B/VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI

I – CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI

1. Điều kiện tự nhiên

→ Nằm ở trung tâm khu vực Địa Trung Hải, nên có thể gián tiếp tiếp nhận các giá trị của phương Đông và lan tỏa nền văn minh của mình ra khu vực phía Đông, Tây. Trong thời kỳ mạnh nhất của La Mã, nền văn minh này đã mở ra khu vực phía Tây và gần như toàn bộ châu Âu. Qua đó có thể thấy đây là vị trí vô cùng thuận lợi. La Mã nằm trên bán đảo Italia - bán đảo nối tiếp kéo dài từ miền Nam châu Âu tới Địa Trung Hải, ít bị cắt xẻ, chia nhỏ thành nhiều vùng khác nhau mà là một bán đảo hoàn chỉnh tạo cơ sở nền tảng phát triển sản xuất nông nghiệp. Có đồng bằng, thung lũng, các con sông thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nguồn tài nguyên kim loại dồi dào để tạo vũ khí, công cụ, phương tiện mở rộng lãnh thổ.

2. Điều kiện dân cư

→ Người dân có mặt sớm nhất ở trên bán đảo Italia được gọi là Italiot, trong đó bộ phận sống trên đồng bằng latium được gọi là người Latinh (Latin), ngoài ra còn có một số nhỏ người gốc Gôloa, gốc Hy Lạp.

3. Quá trình lịch sử của nền văn minh La mã cổ đại

Thời kì cộng hòa

→ Nhà nước La Mã ra đời vào giữa thế kỉ VI TCN, có vua, Viện nguyên lão và Đại hội nhân dân. Vào khoảng 510 TCN, người La Mã nổi dậy, bãi bỏ ngôi vua, thành lập chế độ cộng hòa. Bên trên Viện nguyên lão và Đại hội nhân dân là hai quan chấp chính có quyền ngang nhau, nhiệm kì một năm.

→ Từ thế kỉ IV TCN, La Mã không ngừng tấn công bên ngoài, trải qua hơn một thế kỉ La Mã chinh phục được toàn bộ bán đảo Ý, mở rộng lãnh thổ gồm vùng bờ biển Bắc Phi, miền Đông Tây Ban Nha, miền Nam xứ Gôloa, bán đảo Xácdennhơ, đảo Coocxơ.

→ Đến giữa thế kỉ I TCN La Mã chiếm toàn bộ vùng đất đai rộng lớn Địa Trung Hải, sát nhập Ai Cập vào bản đồ La Mã năm 30 TCN. La Mã trở thành đế quốc mênh mông. Địa Trung Hải trở thành một cái hồ nhỏ nằm gọn trong đế quốc La Mã.

 Thời kì quân chủ**Từ chế độ cộng hòa sang chế độ quân chủ**

→ Từ thế kỉ I TCN, chế độ cộng hòa La Mã dần bị chế độ độc tài thay thế. Năm 82 TCN, Xila tuyên bố làm độc tài suốt đời, nhưng đến năm 79 TCN vì ốm nặng phải từ chức và đến năm 78 TCN thì chết.

→ Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa nô lệ Xpactacut ở La Mã đã xuất hiện chính quyền tay ba: Gratxut, Pômpê, Xêda lần thứ nhất. Năm 43 TCN, La Mã xuất hiện chính quyền tay ba lần thứ hai: Antôniút, Lêpidút, Octavianaut. Cuối cùng chính quyền nằm trong tay Octavianút với danh hiệu là Ôgút-Đấng chí tôn, tuy vẫn khoác cái áo chế độ cộng hòa nhưng thực chất đã chuyển sang chế độ chuyên chế.

Sự suy vong của đế quốc La Mã

→ Đến thời quân chủ, chế độ nô lệ La Mã ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Năm 395, đế quốc La Mã bị chia thành hai đế quốc: Đông La Mã đóng đô ở Cônxtantinôplơ và đế quốc Tây La Mã đóng đô ở La Mã. Thế kỉ IV, người Giecmán bao gồm nhiều tộc người đã di cư ồ ạt vào lãnh thổ của đế quốc La Mã.

→ Sang thế kỉ V, một số bộ lạc Giecmán thành lập các vương quốc của mình trên đất đai của Tây La Mã. Năm 476, thủ lĩnh quân đánh thuê người Giecmán đã lật đổ ông vua cuối cùng của đế quốc Tây La Mã rồi tự xưng là hoàng đế. Sự kiện đó đánh dấu sự diệt vong của đế quốc Tây La Mã đồng thời chấm dứt chế độ chiếm hữu nô lệ.

→ Còn đế quốc Đông La Mã thì vẫn tiếp tục tồn tại và đi dần vào con đường phong kiến hóa, được gọi là đế quốc Bidantium đến 1459.

II – NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI**1. Chữ viết**

→ Từ chữ Hy Lạp cổ, người La Mã đã đặt ra một loại chữ riêng của mình mà ngày nay ta quen gọi là chữ Latinh.

2. Văn học

→ Văn học La Mã cổ đại cũng có nhiều thể loại như thơ, kịch, sử thi.

3. Luật pháp

→ Bộ luật thành văn cổ nhất ở La Mã là bộ Luật 12 bảng.

4. Khoa học tự nhiên

→ Các nhà khoa học người La Mã cũng có công sưu tập, tổng hợp những kiến thức khoa học khắp vùng Địa Trung Hải.

5. Y học

→ Ông tổ của Y học phương Tây là **Hippocrates**. Cuốn Phương pháp chữa bệnh của ông để lại đã được dùng làm sách giáo khoa cho nhiều trường đại học ở châu Âu mãi tới thời cận đại.

6. Triết học

→ Các nhà triết học La Mã cũng đã kế thừa truyền thống của triết học Hy Lạp.

7. Kiến trúc và điêu khắc

→ Một trong những giá trị kiến trúc của người La Mã thể hiện qua các cầu vòm bằng đá.

→ **Điêu khắc La Mã** có cùng phong cách với điêu khắc Hy Lạp. Những bức tượng còn lại ở thành Rôma và những phù điêu trên Khải hoàn môn là hiện vật tiêu biểu cho điêu khắc La Mã.

8. Tôn giáo

→ Các vị thần Hy Lạp **du nhập** vào La Mã nhưng **được đổi tên** (Zeus thành Jupiter, Hades thành Pluto,...)

→ **Hiện tại** tên các vị thần này được **đặt cho các hành tinh** (hành tinh Venus, hành tinh Jupiter,...)

Câu hỏi mở rộng

Câu hỏi: Bối cảnh xã hội La Mã và sự ra đời của đạo Cơ Đốc (Kito), giáo lý cơ bản và sự ảnh hưởng của tôn giáo này.

a) Bối cảnh xã hội

→ Năm 63 TCN, người La Mã thôn tính vùng Palestine. Sau khi bị người La Mã thống trị, đời sống của nhân dân ở vùng phía Đông Địa Trung Hải càng cực khổ.

b) Sự ra đời của Kitô giáo (Cơ Đốc giáo)

➤ *Tiền đề tư tưởng*

→ Cho đến đầu công nguyên, người La Mã **vẫn tin đa thần**. Tuy nhiên, từ năm 63 TCN, La Mã thôn tính vùng Palestine, nơi mà từ thế kỉ VI TCN, cư dân đã theo một tôn giáo nhất thần gọi là đạo Do Thái.

→ **Đạo Kitô** ra đời tại Palestine, nơi mà từ thế kỉ VI TCN, cư dân Do Thái đã theo một tôn giáo nhất thần là đạo Do Thái thờ Chúa Giê-hô-va. **Kinh thánh của đạo Do Thái** gồm 3 phần: *luật pháp, tiên tri, sự ghi chép Thánh tích*. Về sau đạo Kito kế thừa kinh thánh của đạo Do Thái và gọi ba bộ phận ấy là **Kinh Cựu ước**.

→ Sau khi bị La Mã thống trị, đời sống nhân dân ở Palestine (phía Đông địa trung hải) càng cực khổ. Trong khi đó tư tưởng của phái triết học khắc kỷ với các nội dung như thần thống trị thế giới, sống nhẫn nhục chịu đựng là đức tính tốt đẹp, mọi người bình đẳng đang được lưu hành ở La Mã.

⇒ Chính giáo lý của đạo Do Thái, tư tưởng của phái khắc kỷ và đời sống cực khổ không có lối thoát của nhân dân bị áp bức là những yếu tố dẫn đến sự ra đời của đạo Kitô.

➤ Người sáng lập

→ Theo truyền thuyết, người sáng lập ra đạo Kitô là chúa Giêsu. Đến năm 30 tuổi, chúa Giêsu vừa truyền đạo vừa chữa bệnh và có thể làm người chết sống lại. Chúa Giêsu bị Tòa án La Mã xử tử bằng cách đóng đinh lên thập giá. Sau khi được chôn 3 ngày chúa Giêsu sống lại, tiếp tục truyền giáo. Bốn mươi ngày sau, chúa bay lên trời. Sau đó các tông đồ của chúa tỏa đi truyền giáo khắp đế quốc La Mã.

c) Giáo lý cơ bản

→ Kitô cho rằng chúa trời sáng tạo ra tất cả kể cả loài người, song họ thờ chúa ba ngôi với việc đưa ra thuyết “tam vị nhất thể”, tức là chúa trời, chúa Giêsu và Thánh thần, tuy ba nhưng vốn là một. Đạo Kitô cũng quan niệm thiên đường, địa ngục, linh hồn bất tử, thiên thần, ma quỷ.

→ Kinh thánh của đạo Kitô gồm 2 phần là: Cựu ước và Tân ước.

→ Cựu ước là kinh thánh của người Do Thái mà đạo Kitô tiếp nhận.

→ Kinh Tân ước là kinh thánh thực sự của đạo Kitô. Kinh Tân ước vốn viết bằng chữ Hy Lạp, gồm có 4 phần: phúc âm, hoạt động của các sứ đồ, Thư tín và Khải thị lục.

→ Đạo Kitô có 7 nghi lễ quan trọng:

1. Rửa tội: nghi thức vào đạo
2. Thêm sức: củng cố lòng tin
3. Thánh thể: ăn bánh thánh
4. Giải tội: xưng tội để được xá tội
5. Xức dầu: xoa nước thánh vào người sắp chết
6. Truyền chức: phong chức cho giáo sĩ
7. Hôn phối

→ Về tổ chức, lúc đầu các tín đồ của Kitô bao gồm: nô lệ, nô lệ được giải phóng, dân nghèo thành thị. Họ lập thành các công xã nhỏ giúp đỡ lẫn nhau và làm việc từ thiện.

d) Những ảnh hưởng của Kitô giáo

→ **Kitô giáo ra đời** với **những giáo lý** của tôn giáo mình, từ chỗ **bị chính quyền La Mã tàn sát** đến *năm 311*, đã được **chính quyền La Mã công nhận** là tôn giáo hợp pháp với **sắc lệnh Milano**. Đến *cuối thế kỉ IV*, **Kitô chính thức được thừa nhận** là quốc giáo của đế quốc La Mã.

→ Đóng vai trò là **bệ đỡ tư tưởng** của **giai cấp thống trị**, Kitô giáo **gắn liền** với **lịch sử phát triển xã hội** của **Phương Tây** suốt từ *cuối thế kỉ IV* cho đến hết thời kì *phong kiến*. Sự **chi phối** của đạo Kitô có ảnh hưởng vô cùng lớn đến sự **phát triển** của **tiến trình lịch sử phương Tây** trong suốt một thời gian dài.

→ *Hiện nay*, **Kitô giáo là tôn giáo lớn nhất trên thế giới** với **1 tỉ 7 người tin theo**. Hầu hết dân số châu Âu hiện tại theo Kitô giáo. *Kitô không chỉ chi phối đến đời sống tinh thần mà còn chi phối cả tình hình chính trị của một số quốc gia trên thế giới.*

Chương 5

VĂN MINH TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

Dẫn luận: Việc kinh thành La Mã bị thất thủ vào năm 476 được coi là mốc đánh dấu sự sụp đổ của đế quốc Tây La Mã. Trên đồng hoang tàn của đế quốc La Mã, hàng loạt các quốc gia mới ra đời như vương quốc Tây Gốt, Văngdan, Buôcgônơ, Đông Gốt, Lômbad, Phrăng... Trong các vương quốc mới ra đời đó, sự hình thành và phát triển của vương quốc Phrăng có ảnh hưởng tới lịch sử Tây Âu lớn hơn cả.

I – SỰ HÌNH THÀNH VÀ RA ĐỜI NỀN VĂN MINH TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

→ Sự thành lập các quốc gia mới:

✎ Cuộc thiên di lớn của tộc người Giécman (Thế kỉ III)

✎ Các quốc gia nhỏ lần lượt ra đời và thôn tính lẫn nhau.

✎ Vương quốc Francia (481 - 843)

→ Quá trình phong kiến hóa:

✎ Lãnh địa hóa ruộng đất

✎ Nông nô hóa nông dân

✎ Trang viên hóa nền kinh tế

📖 Chế độ phong kiến hình thành tại Tây Âu.

→ Sự chi phối của giáo hội Kitô

→ Sự chia rẽ nội bộ dẫn tới việc hình thành giáo hội La Mã và giáo hội Chính thống.

✎ Quyền lực của giáo hội xuất phát từ lĩnh vực tư tưởng và mở rộng đến các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa.

✎ Các cuộc viễn chinh của quân thập tự (1096- 1270).

II – VĂN MINH TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V – THẾ KỈ XIV

1. Văn minh Tây Âu (TK V-X)

→ Sự thống trị của Giáo hội và tầng lớp phong kiến không có học ⇒ Văn hóa Tây Âu thế kỉ V – X phát triển chậm chạp và trì trệ (đêm trường trung cổ)

→ Do sự độc quyền và chi phối của Giáo hội, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh viện đã ngự trị trong đời sống tinh thần của xã hội. Trí tuệ con người bị giam hãm.

→ Thần học (có uy thế trong đời sống tư tưởng của xã hội) cùng với chủ nghĩa giáo điều tạo nên tình trạng suy thoái về văn hóa ở Tây Âu từ thế kỉ V – X.

2. Văn minh Tây Âu (TK XI-XIV)

* Sự ra đời của thành thị

→ Sự ra đời và phát triển của thành thị trung đại là một hiện tượng lịch sử tiến bộ. Với sự ra đời của thành thị, kinh tế hàng hóa đẩy lùi kinh tế tự nhiên, làm xuất hiện tầng lớp thị dân – tầng lớp này đóng vai trò tích cực trong phát triển kinh tế, văn hóa và xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

→ Một số thành thị tiêu biểu thời kì này: **Phorôlăng, Pari** (10 vạn dân), **Luân Đôn** (5 vạn dân), **Côlônơ** (3 vạn dân)...

* Những thành tựu về văn hóa

→ Sự ra đời của các trường đại học:

✍ **Môn học:** dạy bằng tiếng Latinh (ngôn ngữ và chữ viết của La Mã thời cổ)

✍ **Phương pháp:** “giáo điều”.

✍ **Thành phần sinh viên:** quý tộc, bình dân, người giàu, người nghèo

✍ **Một số trường Đại học tiêu biểu thời kì này:** **ĐH Pari** (khoa thần học, luật học, y khoa); **Tuludơ** và **Môngpenliơ** (y khoa); **Óclêăng, Bôlônơ** (luật); **Ócxpho, Cămbrit (Anh); Praha (Séc)**...

III – HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỦA PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG

→ Từ thế kỉ V – IX (Sơ kỳ trung đại) là thời kì xác lập của chế độ phong kiến ở Tây Âu, sự ra đời của các vương quốc phong kiến ở Tây Âu được hình thành trên cơ sở đổ nát của chế độ chiếm hữu nô lệ Rôma và sự giải thể của chế độ thị tộc của người Giecmán.

→ Trong những thế kỉ III, IV, đế quốc Rôma đã rơi vào tình trạng khủng hoảng, đặc biệt từ cuối thế kỉ IV - đầu thế kỉ V, chế độ chiếm hữu ở Tây bộ Rôma đã khủng hoảng trầm trọng trên tất cả các lĩnh vực. Cũng trong thời gian này, nhân sự suy yếu của đế quốc Roma, người Giecmán - những tộc người sống ở phía Bắc và Đông Bắc của đế quốc Rôma cổ đại từ nhiều thế kỉ trước, đã tràn vào một cách ồ ạt, chiếm đất của người Rôma.

→ Năm 476, đế quốc Rôma bị diệt vong, chế độ chiếm hữu kết thúc ở khu vực địa Trung Hải, thời đại phong kiến bắt đầu ở Châu Âu.

→ Văn hoá Tây Âu thế kỉ V - X dựa trên nền tảng nền kinh tế tự cung tự cấp, sự giao lưu trao đổi rất hạn chế, văn hoá vì vậy cũng phát triển không đáng kể. Đồng thời văn hoá Tây Âu dưới thời Trung Đại bị giáo hội Thiên Chúa cưỡng đoạt, tư tưởng tình cảm con người bị ràng buộc bởi giáo hội.

→ Tới thế kỉ XIV, với sự phát triển kinh tế công thương ở các thành thị, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần hình thành và ngày càng lớn mạnh. Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản không còn chịu chấp nhận những giáo lý phong kiến lỗi thời, họ vận

động khôi phục lại sự huy hoàng của văn hoá Tây Âu thời cổ đại. Họ tìm thấy trong nền văn hoá cổ đại những yếu tố phù hợp với mình, có lợi cho mình để đấu tranh chống lại những trói buộc của nền văn hoá trung cổ.

→ Phong trào Văn hoá Phục hưng xuất hiện đầu tiên ở Ý, vì ở đây thế kỉ XIV đã xuất hiện các thành thị tự do như những quốc gia nhỏ. Quan hệ sản xuất tư bản đã chiếm địa vị chi phối đời sống văn hoá. Ý lại là trung tâm của đế quốc Rôma cổ đại, vì vậy ở đây còn giữ lại nhiều di sản văn hoá cổ đại của Hy Lạp - Rôma, họ tìm thấy ở nền văn hoá cổ đại này có những yếu tố phù hợp và có lợi cho giai cấp của họ.

→ Vì vậy họ đã khởi xướng ngọn cờ “phục hưng văn hóa cổ điển” nhằm khôi phục lại sự huy hoàng của văn hoá Tây Âu thời cổ đại và đề cao tư tưởng nhân văn tư sản. Phong trào Văn hóa Phục Hưng bùng nổ (thế kỷ XIV-XVI). Từ Ý, phong trào lan sang Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức...

IV – NỘI DUNG TƯ TƯỞNG, THÀNH TỰU VÀ Ý NGHĨA CỦA PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG TÂY ÂU

➤ Thành tựu

Phong trào Văn hóa Phục Hưng là một phong trào rộng lớn nhiều mặt, trong đó ý thức hệ tư sản chiếm vị trí chi phối. Hay nói cách khác phong trào là một cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản nhằm chống lại Giáo hội Thiên chúa và chế độ phong kiến.

*** Về văn học:** Cả ba thế loại thơ, kịch, tiểu thuyết thời kì này đều có những thành tựu lớn gắn liền với những tác giả nổi tiếng.

*** Thơ:** Alighier Dante (1256-1321) là người tiên phong trong văn học Phục Hưng Ý, với các tác phẩm như: Tập thơ Thần khúc với nội dung nói về tội ác của giáo hội,...

*** Truyện ngắn:** Boccaccio (1313-1375) với tập truyện ngắn “Mười ngày” gồm 100 câu chuyện do ba chàng kỵ sĩ và bảy cô gái kể cho nhau nghe, chế giễu sâu sắc giáo hoàng, tăng lữ, lái buôn, quý tộc,... về thói tham lam, keo kiệt, dâm ô, đạo đức giả,...

*** Tiểu thuyết:** Miguel de Cervantes (1547-1616) là một nhà văn lớn của Tây Ban Nha, tác phẩm nổi tiếng là “Don Quijote” thông qua chàng hiệp sĩ Đôn-ki-hô-tê tác giả đã phản ánh xã hội phong kiến Tây Ban Nha với những quan niệm lỗi thời cổ hủ đang nghiêng ngả trong vũng bùn tôn giáo và phong kiến phản động.

*** Kịch:** William Shakespeare (1564-1616) là một nhà viết kịch vĩ đại nước Anh, ông đã để lại 37 vở kịch với những loại như bi kịch, hài kịch, kịch lịch sử,... với các tác phẩm như: Romeo và Juliet, Hamlet, Othello, Đêm thứ mười hai,... Các tác phẩm của ông cũng xoáy sâu vào chủ đề của xã hội phong kiến mục nát, những giáo lý trong xã hội. Hầu hết các giai cấp từ thương nhân tướng lĩnh cho đến các thành phần nhỏ bé trong xã hội đều được ông đưa vào trong tác phẩm của mình.

*** Nghệ thuật:**

→ **Hội họa:** Được đánh giá là thời kỳ hưng thịnh nhất của mỹ thuật thế giới, ý nghĩa của hội họa Phục Hưng giúp mang đến một trào lưu mới và ý tưởng mới ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

✍ **Hội họa thời kỳ Phục Hưng mang một tư tưởng nhân văn to lớn:** đề cao sức mạnh con người và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng. Nét độc đáo trong thời kỳ hội họa này chính là bỏ đi lối vẽ chi tiết trước kia và chuyển sang lối vẽ khái quát hóa hình thức hoành tráng. Những bức họa Phục Hưng được đánh giá là tranh của sự mẫu mực cùng với tạo hình khốc liệt và sức mạnh về chiều sâu không gian.

✍ Đây cũng là thời kỳ sản sinh ra rất nhiều nhà nghệ thuật thiên tài nổi tiếng với nhiều tác phẩm để đời - những tác phẩm sống mãi với thời gian với các ngòi bút không ngừng tranh cãi của các nhà phê bình nghệ thuật hiện nay. Leonardo da Vinci (1452- 1519) là một họa sĩ lớn tiêu biểu cho nền hội họa thời kỳ này. Tác phẩm tiêu biểu của ông là “Nàng Mona Lisa”. Ngoài ra còn có Michelangelo với “Ngày phán xét cuối cùng”...

✍ Bên cạnh đó, hội họa Phục Hưng đã đóng góp một vai trò rất quan trọng trong công cuộc phát triển rất nhiều lĩnh vực trong đời sống hiện nay như: sáng tạo tranh sơn dầu, phát triển bộ môn giải phẫu tạo hình, phối cảnh, hình họa, luật xa gần, ...

→ **Kiến trúc:** Kiến trúc thời kỳ này mang đậm tính chất tôn giáo, đề cao sức mạnh và tài năng con người. Đặc biệt, phong cách này nhấn mạnh đến tính đối xứng, sự hài hòa của không gian sống. Bên cạnh đó, điểm hấp dẫn và mang đến sự độc đáo, mới lạ của kiến trúc này đó chính là sự sử dụng và phối hợp các hình khối trong thiết kế. Điều này vừa tạo nên sự khỏe khoắn vừa mang đến sự tinh tế cho các không gian kiến trúc khác nhau.

✍ **Lịch sử kiến trúc Phục Hưng được hình thành và phát triển** qua từng giai đoạn riêng và được chia làm 3 giai đoạn chính (Tiền Phục Hưng, Phục Hưng đỉnh cao và hậu Phục Hưng). Ở mỗi giai đoạn có những điểm đặc sắc riêng biệt và một phong cách thiết kế theo từng thời kỳ để tạo nên các công trình tiêu biểu mang những hình ảnh thiết kế đặc trưng cho lối kiến trúc này.

✍ **Một số kiến trúc sư tiêu biểu:** Donato Bramante, Michelangelo, ... và công trình tiêu biểu như Quảng trường nghệ thuật – Thánh đường Vatican, Nhà thờ thánh Peter, Thư viện Laurentian...

→ **Điêu khắc:** Thời điểm này, điêu khắc đã quay về những mẫu mực cổ điển và đề tài thể tục, nghiên cứu thân thể người và thí nghiệm kỹ thuật mới. Tuy nhiên, chủ đề chính vẫn dựa trên Kinh thánh và truyền thuyết cổ đại.

✍ **Nhu cầu điêu khắc trong thời kỳ Phục Hưng chủ yếu vẫn đến từ Giáo hội.** Bên ngoài nhà thờ được trang trí bằng điêu khắc đá, không chỉ xung quanh các ô cửa, mà đôi khi toàn bộ mặt tiền được trang trí bằng điêu khắc phù điêu và tượng cột. Sáng tác nhiều nhất là tượng đứng và tượng bản thân.

✍ Nét tiêu biểu nhất của những tác phẩm điêu khắc là vật liệu. Ngoài các kim loại quý như vàng, bạc và vật liệu được dùng nhiều nhất là đá như đá vôi, cẩm thạch.

✍ Một số nhà điêu khắc tiêu biểu: Michelangelo, Donatello, ... Và tác phẩm tiêu biểu như: David, Pietà, Người nô lệ bị trói, nhóm tượng các nhà tiên tri ở trên Đài phun nước Moses...

→ **Âm nhạc**: Một trong những đặc điểm dễ nhận thấy nhất của nghệ thuật âm nhạc châu Âu thời Phục Hưng là sự gia tăng mức độ sử dụng quãng ba (ở Thời Trung Cổ, các quãng ba bị coi là quãng nghịch). Nhạc phức điệu ngày càng trở nên trau chuốt hơn trong suốt thế kỷ XIV, với các giọng mang tính độc lập cao.

✍ Âm nhạc đầu thế kỷ XV cho thấy sự đơn giản hoá, với các giọng thường thiên về tính uyển chuyển. Các thể loại nhạc tôn giáo chủ yếu tồn tại qua suốt thời kỳ Phục Hưng là Mass và Motet, và một số thể loại khác được phát triển vào giai đoạn cuối.

✍ Cùng với việc công nghệ in ấn được phát minh vào thời kỳ này đã giúp cho sự truyền bá âm nhạc được rộng rãi hơn đồng thời giúp việc lưu giữ các bản nhạc thời kỳ này cũng trở nên dễ dàng hơn so với âm nhạc thời kỳ Trung Cổ.

✍ Các dòng nhạc sau này ngày càng được trau chuốt về giai điệu và trở nên phong phú hơn về mặt âm điệu. Âm nhạc ngày càng thoát ra khỏi những ràng buộc thời trung cổ về âm vực, nhịp điệu, hoà âm, hình thức và ký âm, đã trở thành một phương tiện để thể hiện cảm xúc cá nhân.

* Kỹ thuật

🏭 Phát minh in ấn, chế tạo ra giấy thúc đẩy quá trình bình dân hóa việc học, thúc đẩy văn hóa phát triển.

🏭 Xây dựng thành công lò gang nấu quặng, không chỉ nấu được gang mà còn luyện được thép.

🏭 Cải tiến bánh xe nước cùng nhiều phát minh mới thúc đẩy ngành công nghiệp.

🏭 Ngành giải phẫu có nhiều bước tiến mới đã đánh một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa duy tâm.

* **Khoa học tự nhiên**: Thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đem lại nhiều bước tiến vượt bậc với sự góp phần của nhiều nhà khoa học: Nhiều nhà khoa học đã dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ như Cô-péc-ních, Brunô, Ga-li-lê.

* **Triết học**: Nền triết học Tây Âu trung đại bị chi phối bởi chủ nghĩa duy tâm, coi trọng lòng tin tôn giáo, đề cao vai trò của Thượng đế, coi thường lý trí khoa học, hạ thấp vai trò

của con người và giới tự nhiên..., là công cụ tinh thần của Nhà thờ và nhà nước phong kiến thống trị con người; thì triết học Tây Âu thời Phục hưng đã bắt đầu coi trọng lý trí, đề cao con người và giới tự nhiên; về cơ bản, nó là ngọn cờ lý luận của các lực lượng xã hội tiên bộ trong cuộc đấu tranh chống ý thức hệ phong kiến lỗi thời, nhằm thiết lập ý thức hệ mới – ý thức hệ tư sản.

➤ **Nội dung tư tưởng**

→ Phong trào văn hóa Phục Hưng là một phong trào văn hóa tư tưởng do giai cấp tư sản mới ở Tây Âu nhằm lên án chống lại Giáo hội Kitô, tấn công vào trật tự xã hội phong kiến, đề cao giá trị con người tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.

→ Đây là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng nhằm chống lại giáo hội và giai cấp phong kiến lỗi thời. Phong trào tuy có tiếp thu và kế thừa một số yếu tố trong nền văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ đại nhưng thực chất là một phong trào văn hóa hoàn toàn mới dựa trên nền tảng kinh tế xã hội mới và được chỉ đạo bởi một tư tưởng mới.

→ Tư tưởng chủ đạo của phong trào văn hóa Phục Hưng là “Chủ nghĩa nhân văn” – Chú trọng đến con người, cuộc sống hiện tại, mong muốn con người đều được sống vui vẻ và nó đối lập với quan niệm của giáo hội. Phong trào văn hóa Phục Hưng đã đạt được nhiều thành tựu lớn về mọi mặt.

➤ **Ý nghĩa**

→ Là bước tiến vượt bậc nền văn minh châu Âu nói riêng và nền văn minh nhân loại nói chung. Với những thành tựu mà nó đạt được đã đập tan rào cản về giai cấp, những tư tưởng giáo điều, cũ kỹ mở ra một chân trời mới cho sự phát triển của loài người.

→ Giải phóng tư tưởng, tình cảm con người khỏi mọi sự kìm hãm và trói buộc của giáo hội.

→ Các thành tựu văn học nghệ thuật bất hủ và những thành tựu khoa học lỗi lạc về nhiều mặt là chuẩn mực, là sự mở đầu cho đời sau noi theo.

→ Phong trào Văn hóa phục hưng đã đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hóa Tây Âu trong những thế kỷ tới.

Chương 6

CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ THẾ KỈ XV – VIII

Từ khóa quan trọng: Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha, động lực - công nghệ, Marco Polo, Vasco Da Gama, Christopher Columbus, Ferdinand Magellan, Trịnh Hòa, James Cook, Vitus Bering,... Hệ quả: thương mại toàn cầu, trao đổi Columbus, giao lưu văn hóa Đông - Tây, buôn bán nô lệ, khoa học - kỹ thuật - tri thức.

Dẫn luận: Trong quá trình hình thành và phát triển dù là của một nền văn minh lớn hay nhỏ; là một quốc gia thì cũng không thể thiếu đi việc phải giao lưu với các thế lực bên ngoài. Sự ảnh hưởng dù ít dù nhiều cũng đã góp phần vào công cuộc giao lưu, tiếp xúc văn hóa khởi ban. Trong đó, vai trò của con đường thám hiểm là một trong những điều kiện quan trọng để thúc đẩy sự tiếp xúc Đông Tây được diễn ra một cách mạnh mẽ hơn. Thám hiểm, du hành đã tạo điều kiện cho sự xúc tiến của những con đường khác. Một trong những sự kiện đó là cuộc phát kiến địa lý ở Châu Âu, với công cuộc này giao lưu tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây đã diễn ra một cách liên tục trong tiến trình thời gian.

* Vai trò tiên phong của TBN-BĐN: hai quốc gia đầu tiên mở đầu phát kiến địa lý

🌐 Hai quốc gia nằm trên bán đảo Iberia, tiếp giáp Địa Trung Hải và Đại Tây Dương nên có lịch sử, kinh nghiệm, nền tảng kỹ thuật hàng hải nhất định, thuận lợi cho phát kiến địa lý

🌐 Hai nước này vốn là thuộc địa của văn minh Hồi Giáo nên kế thừa tri thức, kỹ thuật của văn minh hồi giáo (vẽ bản đồ, la bàn, đóng thuyền)

🌐 Là hai nước giành lại được lãnh thổ từ Hồi Giáo để khôi phục Thiên Chúa Giáo nên rất trung thành với tôn giáo này, tự xưng là hai quốc gia bảo vệ cho Vatican. Thúc đẩy các nhà lãnh đạo hướng tới việc nhận thức phát kiến địa lý từ nguyên nhân kinh tế và còn là sứ mệnh của Chúa.

🌐 Bản chất của người lãnh đạo: *hoàng tử Henry* (Bồ Đào Nha) đam mê khám phá các vùng đất mới, thường đầu tư cho các đoàn thuyền thám hiểm nên dễ dàng thực hiện các cuộc phát kiến địa lý và Tây Ban Nha cũng vậy

* **Marco Polo:** người đầu tiên kích thích dòng máu thám hiểm

* Khái niệm: kỷ nguyên khai phá.

🌐 Quá trình bành trướng và xâm chiếm các vùng lãnh thổ chưa được biết đến của các quốc gia phương Tây - các quốc gia trực tiếp chủ động tìm các vùng đất khác.

🌐 *Giai đoạn 1450-1800*

🌐 Sự xác lập ảnh hưởng đến những vùng đất mới của châu Âu kể từ thời kỳ đế chế Roma: khi phát kiến địa lý xuất hiện, sự bành trướng lãnh thổ lại ra đời và vươn tầm ra châu lục.

🌐 **Đối với những nơi không phải châu Âu đánh dấu thời kỳ suy tàn:** như các nền văn minh ở châu Mỹ khi tiếp xúc với văn minh phương Tây đã rơi vào suy tàn. Sau phát kiến địa lý, văn minh phương Đông lép vế hơn phương Tây rất nhiều.

* Động lực:

🌐 **Nhu cầu tài nguyên và thị trường:** khi châu Âu đã phát triển mạnh mẽ về kinh tế, giao lưu và nổi lên các giai cấp mới thì nhu cầu trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đặc biệt là mâu thuẫn hồi giáo và thiên chúa giáo càng khốc liệt hơn, sau hồi giáo bành trướng hơn về con đường thương mại truyền thống nên độc quyền con đường này. Nên **phát kiến địa lý ra đời để tìm các con đường thương mại khác ngoài con đường thương mại của Arab**. Trong thị trường phương Tây, các mặt hàng của phương Đông trở nên vô cùng giá trị, kể cả hồ tiêu, gừng, hương liệu Đông Nam Á

🌐 **Đất đai và phiên thuộc**

🌐 **Chủ nghĩa dân tộc và vinh quang của cá nhân:** phát sinh từ phong trào văn hóa Phục hưng.

🌐 **Mở rộng “đất chúa”:** sự phát triển và mở rộng ảnh hưởng của tín đồ Thiên Chúa.

* CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ TIÊU BIỂU

- **1492:** Columbus tìm đến Ấn Độ khám phá ra Bahamas - châu Mỹ
- **1497 – 1498:** Vasco đến Ấn Độ từ Bồ Đào Nha
- **1519 – 1922:** Magellan với hành trình vòng quanh thế giới
- **Cuối thế kỉ VIII:** James Cook khám phá ra Nam Thái Bình Dương

* TRAO ĐỔI COLUMBUS

- **Đặt dưới tên Columbus trên cơ sở trao đổi toàn cầu**
- Trong 100 năm, khoảng 90% cư dân bản địa châu Mỹ và châu Đại Dương chết bởi bệnh dịch Châu Âu
- Tạo nên ảnh hưởng trực tiếp tới con người, và môi trường tự nhiên.

* DI SẢN CỦA KỶ NGUYÊN PHÁT KIẾN

- Nguồn gốc của sự phát triển văn minh châu Âu
- Khởi điểm suy tàn của các nền văn minh còn lại
- Nền tảng cho nền kinh tế toàn cầu sau này
- Sự xuất hiện của những cuộc trao đổi

Câu hỏi mở rộng

Câu hỏi: Hãy nêu tiền đề lịch sử, nguyên nhân, điều kiện của những phát kiến lớn về địa lý (cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI). Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn và hệ quả của nó.

➤ Tiền đề lịch sử

→ **Thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XIV - XVI):** Khơi dậy tinh thần khám phá và tìm kiếm tri thức mới, thoát khỏi tư duy thần quyền trung cổ.

→ **Sự phát triển của khoa học kỹ thuật:**

🕒 **Sự cải tiến la bàn** giúp định hướng trên biển.

🕒 **Các tiến bộ trong đóng tàu:** tàu thuyền có kích thước lớn hơn, vững chãi hơn, có khả năng đi xa hơn.

🕒 **Bản đồ hàng hải chính xác hơn,** nhờ những đóng góp của các nhà địa lý như Ptolemy.

→ **Ảnh hưởng từ văn hóa Hồi giáo:** Người Ả Rập truyền bá tri thức toán học, thiên văn học và bản đồ học đến châu Âu.

→ **Giao lưu tiếp xúc văn hóa Đông Tây** đã diễn ra thông qua *sự cận kề về mặt địa lý, chiến tranh, trao đổi buôn bán, truyền bá tôn giáo...*

→ **Vận chuyển hàng hóa Đông Tây** thông qua **con đường tơ lụa sa mạc** và **con đường tơ lụa trên biển** đã hoạt động từ rất sớm.

→ **Hàng hóa từ đông sang tây hay từ tây sang đông đều phải dừng ở Ả Rập** - điểm trung gian và thương nhân Ả Rập sẽ buôn bán hàng hóa đó cho bên còn lại với **giá cao đánh thuế cao** và giới thương nhân Ả Rập đã **ngầm ủng hộ cho việc cướp bóc hàng hóa**.

⇒ Thúc đẩy việc tìm con đường buôn bán mới ngoài vùng cận Đông.

➤ Nguyên nhân

→ **Nhu cầu tiêu dùng và phát triển của châu Âu** gia tăng mạnh mẽ.

→ **Các tuyến đường thương mại trọng yếu với phương Đông bị bế tắc** do:

🌐 *Người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lĩnh con đường qua Hắc Hải và vịnh Ba Tư.*

🌐 *Người Apganistan kiểm soát con đường xuyên qua đại lục Trung Á đến Trung Quốc.*

🌐 *Người Ả Rập độc chiếm trong buôn bán với Ấn Độ.*

→ **Nhu cầu tôn giáo:** Các quốc gia châu Âu muốn mở rộng **đạo Thiên Chúa** đến các vùng đất mới.

→ **Khát vọng cá nhân:** Các nhà thám hiểm muốn **đanh tiếng, tài sản và cơ hội** phiêu lưu.

⇒ **Tìm ra những con đường mới sang Phương Đông là cần thiết và cấp bách.**

➤ Điều kiện

→ **Sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật ngành hàng hải:**

✎ **Quan niệm trái đất hình tròn kết hợp với thuyết Nhật Tâm tạo niềm tin khoa học cho các thủy thủ tìm đến các vùng đất mới.**

✎ **Thế kỷ XIV - XV, vẽ được một số bản đồ địa Trung Hải châu Phi và thế giới tương đối chuẩn xác.**

✎ **Kỹ thuật đóng tàu và kỹ thuật làm la bàn và máy đo góc thiên văn có những bước tiến dài.**

✎ **Đội ngũ thủy thủ đặc biệt là thuyền trưởng và hoa tiêu được đào tạo bài bản tại các trường đại học thế tục.**

→ **Yếu tố vật chất:**

✎ **Sự phát triển của chủ nghĩa chuyên chế Châu Âu thế kỷ XV đã tạo ra những điều kiện vật chất quan trọng cho việc thực hiện các cuộc thám hiểm.**

✎ **Thám hiểm thành công sẽ đưa lại những khoản thu nhập lớn.**

✎ **Giúp củng cố sự vững mạnh của nhà nước chuyên chế.**

✎ **Các quốc gia tiên phong là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.**

→ **Sự hậu thuẫn của các quốc gia:**

✎ **Các nước như Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha tài trợ cho các chuyến thám hiểm.**

✎ **Tầng lớp thương nhân và quý tộc đầu tư mạnh mẽ vào các cuộc hành trình.**

✎ **Khả năng tích hợp tri thức: Các thành tựu từ các nền văn minh khác như Hồi giáo, Ấn Độ, Trung Quốc được vận dụng.**

➤ **Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn** (Có thể trình bày một số điểm cơ bản của ba cuộc phát kiến)

✎ **Cuộc hành trình của Vaxco da gama: ông đã đi vòng quanh châu Phi vượt qua Ấn Độ Dương cập bến Ấn Độ.**

✍ Những chuyến thám hiểm của Crixtop Colombo đã phát hiện ra lục địa châu Mỹ nhưng ông nhầm tưởng đó là Ấn Độ - tây Ấn Độ.

✍ Cuộc thám hiểm của Magienlan: đến châu Mỹ, vượt qua Thái Bình Dương để tới quần đảo của vùng Đông Nam Á là Philippin.

a) Giai đoạn đầu

1/ Bò Đào Nha

→ **Bartolomeu Dias (1487-1488)**: Phát hiện mũi Hảo Vọng (Nam Phi), mở đường sang Ấn Độ Dương.

→ **Vasco da Gama (1497-1498)**: Đi vòng qua mũi Hảo Vọng, đến được Ấn Độ.

2/ Tây Ban Nha

→ **Christopher Columbus (1492)**: Tìm ra châu Mỹ khi đang tìm con đường sang Ấn Độ.

→ **Ferdinand Magellan (1519-1522)**: Dẫn đầu chuyến đi vòng quanh thế giới, khẳng định Trái Đất hình cầu.

b/ Giai đoạn sau

→ **John Cabot (1497)**: Khám phá bờ biển Bắc Mỹ cho nước Anh.

→ **Hernán Cortés và Francisco Pizarro**: Thám hiểm và chinh phục các nền văn minh Aztec và Inca.

→ *Người Hà Lan và Pháp*: Khám phá vùng biển Bắc Cực, Bắc Mỹ và Nam Á.

➤ Hệ quả

a. Tích cực

Kinh tế

🕒 Hình thành các tuyến đường thương mại toàn cầu mới.

🕒 Mở ra thời kỳ kinh tế thế giới, trao đổi hàng hóa giữa châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

Khoa học

🕒 Củng cố kiến thức địa lý, khẳng định Trái Đất hình cầu.

🕒 Thúc đẩy các ngành thiên văn học, hàng hải và địa lý phát triển.

Chính trị

🕒 Các đế quốc châu Âu mở rộng lãnh thổ và ảnh hưởng toàn cầu.

🕒 Sự phát triển của chủ nghĩa thực dân.

b. Tiêu cực**Hậu quả đối với các vùng bị khai phá**

- 🔊 Cướp bóc tài nguyên và nô dịch hóa người dân bản địa.
- 🔊 Sự suy tàn của các nền văn minh bản địa (Aztec, Inca).

Xung đột toàn cầu

- 🔊 Gia tăng chiến tranh giữa các đế quốc vì tranh giành thuộc địa.

Thảm họa môi trường và dân số

- 🔊 Các căn bệnh châu Âu (như đậu mùa) làm suy giảm dân số bản địa ở châu Mỹ.

📖 Các phát kiến địa lý lớn không chỉ mở ra thời kỳ khám phá và giao lưu toàn cầu mà còn đặt nền móng cho sự hình thành thế giới hiện đại. Tuy nhiên, chúng cũng để lại nhiều hệ quả tiêu cực mà các thế hệ sau phải giải quyết.

Chương 7

SỰ XUẤT HIỆN VĂN MINH CÔNG NGHIỆP

I – NỀN TẢNG, DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ TÁC ĐỘNG CỦA VĂN MINH CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI

1. Nền tảng của cuộc cách mạng khoa học hiện đại

→ **Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất**: bắt đầu vào thập niên 60 của thế kỷ XVIII: Dựa vào lý luận lực học của Isaac Newton. Đưa đến ứng dụng máy hơi nước, thúc đẩy các ngành công nghiệp dệt, Khai thác mỏ, Luyện kim, ...

→ **Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai**: từ thập niên 70 của thế kỷ XIX: Dựa vào lý luận về điện từ của Michael Faraday và James Maxwell. Đưa đến ứng dụng điện lực và động cơ đốt trong trong các ngành: Vô tuyến điện, Xe hơi, máy bay...

2. Tiền đề của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại

➤ Bốn phát hiện lớn, quan trọng về khoa học

→ **Thuyết tương đối của Albert Einstein**: Khác với Newton cho rằng thời gian và không gian là tuyệt đối, Einstein cho rằng thời gian và không gian là tương đối. Đây là nền tảng lý luận của vật lý học hiện đại, lý luận này được ứng dụng vào Công nghiệp năng lượng nguyên tử

→ **Lực học lượng tử**: Người đề xuất là M.K.E. Ludwig – nhà vật lý học người Đức, đặt nền tảng lý luận cho kỹ thuật điện tử, bán dẫn và laser. Lực học về lượng tử và Thuyết tương đối hình thành vật lý học về hạt nhân nguyên tử: chế tạo bom nguyên tử, bom khinh khí, nhà máy điện nguyên tử...

→ **Phân tử sinh học**: Nghiên cứu các vật chất của sinh vật như Protein, Enzyme và Axit nucleic để tìm hiểu bản chất của sự sống, đặt nền tảng cho những nghiên cứu về Gen, di truyền, phân tử sinh học...

→ **Khoa học hệ thống**: Các ngành khoa học tự nhiên ngày càng chia nhỏ, phân nhánh nhưng đồng thời lại thâm nhập lẫn nhau, đan kết với nhau làm cho khoa học tự nhiên đi vào chỉnh thể hóa. Khoa học hệ thống nghiên cứu đặc tính khách quan của mọi thứ tồn tại khách quan từ mặt chỉnh thể của nó.

➤ Những phát minh về kỹ thuật

→ 1903, Chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo và bay thử thành công.

→ 1952, Máy gặt đập liên hợp

→ 1910, Thủy phi cơ

→ 1912, Tàu biển chạy bằng động cơ diesel

→ Đầu máy xe lửa chạy bằng động cơ diesel...

II – NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

→ Dân số gia tăng

→ Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt nghiêm trọng

→ Nhu cầu của con người ngày càng tăng và cao hơn

☞ Phải nghiên cứu để tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, phải tạo ra nhiều máy móc, công cụ sản xuất mới cho năng suất cao.

→ Nhu cầu phục vụ cho cuộc chiến tranh thế giới thứ I

→ Các nước đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm sản xuất hàng loạt các loại vũ khí, khí tài phục vụ chiến tranh: Máy bay, xe tăng, tàu chiến, tàu ngầm, vũ khí nguyên tử và các loại vũ khí hiện đại có tính sát thương cao....

→ Các ngành khoa học như điều khiển học và năng lượng nguyên tử được sử dụng trước hết trong lĩnh vực quân sự.

➤ Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại

→ Thành tựu trong lĩnh vực khoa học cơ bản: Toán học; Vật lý; Hóa học; Sinh học; thành tựu trong các ngành khoa học cơ bản được áp dụng rộng rãi trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Y-Dược học,...

→ Chế tạo công cụ sản xuất hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu tự động hóa sản xuất

→ Sự ra đời và quá trình cải tiến của máy tính điện tử

→ Sự ra đời và phát triển của máy tự động và hệ thống máy tự động, robot, kỹ thuật sử dụng laser.

→ Các công cụ sản xuất hiện đại có khả năng tính toán tự động, có tốc độ xử lý cao, tính chính xác cao, có năng lực điều hành quản lý được áp dụng rộng rãi trong tất cả các ngành quốc phòng, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp,...

→ Khai thác các nguồn năng lượng mới

→ Năng lượng điện - điện khí hóa là điều kiện quan trọng để phát triển các máy móc tự động.

→ Nhiệt điện – từ năng lượng hóa học của nhiên liệu than, dầu mỏ, khí đốt; Thủy điện, điện nguyên tử, năng lượng mặt trời, thủy triều, gió.

→ **Sáng chế vật liệu mới:** Các loại vật liệu mới bao gồm vật liệu vô cơ, vật liệu hữu cơ, các loại hợp kim, vật liệu dùng trong công nghiệp điện tử ... với nhiều tính năng đặc biệt điển hình như: Vật liệu Composite; Gốm kỹ thuật; Silic; Vật liệu siêu dẫn; Sợi quang (hệ thống cáp quang kết nối các mạng điện thoại, truyền hình và máy tính trên toàn thế giới)

→ **Phát triển Khoa học vũ trụ và hải dương:** Năm 1957, Liên Xô mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ bằng việc phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên lên quỹ đạo không gian. Sau đó, các nước lần lượt thực hiện công cuộc chinh phục này: Mỹ, Pháp, Australia, Nhật Bản, Trung Quốc, ... Các nước tiến hành thám hiểm Mặt trăng và thăm dò nhiều hành tinh trong hệ Mặt Trời. Khoa học về hải dương đạt nhiều thành tựu.

→ **Cuộc “Cách mạng xanh”:** Là cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp - ban đầu nhằm giải quyết nạn thiếu hụt lương thực thực phẩm ở nhiều nước; Sau đó tiến đến nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp bằng việc áp dụng các biện pháp cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa... Từ thập niên 1970, công nghệ sinh học có bước phát triển nhảy vọt, đã có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc Cách mạng xanh.

III – ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI

→ Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại có nội dung rộng lớn và phát triển toàn diện, nhanh chóng.

✍ **Các cuộc cách mạng trước:** sự đột phá về lực học và điện từ học xuất hiện dưới dạng đơn lẻ rồi mới phát triển mở rộng sang các lĩnh vực khác.

✍ **Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại** xuất hiện theo quần thể và trong tất cả các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật đều xảy ra sự thay đổi sâu sắc, phát triển nhanh chóng chưa từng có, đưa đến sự ra đời của hàng loạt những ngành khoa học kỹ thuật mới.

✍ **Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại** tác động sâu sắc đến mọi phương diện: Kinh tế, Chính trị, Xã hội trong nước và quốc tế.

→ **Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp:** Các cuộc cách mạng trước, vai trò của khoa học đối với sản xuất chỉ là gián tiếp, cải tiến kỹ thuật đi trước khoa học. Trong cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại, mọi lĩnh vực sản xuất của xã hội đều dựa trên những thành tựu về khoa học. Khoa học trở thành nguồn gốc của những tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ, làm thay đổi cơ bản kỹ thuật và công nghệ, đưa năng suất lao động lên mức cao nhất. Sản xuất càng phức tạp, hiện đại càng đòi hỏi nghiên cứu khoa học.

→ Khoa học vừa có sự phân hóa cao độ nhưng đồng thời lại có sự liên hệ mật thiết, thâm nhập vào nhau và ngày càng hướng đến sự chỉnh thể hóa.

→ Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào thực tế sản xuất ngày càng được rút ngắn. Ví dụ như: Máy hơi nước - 80 năm; Động cơ điện - 65 năm; Điện thoại - 50 năm; Phi cơ - 20 năm; Bom nguyên tử - 6 năm; Máy truyền hình - 5 năm; Bóng đèn bán dẫn - 3 năm; Tia laze - 1 năm...

IV – TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI

*** Về kinh tế**

→ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã làm cho lực lượng sản xuất có sự phát triển nhảy vọt chưa từng thấy, sản xuất phát triển nhanh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo ra nguồn của cải vật chất dồi dào, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

→ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại làm thay đổi phương thức sinh hoạt và tiêu dùng trong đời sống xã hội.

→ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại làm thay đổi vị trí, cơ cấu các ngành kinh tế và các vùng kinh tế.

*** Về xã hội**

→ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại làm thay đổi cơ cấu dân cư theo hướng: dân số lao động trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp giảm đi (do nền sản xuất được tự động hóa); dân số lao động trong các ngành dịch vụ tăng lên

→ Theo ước tính trong thế kỷ XXI, dân số khu vực dịch vụ ở các nước trung bình có thể tăng lên 70 - 80%, dân số trong khu vực sản xuất sẽ giảm đi tương ứng.

→ Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đưa loài người sang một nền văn minh mới đó là *văn minh trí tuệ* - sau thời kỳ văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp

→ Trong nền văn minh này, con người đóng vai trò trung tâm với trí tuệ và tri thức. Do đó, giáo dục - đào tạo đặc biệt được đề cao và coi đó là quốc sách hàng đầu.

PHẦN 2

CÁC NỘI DUNG QUAN TRỌNG KHÁC

Như đã trình bày ở phần I – TỔNG QUAN CÁC NỀN VĂN MINH ở trên, trong đề thi nội dung phần I chiếm tới 5 – 6 điểm trong đề thi cuối kì. Còn lại là những nội dung quan trọng cùng với phần I chiếm 4 – 5 điểm còn lại. Ở phần II này, mình sẽ trình bày những nội dung hoàn thiện nốt phần bài làm của đề thi. Hy vọng những kiến thức phần II này sẽ giúp ích cho các bạn thông qua phần trình bày dưới đây.

(CÁC BẠN CỐ GẮNG LẤY THẬT NHIỀU VÍ DỤ DẪN CHỨNG PHẦN NÀY)

A – MỘT SỐ QUAN ĐIỂM

1. Khái niệm

1.1. Thế nào là lịch sử?

→ Những gì đã qua trong quá khứ là lịch sử. Được quyết định bởi yếu tố thời gian. Nó tồn tại khách quan với chúng ta, nó đã trôi qua và không thể bị thay đổi. Ở khía cạnh này, *những thứ thuộc về quá khứ tồn tại khách quan với chúng ta, nó tồn tại độc lập với sự mong muốn, can thiệp của chúng ta.*

→ Là tri thức trải qua quá trình nghiên cứu, tìm tòi, nhận thức, xem xét trên cơ sở những tư liệu, bằng chứng, hiện vật... được tìm thấy. Ở khía cạnh này, **lịch sử là cái trong trí óc của chúng ta, cái chúng ta biết** (bài học, tài liệu, vấn đề quốc gia dân tộc, quá trình hình thành của loài người...), **mang tính chủ quan** vì nó là tri thức của con người, bị chi phối và được phát triển bởi con người. *Mà mỗi người có quan điểm, suy nghĩ, tình cảm khác nhau nên cách nhìn nhận lịch sử của mỗi người khác nhau.* Nó bị ảnh hưởng bởi quá trình tìm tòi, xem xét cũng như các hiện vật bằng chứng. Sự kiện lịch sử càng xa thì độ chính xác càng thấp. Ví dụ như cách người Ai Cập xây dựng kim tự tháp. Đến nay vẫn chưa có ai khám phá ra sự thật.

→ Lịch sử luôn tiếp diễn không bao giờ dừng lại.

→ Luôn có dấu mốc đối với mỗi cá nhân, quốc gia, dân tộc. Ví dụ như năm 1945 hay 1954 của dân tộc Việt Nam, chiến thắng Điện Biên Phủ...

1.2. Thế nào là văn hóa?

→ Bao gồm yếu tố vật chất và tinh thần - thích nghi với điều kiện tự nhiên và bối cảnh.

→ Văn hóa tồn tại khi con người tồn tại.

→ Văn hóa được biểu hiện qua: *văn minh, văn hiến, văn vật.*

1.3. Tính chất của văn hóa

→ **Chủ thể của văn hóa là con người - đối diện trước tác động của môi trường.** Trong bối cảnh điều kiện tự nhiên, trong thời kì sơ khai, con người có ý thức tạo ra công cụ, lửa, quần áo, công cụ khác nhau để thích nghi với điều kiện môi trường – điều hoàn toàn khác so với loài vật khác (loài vật khi tạo ra thứ gì đó thì thuần túy là phản xạ tự nhiên. Khi điều kiện môi trường kết thúc thì phản xạ đó cũng kết thúc trong khi con người sẽ tiếp tục sáng tạo và phát huy theo từng thế hệ).

→ **Văn hóa khác nhau chứ không so cao thấp, mỗi bối cảnh không gian khác nhau sẽ có văn hóa khác nhau.** Thời gian cũng làm văn hóa khác nhau (thời trang của từng thập niên, gu âm nhạc của từng thế hệ cũng khác nhau, gu âm nhạc cũng khác nhau theo từng thời kì).

→ **Văn hóa luôn có xu hướng lan tỏa.** Ví dụ như khi ta đến nước ngoài thì việc ta làm là tái hiện những phong tục tập quán, ẩm thực của Việt Nam. Hoặc khi một cộng đồng di cư thì họ sẽ đem theo cả văn hóa của họ. Hoặc tôn giáo luôn có xu hướng lan tỏa rất rộng: đạo Phật ra đời tại phía Bắc Ấn Độ và hiện giờ đã trở thành một trong những tôn giáo lớn của thế giới.

1.4. Thế nào là văn minh?

→ **Văn minh là đỉnh cao của văn hóa – trái với văn minh là dã man.**

→ **Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.**

Trong bối cảnh như nhau, những gì phát triển vượt bậc, nổi bật nhất chính là văn minh. Nếu văn hóa chú trọng sự khác biệt thì văn minh có sự phân biệt cao thấp (có giai đoạn văn minh thấp, có giai đoạn cao). Dần dần, lịch sử của loài người là quá trình tịnh tiến đi từ thấp đến cao, từ thời kì sơ khai công cụ lao động bằng đá giờ đã có công cụ thông minh như máy tính, điện thoại. Ví dụ như phương thức ăn uống của mỗi nền văn hóa khác nhau sẽ khác nhau: phương Đông dùng đũa trong bữa ăn vì tính thực vật trong hệ sinh thái và văn hóa nước thì sẽ thuận tiện hơn trong ăn uống (đa số là rau, cá...), trong khi phương Tây dùng nĩa và dao để cắt và xẻ thức ăn dễ hơn (tính động vật), một số cộng đồng dùng tay làm công cụ ăn vì niềm tin tôn giáo và tư duy an toàn vệ sinh (chỉ có đôi bàn tay tiếp xúc với thức ăn thì mới bảo toàn được năng lượng và đảm bảo tính an toàn vì những công cụ ăn uống có thể có chất hại cho sức khỏe).

2. Mối tương quan giữa văn hóa với văn minh

→ **Văn hóa thì chú trọng sự khác biệt còn văn minh thì tập trung vào sự cao thấp.**

→ **Lịch sử văn minh được nhìn theo chiều hướng phát triển của thời gian** (trục dọc đi lên). **Văn minh** là sự **thích nghi** của con người trong môi trường tự nhiên, xã hội và môi trường lịch sử.

→ **Khẩu hiệu: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.**

*** 1) Có hai quan điểm quan trọng có thể nghiên cứu**

1. Lịch sử văn minh gắn liền với sự hình thành và phát triển của thể giới con người.

⇒ Văn minh xuất hiện đồng thời với xã hội loài người.

2. Lịch sử văn minh KHÔNG gắn liền với sự hình thành của thể giới con người vì xã hội văn minh đòi hỏi con người phải trải qua một quá trình tích lũy kinh nghiệm, biến những kinh nghiệm thành tri thức.

⇒ Văn minh được hình thành trên cơ sở tri thức của con người.

⇒ Sau thời gian dài tranh luận, **quan điểm 2** được sự đồng ý bởi nhiều học giả.

*** 2) Tiêu chí phân loại các thời đại/văn minh****2.1. Tiêu chí về hình thái kinh tế xã hội**

→ Các hình thái kinh tế xã hội: Công xã nguyên thủy ⇒ Chiếm hữu nô lệ ⇒ Xã hội phong kiến ⇒ Tư bản chủ nghĩa ⇒ Cộng sản chủ nghĩa

→ Học thuyết Marx giải thích lịch sử bằng nguyên nhân kinh tế - xã hội

✎ Coi sự phát triển của sản xuất là thước đo trình độ phát triển kinh tế - xã hội

✎ Coi đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển xã hội

✎ Con người là chủ thể trung tâm, lực lượng, động lực của phát triển xã hội

✎ Tư bản chủ nghĩa - thời kỳ đen tối của các nước thuộc địa.

2.2. Tiêu chí về thời đại kỹ thuật

→ Các thời đại kỹ thuật:

✎ Thời đại đồ đá

✎ Thời đại đồ kim khí

✎ Thời đại kỹ thuật công nghiệp (thủ công nghiệp sang công nghiệp): Công cụ là tác động đến năng suất là tạo ra động lực để phát triển.

⇒ Nhấn mạnh yếu tố tri thức và vai trò của con người trong cải tiến công cụ lao động.

⇒ Con người sáng tạo → Tác động đến phát triển sản xuất → Thay đổi các thời đại văn minh. (Con người là chủ thể nhưng con người cũng là nạn nhân – Ung thư, bệnh tật, ...)

2.3. Tiêu chí về thời đại kinh tế

→ Thời đại kinh tế tự nhiên (Công xã nguyên thủy)

→ Thời đại kinh tế nông nghiệp (chiếm nô và phong kiến): di cư từ núi, định cư ở ven sông, trồng trọt, cải tạo đất, có các kỹ năng khi thay đổi môi trường sống.

→ Thời đại kinh tế công nghiệp: Tư bản chủ nghĩa (sau cách mạng công nghiệp)

→ Thời đại kinh tế hậu công nghiệp (nửa sau thế kỉ XX trở đi): Kinh tế tri thức.

⇒ Dù sử dụng bất kỳ tiêu chí nào thì trình độ phát triển sản xuất (đạt được do trí tuệ của con người) luôn là thước đo trình độ phát triển chính xã - xã hội. Có nghĩa là, phải xem xét mỗi hình thái kinh tế xã hội (hay mỗi thời đại kinh tế hoặc kỹ thuật) trong mối quan hệ chặt chẽ giữa nền sản xuất với cấu trúc xã hội và thiết chế chính trị của nó.

⇒ Phải đặt trong mối quan hệ để xem xét toàn diện và đầy đủ của nơi đó trong từng giai đoạn (chỉ trong giai đoạn đó thì mới có vấn đề đó, như tư tưởng mỗi thời mỗi khác)

⇒ Dù đứng trên bất kỳ lập trường nào để tìm hiểu về lịch sử văn minh thì luôn phải đặt con người ở vai trò trung tâm (tạo ra sự phát triển của sản xuất và sự phát triển của xã hội)

⇒ Những điều kiện của nền văn minh: Con người là điều kiện cần, môi trường là điều kiện đủ, chỉ khi đặt con người vào môi trường thì mới nhìn nhận được nền văn minh.

3. Một số nhận định của Toynbee (Nêu thêm thật nhiều dẫn chứng, ví dụ)

3.1. “Tính đa dạng của tự nhiên là nguồn gốc tính đa dạng của văn hóa con người”

→ Đây là vấn đề về môi trường tự nhiên: con người sinh sống ở môi trường khác nhau sẽ có văn hóa khác nhau, từ đó có cách cư xử khác nhau.

⇒ Mỗi quốc gia có vị trí địa chính trị khác nhau sẽ có sức ảnh hưởng khác nhau. (Lấy ví dụ dẫn chứng như các quốc gia ở vùng nóng hơn có thói quen ngủ trưa để tiết kiệm năng lượng hay những quốc gia vùng lạnh hơn sẽ mặc nhiều quần áo ấm hơn để giữ nhiệt)

→ Vai trò của tự nhiên được thể hiện qua các ví dụ như:

✍️ Ấn Độ có ba mặt giáp biển - giao lưu với bên ngoài và gây ảnh hưởng lớn đến bên ngoài lãnh thổ của mình.

✍️ Nhờ vị trí địa lý mà Arap phát triển buôn bán giữa phương Đông với Tây nên cư dân từ sớm đã tiếp thu những nền văn hóa từ bên ngoài và đã biến nó thành của mình.

✍️ Vị trí địa lý “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” với đường biên giới tiếp giáp với 14 quốc gia, 3 trong 4 biển lớn của Thái Bình Dương là Hoàng Hải, Hoa Đông và Biển Đông. Đặt nền tảng cho việc hình thành một nền văn minh Trung Hoa rộng lớn, phát triển rực rỡ trong lịch sử.

⇒ Con người ở đâu sẽ có những cách ứng xử đúng với chính nơi mà họ sinh sống (ăn uống, mặc, ở, tâm linh tín ngưỡng, kỹ năng ứng xử...)

⇒ Sự đa dạng của môi trường tự nhiên dẫn tới sự đa dạng của văn minh con người.

3.2. “Thế giới này nếu không có con người thì không phải là môi trường... không có con người thì môi trường cũng không tồn tại”.

→ Điều kiện địa lý quyết định các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, thủy văn... (môi trường tự nhiên), hiểu địa chất địa hình để hiểu về tập quán, sản xuất của con người khu vực đó (vùng ven biển khác vùng đồng bằng) → kiểu khí hậu (nóng, lạnh, ẩm) dẫn tới ảnh hưởng sản xuất, loại hình phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực.

→ Nền văn minh Ai Cập dựa trên nền nông nghiệp kết hợp thủ công, còn nền văn minh Lưỡng Hà là gồm nông nghiệp và thương nghiệp.

→ Lịch sử thương nghiệp Ả Rập rất quan trọng trong nghiên cứu.

→ Các kỹ thuật đặc sắc của từng vùng được quyết định bởi điều địa lý: Ai Cập có Kim tự tháp và có dãy Nubia (phía nam) ⇒ chất liệu đá phù hợp cho xây dựng và trang trí.

→ Kim tự tháp được xây dựng ở phía Bắc ⇒ vận chuyển đá về bằng sông Nile (chảy từ Nam ra Bắc).

⇒ Điều kiện nào cũng quan trọng, tuy nhiên con người vẫn là trung tâm.

3.3. “Ở con người, nhân tố quyết định thành công hay thất bại không phải là chủng tộc mà đó là năng lực ứng phó đáp lại thách thức của môi trường tự nhiên”

→ Các nhà khoa học vẫn còn đề cao chủng tộc da trắng, còn Toynbee chứng minh rằng tộc người phương Đông mới là người khai mở ra lịch sử văn minh của thế giới.

⇒ Văn minh đạt được thành tựu phụ thuộc lớn vào chủng tộc rất nhiều (như người Do Thái), nhưng nếu cùng một chủng tộc được đưa vào hai môi trường khác nhau thì chỉ có một bên sẽ tiến lên văn minh → phục thuộc vào môi trường tự nhiên sinh sống.

⇒ Không được đề cao một chủng tộc nào đó và hạ thấp các chủng tộc khác.

B – MỘT SỐ CÂU HỎI QUAN TRỌNG

*** 1) Vai trò của con người được thể hiện như thế nào trong sự phát triển của các nền văn minh?**

a. Con người tác động hai chiều với môi trường tự nhiên

► **Con người tác động lên môi trường tự nhiên:**

→ Con người là một thực thể sinh học, một bộ phận đặc biệt, quan trọng của giới tự nhiên, gắn bó, hòa hợp với tự nhiên.

→ Nhưng con người khác với các thực thể sinh học khác trong tự nhiên, con người không phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên mà con người chỉ phụ thuộc vào yếu tố nào mà thôi (khác với thực thể khác là phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên).

→ Từ đó có thể thấy rằng, **tự nhiên phục vụ cho con người. Con người có thể biến đổi giới tự nhiên và chính bản thân mình dựa trên các quy luật khách quan** (con người sử dụng tri thức và trí tuệ của mình để biến đổi bản thân và biến đổi tự nhiên, tự hoàn thiện mình nhưng cũng phải tuân theo các quy luật khách quan)

→ Thông qua **lao động sản xuất**, con người sinh học trở thành thực thể xã hội. (Chinh phục tự nhiên luôn là đích đến của con người). Con người càng bị thách thức thì khả năng sáng tạo càng cao ⇒ **đạt được sự xuất sắc của sáng tạo và bước sang nền văn minh.**

Ví dụ việc thuần hóa động thực vật và khai thác đất đai đã tạo nền tảng cho các nền kinh tế nông nghiệp, như tại Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ, và Trung Quốc cổ đại. Con người đã khai thác khoáng sản để chế tác công cụ, vũ khí và trang sức, đóng góp vào tiến trình phát triển thương mại.

→ Bằng **lao động sản xuất**, con người **chinh phục, tái tạo tự nhiên**

→ Con người là **chủ thể sáng tạo** của **lịch sử/quá trình lịch sử.**

(Ví dụ về việc biến thể của các loại virus gây bệnh: con người biến đổi, hoàn thiện mình thì tác động đến tự nhiên, sau đó những thực thể khác cũng tiến hóa theo, virus gây bệnh sau khi được con người tìm ra vacxin phòng ngừa thì nó tiếp tục tiến hóa).

→ Trong **xã hội hiện đại** ngày nay: Con người là **nhân vật trung tâm của xã hội**, là **chủ thể chân chính sáng tạo ra mọi giá trị vật chất - tinh thần để phục vụ lại chính đời sống của mình**. Trong **mọi hoạt động của xã hội**, đặc biệt là **hoạt động sản xuất kinh tế không thể thiếu vắng bàn tay khối óc của con người.**

→ Nói **nhân tố con người** là nói đến những **phẩm chất, thuộc tính, tri thức, kinh nghiệm, năng lực, thói quen...** của con người được **biểu hiện trong các dạng thức hoạt động khác nhau**, qua đó ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh tế. *Quá trình này ảnh hưởng rất lớn đến môi trường tự nhiên, nhất là vấn đề ô nhiễm môi trường*, đây là một vấn đề toàn

cầu và ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của con người (có thể kể một số hiện tượng đáng báo động hiện nay). Đây là **vấn đề tồn đọng và cấp bách**, con người cần **quan tâm và nghiên cứu các giải pháp để có thể phục hồi hoặc cải thiện vấn đề môi trường**.

► **Môi trường tự nhiên tác động lên con người:**

⇒ **Môi trường sống tạo ra năng lực thích ứng của con người, môi trường sống khác nhau tạo ra những thích ứng khác nhau, đưa đến những giá trị văn minh khác nhau:** Cùng một nơi sinh ra, nhưng nếu sống ở hai môi trường khác nhau thì hai khu vực sẽ có sự khác nhau, không phải nơi nào cũng có thể tiến lên nền văn minh mà chỉ có một nơi phù hợp cơ bản các điều kiện để tiến lên nền văn minh.

⇒ **Môi trường tự nhiên tác động đến sự sống còn và phát triển của con người.**

✍ *Thời cổ đại, con người có xu hướng di cư đến nơi có nguồn nước để sinh sống (Con người để có thể sống không thể thiếu nước uống). Sau đó dần hình thành các bộ tộc, bộ lạc sinh sống cùng nhau ven các con sông, ven biển... Tuy nhiên những người sống ở khu vực khó khăn hơn có thể di dân đến chiếm nguồn nước - chiến tranh giữa các bộ tộc.*

✍ *Công cuộc trị thủy thời cổ đại luôn là vấn đề khó giải quyết và buộc con người phải có sự liên kết - liên minh, đây là cơ sở để hình thành nhà nước.*

✍ *Hình thành và phát triển các thành tựu về khoa học tự nhiên: toán học, thiên văn học, vật lý, ...*

✍ *Hiện nay, môi trường tự nhiên bị ảnh hưởng nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sự sống còn của con người.*

⇒ **Môi trường tự nhiên tác động trong sự hình thành và phát triển các nền văn minh**

→ **Thách thức và (tạo ra) ứng phó** ⇒ *khó khăn của sự xuất sắc* ⇒ *Nhân tố kích thích của những vùng đất bạc bèo* ⇒ *Nhân tố kích thích của thử thách. Càng bị thử thách, con người càng sáng tạo về có khả năng thích ứng cao vì con người luôn muốn chinh phục.*

→ **Quy luật phát triển của các nền văn minh:**

✍ *Phát triển từ thấp đến cao và có tính kế thừa*

✍ *Tốc độ phát triển của các thời đại văn minh càng về sau càng nhanh hơn*

✍ *Các nền văn minh có các cấp độ giá trị khác nhau về không gian và thời gian*

✍ *Tính mở các nền văn minh ngày càng cao.*

b. Con người sáng tạo và kiến thiết nền văn minh

✍ **Sáng tạo văn hóa và khoa học:** Con người phát minh ra chữ viết, nghệ thuật, và các công cụ lao động, từ đó hình thành nền tảng cho các nền văn minh (ví dụ: chữ tượng hình của Ai Cập, chữ hình nêm của Lưỡng Hà).

✍ **Xây dựng xã hội và tổ chức chính trị:** Con người phát triển các mô hình tổ chức xã hội, từ các cộng đồng nguyên thủy đến quốc gia phức tạp với hệ thống luật pháp và hành chính.

c. Con người truyền bá tri thức và giao lưu văn hóa

✍ **Trao đổi thương mại và tri thức:** Con người tổ chức các tuyến đường giao thương, như Con đường Tơ lụa, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa, tôn giáo, và khoa học giữa các nền văn minh. Con người là trung tâm của các phát minh khoa học, công nghệ và nghệ thuật. Những người sáng tạo như chữ viết, công cụ lao động, và hệ thống nông nghiệp đã đóng góp quan trọng cho sự hình thành và phát triển của nền văn minh.

✍ **Lan tỏa tư tưởng và giá trị:** Con người phổ biến các tư tưởng triết học, tôn giáo (như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo), tạo ra sự kết nối và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các vùng lãnh thổ. Ví dụ, sự phát minh ra chữ viết của người Sumer đã đánh dấu bước tiến lớn trong công việc lưu trữ và truyền tải tri thức. Con người là cầu nối trong giao lưu và lan tỏa văn hóa, thương mại và tri thức giữa các khu vực. Con đường Tơ lụa là ví dụ điển hình cho vai trò của con người trong công việc kết nối các nền văn minh Đông – Tây.

Con người là trung tâm của sự phát triển các nền văn minh, không chỉ đóng vai trò sáng tạo và tổ chức mà còn là cầu nối giữa quá khứ và tương lai. Mỗi bước tiến của con người đều để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử văn minh thế giới.

*** 2) Vai trò của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành và phát triển văn minh**

→ **Môi trường tự nhiên là tất cả những gì bao quanh con người, bao gồm các yếu tố vật chất và sinh vật.** Môi trường tự nhiên có **vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.**

→ **Môi trường tự nhiên là điều kiện tiên quyết cho sự hình thành của các nền văn minh.** Nó có **vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của con người, là nền tảng vật chất cho sự phát triển của xã hội.** Môi trường tự nhiên **cung cấp** cho con người **những điều kiện cần thiết để tồn tại và phát triển**, như:

✍ **Vị trí địa lý:** *Vị trí địa lý của một nền văn minh quyết định sự tiếp xúc với các nền văn minh khác, sự phát triển giao thương, và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, văn hóa.* Ví dụ, các nền văn minh như Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc đều hình thành bên những dòng sông lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng trọt và giao thương.

✍ **Đất đai:** *Đất đai là nơi con người trồng trọt, chăn nuôi, sinh sống.* Các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ với khí hậu ôn hòa, như Lưỡng Hà, Ai Cập, Ấn Độ và Trung Quốc, đã trở

thành cái nôi của các nền văn minh cổ đại. Những nơi này cung cấp điều kiện lý tưởng để phát triển nông nghiệp, đảm bảo nguồn lương thực ổn định.

 **Nước:** Nước là nguồn sống của con người và động vật. Các nền văn minh thường phát triển dọc theo các dòng sông lớn như sông Nile, sông Tigris và Euphrates, sông Ấn, sông Hoàng Hà. Nước không chỉ phục vụ sản xuất nông nghiệp mà còn là tuyến giao thông và trung tâm trao đổi văn hóa, kinh tế.

 **Khí hậu:** Khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và các hoạt động khác của con người. Khí hậu ảnh hưởng đến nông nghiệp, yếu tố quyết định sự sống còn và phát triển của các xã hội cổ đại. Những khu vực có khí hậu ôn hòa, mùa màng thuận lợi giúp các nền văn minh phát triển mạnh mẽ, trong khi những khu vực khô cằn, nóng bức có thể làm cản trở sự phát triển kinh tế và xã hội. Ví dụ, nền văn minh Trung Hoa chịu sự ảnh hưởng bởi khí hậu đa dạng, phong phú giúp nền nông nghiệp phát triển, mang nét đặc trưng theo vùng miền. Trái lại, khí hậu khắc nghiệt khiến dân cư Ả rập không có những điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, nền văn minh Ả rập dựa trên kinh tế thương nghiệp, trao đổi mua bán là chủ yếu.

 **Tài nguyên khoáng sản:** Tài nguyên khoáng sản là nguồn nguyên liệu quan trọng cho sự phát triển của sản xuất. Ví dụ, nền văn minh Lưỡng Hà tận dụng đất thiết lập để xây dựng kiến trúc, trong khi Ai Cập nhất sử dụng đá vôi và đá granit cho các công trình kỳ vĩ.

► **Trước hết, điều kiện tự nhiên là cơ sở cho sự phát triển kinh tế của các nền văn minh. Một điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ tạo điều kiện cho con người phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, khai thác tài nguyên thiên nhiên,...** Từ đó, **thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, xã hội.**

VD: Chẳng hạn, các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa,... đều hình thành ở những lưu vực sông lớn, có đất đai màu mỡ, khí hậu ẩm áp, nguồn nước dồi dào. Điều kiện tự nhiên thuận lợi này đã giúp cho cư dân các nền văn minh này phát triển nông nghiệp, chăn nuôi,... trở thành nền tảng kinh tế quan trọng.

Nằm giữa hai con sông lớn Tigris và Euphrates, vùng Lưỡng Hà có đất đai phù sa màu mỡ và nguồn nước dồi dào, rất thuận lợi cho việc trồng trọt. Sự phát triển nông nghiệp là nền tảng của nền kinh tế Lưỡng Hà. Hệ thống thủy lợi được xây dựng để kiểm soát nước, giúp tăng năng suất nông nghiệp. Bên cạnh đó, sự phát triển nông nghiệp đã tạo ra nguồn thực phẩm dồi dào, khuyến khích thương mại và trao đổi hàng hóa, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các thành phố lớn như Ur, Babylon.

→ Tuy nhiên, **cần chú ý theo dõi sự thay đổi của môi trường tự nhiên có thể dẫn đến những biến động trong sản xuất, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các nền văn minh.**

VD: Lưu vực sông Ấn chịu ảnh hưởng của biến đổi dòng chảy sông, khi sông đổi hướng hoặc suy giảm lưu lượng nước. Khu vực này cũng dễ bị lũ lụt phá hủy do mưa lớn trong mùa gió mùa. Hay như Sông Hoàng Hà thường xuyên gây ra lũ lụt thảm

khốc, được mệnh danh là "Nồi sào của Trung Quốc." Đất đai ở miền Bắc Trung Quốc bị sa mạc hóa dần do khai thác quá mức và gió bụi từ cao nguyên Hoàng Thổ.

► **Thứ hai, điều kiện tự nhiên là yếu tố thúc đẩy sự phân hóa xã hội, sự phát triển của các tầng lớp xã hội.** Một điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ **tạo ra sự chênh lệch về tài nguyên, sản phẩm,...** dẫn đến sự **phân hóa giàu nghèo, giai cấp trong xã hội.**

VD: Chẳng hạn, trong xã hội Ai Cập cổ đại, những người sở hữu nhiều ruộng đất, nô lệ,... trở thành tầng lớp quý tộc, nắm giữ quyền lực và địa vị cao trong xã hội. Ngược lại, những người nông dân nghèo, không có ruộng đất,... trở thành tầng lớp nô lệ, bị bóc lột sức lao động.

► **Thứ ba, điều kiện tự nhiên là nền tảng cho sự phát triển văn hóa của các nền văn minh như phong tục tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật**

VD: Chẳng hạn, trong nền văn minh Ai Cập cổ đại, người dân đã xây dựng được những công trình kiến trúc vĩ đại như kim tự tháp, đền thờ... phát triển nền văn học, nghệ thuật, khoa học,...rực rỡ. Người Ai Cập thờ các vị thần gắn liền với thiên nhiên, như thần Ra (thần mặt trời), thần Hapi (thần sông Nile), và Osiris (thần cai quản sự sống và cái chết). Chu kỳ ngập lụt của sông Nile được xem là biểu tượng của sự tái sinh. Quan niệm về cái chết và sự sống vĩnh cửu khiến người Ai Cập phát triển tập tục ướp xác và xây dựng kim tự tháp làm nơi an nghỉ cho Pharaoh. Các bức tranh tường, tượng điêu khắc và các công trình kiến trúc lớn như đền thờ Luxor và kim tự tháp Giza đều phản ánh sự tôn kính đối với thiên nhiên và các vị thần.

⇒ Như vậy, **điều kiện tự nhiên là một nhân tố quan trọng, có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.**

KẾT LUẬN: Tóm lại, **điều kiện tự nhiên có vai trò quan trọng, quyết định đến sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Nó là nền tảng vật chất, là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của con người, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa,...**

*** 3) Vai trò của các dòng sông trong sự hình thành của các nền văn minh?**

⇒ **Giới thiệu chung:** Các **dòng sông luôn đóng vai trò quan trọng** trong sự phát triển của loài người từ thuở sơ khai. Đặc biệt, trong lịch sử, các nền văn minh lớn trên thế giới đều hình thành và phát triển bên bờ các dòng sông. Các dòng sông không chỉ cung cấp nguồn nước cần thiết cho sinh hoạt, nông nghiệp mà còn là yếu tố quyết định trong việc phát triển giao thương, văn hóa và xã hội.

→ **Đặc điểm chung:** đa phần các nền văn minh cổ đại được hình thành trên lưu vực **con sông:** Ai Cập (sông Nin), Lưỡng Hà (Sông Tigơ và Ophrat), Ấn Độ, (sông Ấn và sông Hằng), Trung Hoa (Hoàng Hà và Trường Giang), La Mã cổ đại (Sông Tiber)...

→ **Nước là yếu tố quyết định của sự sống, là nguồn sống của sự sống:** Con người thời cổ luôn đi tìm nơi có nguồn nước lớn để định cư và sản xuất, sinh sống. Trong cơ thể con người

hơn 70% là nước, cơ thể không thể thiếu nước. Người xưa có câu “Có thể không ăn 3 ngày nhưng không thể không uống nước trong 7 ngày”. Nước cũng là để thải độc cho cơ thể.

► Nguồn nước còn **cung cấp phù sa** ⁽¹⁾ giúp cho đất đai màu mỡ, khoáng chất, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

→ Dòng sông nuôi sống các cư dân cổ đại, bởi nó **cung cấp lượng lớn đất đai màu mỡ**, ⁽²⁾ tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển. Ví dụ:

✍ Ở Ai Cập, sau mỗi mùa nước lên, sông Nin để lại những cánh ruộng đồng bạt ngàn lớp phù sa vô cùng màu mỡ, Chính nhờ những lớp phù sa đen luôn được bồi đắp hàng năm đã thúc đẩy canh tác trồng trọt, tăng năng suất nông nghiệp tới đa giúp người Ai Cập luôn có những mùa màng bội thu đến bất ngờ.

✍ Ở Lưỡng Hà, lũ lụt thường xuyên xảy ra dọc theo hai con sông Tigro và Ophrat làm cho vùng đất xung quanh chúng trở nên màu mỡ để trồng cây lương thực.

✍ Ở Trung Quốc, hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang chia khu vực Trung Quốc thành 2 đồng bằng lớn (Hoa Bắc, Hoa Nam)

🌐 **Hoa Bắc** có địa hình bằng phẳng nên sản xuất nông nghiệp quy mô lớn nhưng cũng đồng thời chịu thiên tai lũ lụt, các cuộc chiến tranh của Trung Quốc với bên ngoài đã số đều kéo xuống từ phía Bắc. Khí hậu ôn đới, hệ sinh thái mang tính chất chuyên biệt hơn (thường trồng lúa mì, lúa mạch,...).

🌐 **Hoa Nam** có khí hậu nhiệt đới ẩm, sông ngòi chằng chịt, tập trung nhiều và đa dạng cộng đồng người, nổi tiếng nhất là tộc Bách Việt, điều kiện thuận lợi cho phát triển trồng cây lúa nước.

🌐 **Sông Hoàng Hà** có trữ lượng phù sa vô cùng lớn, dồi dào từ thời kì cổ đại cho tới bây giờ nên các cộng đồng cư dân, nền tảng kinh tế tập trung ở đây. Các nhà nước sơ khai đều tập trung tại đây, khai thác từ sớm ở đây (công trình thủy lợi, tài nguyên rừng bên sông để dựng đền đài, cung điện) ⇒ con sông phát tích nền văn minh Trung Hoa.

🌐 **Sông Trường Giang** là dòng sông cung cấp lượng nước và phù sa dồi dào, tập trung ở khu vực phía Nam Trung Quốc, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và thương mại nhờ mạng lưới dày đặc.

✍ Phía Bắc Ấn Độ, Các dòng sông đều bắt nguồn từ dãy Himalaya, vào mùa hè, băng tuyết tan, nước sông dâng cao bồi đắp nên một vùng đồng bằng phì nhiêu.

✍ Miền ven biển phía Nam Arap (ngày nay là Yemen), có nhiều đồng cỏ tươi tốt, với nguồn nước thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đại gia súc.

► **Cung cấp nguồn nước** ⁽³⁾: Rõ ràng rằng những con sông đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp nguồn nước cho các cư dân. Ví dụ:

✍ **Ai Cập cổ đại**, cư dân không thể tồn tại nếu không có trong Nin (vì khí hậu khô hạn), sông Nin còn giúp chống lại sự xói mòn và xâm lấn của sa mạc.

✍ **Ở phía tây đồng bằng sông Hồng**, con sông này cung cấp nước tưới và một hệ thống kê đặt hàng chỉ giúp thuận tiện trong việc trồng trọt các loại lương thực thực phẩm như lúa, khoai tây, lúa mì và hạt có dầu...

✍ **Sông Ấn ở Ấn Độ** cung cấp nguồn nước dồi dào, phát triển nông nghiệp, kết nối thương mại với các vùng khác và cả tâm linh, tôn giáo.

► **Cung cấp nguyên vật liệu** ⁽⁴⁾: Ngoài việc cung cấp đất, nước, ốc các dòng sông còn **cung cấp nguyên vật liệu cho đời sống hàng ngày cũng như trong nền thủ công nghiệp**. Ví dụ:

✍ **Gạch, gốm, thủy tinh**: lấy từ sông

✍ **Lưỡng Hà**: do điều kiện tự nhiên không có nhiều đá ⇒ **lấy đất sét từ phù sa để làm gạch, chất liệu viết, quan tài... sử dụng cách làm thủy tinh và trang trí nhà cửa...**

✍ **Trung Hoa**: Dùng đất sét trắng làm gốm gắn liền tên tuổi Trung Hoa từ thời kỳ cổ đại... Sông Trường Giang là **con sông kinh tế huyết mạch tại Trung Quốc**. Bên lưu vực sông có rất nhiều nguồn tài nguyên quý để phát triển thủ công nghiệp.

✍ **Thượng lưu sông Nile** không chỉ cao mà còn có tài nguyên đá phong phú. Khi xây dựng kim tự tháp Ai Cập thì cần khai thác đá từ cao nguyên, cần dòng chảy để vận chuyển các khối đá xuống hạ nguồn để xây dựng.

► **Cung cấp nguồn thủy sản dồi dào** ⁽⁵⁾:

✍ **Ai Cập tiêu thụ tương đối ít gia súc** (do đất đai hẹp và xung quanh là sa mạc, khí hậu khô cằn) ⇒ **nền chăn nuôi không có điều kiện phát triển**, Vậy nên **người Ai Cập lấy đạm từ cá đánh bắt trên sông Nin**, đây cũng là **nguồn cung cấp chính cho bữa ăn hàng ngày của người dân Ai Cập**.

► **Là con đường giao thông, vận chuyển** ⁽⁶⁾ **nội thương và ngoại thương**:

Các tuyến sông đóng vai trò quan trọng trong công việc kết nối các khu vực, tạo ra các tuyến đường giao thông thuận tiện. Các con sông lớn như sông Nile, sông Indus (Ấn), sông Huang He (Hoàng Hà), hay sông Tigris-Euphrates không chỉ giúp di chuyển hàng hóa mà còn cung cấp sự giao lưu văn hóa giữa các nền văn minh. Các thương nhân, nhà khoa học và các nền văn minh đã trao đổi kiến thức, sản phẩm và kỹ thuật dọc theo các con sông này.

✍ **Sông Tigro và Ophrat** tạo ra **những con đường thương mại**, là cầu nối giữa vùng Hắc Hải - Vịnh Ba Tư và giữa Địa Trung Hải với Phương Đông, tạo nên hành lang giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các quốc gia Đông - Tây.

✍ **Sông Nin chảy qua 11 quốc gia**, do đó nó là **huyết mạch giao thông chính nối tất cả các vùng của Ai Cập cũng như nối Ai Cập với các nước láng giềng**.

✍ Sông Lan Thương kết nối *thương mại và kinh tế giữa miền Nam Trung Quốc với phần còn lại của thế giới.*

► Quá trình khai phá, chinh phục các dòng sông lớn (trị thủy) là **cơ sở ra đời các thiết chế nhà nước sơ khai đầu tiên** ⁽⁷⁾

✍ Sông Ấn chính là cái nôi của nền văn minh Ấn Độ. Chính tại lưu vực con sông này, ngay từ đầu thiên niên kỷ thứ III TCN, nền văn minh đầu tiên của người Ấn Độ đã hình thành.

✍ Cái nôi của nền văn minh Trung Hoa được hình thành ngay bên lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang.

► Yếu tố nước **đóng góp vào sự hình thành nhiều giá trị văn minh nhân loại** ⁽⁸⁾ (tôn giáo tín ngưỡng, toán học, văn học, nghệ thuật, thiên văn học):

✍ Cư dân Ấn Độ coi trọng dòng sông Hằng linh thiêng.

✍ Cư dân Ai Cập coi sông Nile, thần sông là mẹ. Các công trình kiến trúc cũng có rất nhiều những hình ảnh lượn sóng như những sóng nước. Dòng sông để tạo nên những tác phẩm văn học hay, nghệ thuật ra đời

⇒ Những dòng sông xuất hiện trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng, sản xuất kinh tế của người dân.

► **Nền tảng cho sự phát triển đô thị** ⁽⁹⁾: Sự phát triển của các thành phố thường xảy ra dọc theo dòng sông. Thành phố này tận dụng lợi thế về nguồn nước để xây dựng hạ tầng, phát triển thương mại và quản lý nông nghiệp. Các hệ thống tiêu, chợ búa và các công trình cộng đồng đều được xây dựng xung quanh các con sông, tạo ra những đô thị thịnh vượng.

✍ Văn minh Ai Cập: Các thành phố lớn như Thebes, Memphis đều nằm dọc theo sông Nile.

✍ Văn minh Lưỡng Hà: Các thành phố như Ur, Uruk đều nằm ở gần hai con sông Tigris và Euphrates, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đô thị hóa.

Tất nhiên, cũng có một số nền văn minh cổ đại hình thành ở những khu vực khác, chẳng hạn như nền văn minh Maya ở Trung Mỹ hay nền văn minh Inca ở Nam Mỹ. Tuy nhiên, những nền văn minh đề cập trên đều có đặc điểm chung là nằm ở những khu vực có nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Dòng sông không chỉ là **nguồn tài nguyên quan trọng** mà còn **đóng vai trò quyết định trong sự hình thành và phát triển của nền văn minh**. Chúng tôi cung cấp nguồn nước, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, thương mại, phát triển đô thị và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa và tôn giáo. Chính vì vậy, trong lịch sử nhân loại, **các nền văn minh luôn xuất hiện và phát triển xung quanh các dòng sông lớn**, điều này chứng minh tầm quan trọng không thể thiếu của chúng để tranh đấu cho sự thịnh vượng của các xã hội cổ đại.

*** 4) Có nhà nghiên cứu cho rằng "các nền văn minh đều có sức lan tỏa mạnh mẽ và luôn dung chứa giá trị dân tộc, giá trị khu vực và giá trị nhân loại". Hãy phân tích quan điểm trên.**

⇒ **Quan điểm** của các nhà nghiên cứu cho rằng **có nền văn minh luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ và luôn dung chứa giá trị dân tộc, giá trị khu vực và giá trị nhân loại** bằng tri thức các nền văn minh đã học là **một quan điểm đúng đắn và có cơ sở**.

→ Về **sức lan tỏa mạnh mẽ**, các nền văn minh thường được hình thành và phát triển trong một khu vực nhất định, nhưng sức ảnh hưởng của chúng không chỉ giới hạn trong khu vực đó mà còn lan tỏa ra toàn thế giới. Điều này có thể được giải thích bởi những yếu tố sau:

✍ **Giá trị của nền văn minh đó:** Nếu nền văn minh đó có những giá trị cao đẹp, phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của con người, thì nó sẽ có sức lan tỏa mạnh mẽ.

✍ **Sự phát triển của giao lưu văn hóa:** Sự phát triển của giao lưu văn hóa giữa các nền văn minh đã tạo điều kiện cho các nền văn minh tiếp xúc, giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau.

VD: Các nền văn minh lớn trong lịch sử như văn minh Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ, Trung Quốc, và Hồi giáo đều có sự lan tỏa ảnh hưởng mạnh mẽ ra ngoài phạm vi ban đầu của chúng. Sự lan tỏa này có thể xảy ra thông qua nhiều hình thức:

- **Giao thương:** Các tuyến đường thương mại như Con đường tơ lụa đã kết nối các nền văn minh phương Đông và phương Tây, giúp trao đổi không chỉ hàng hóa mà còn cả ý tưởng, tri thức và văn hóa.
- **Di cư và xâm lược:** Các cuộc di cư của các dân tộc, chiến tranh và xâm lược cũng góp phần làm nền văn minh này lan tỏa ra các khu vực khác. Ví dụ, cuộc xâm lược của Alexander Đại đế đã đưa văn hóa Hy Lạp vào các khu vực rộng lớn ở châu Á.
- **Truyền giáo:** Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, và Hồi giáo đã có sự lan tỏa sâu rộng, vượt ra khỏi biên giới của nền văn minh gốc và ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều nền văn hóa khác.

a. Giá trị dân tộc

► Về giá trị dân tộc, giá trị khu vực và giá trị nhân loại, các nền văn minh **luôn chứa đựng những giá trị riêng** của dân tộc, khu vực và nhân loại. Những giá trị này được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử của nền văn minh đó.

► **Giá trị dân tộc** là những **giá trị thể hiện bản sắc riêng** của dân tộc, được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử của dân tộc đó. **Giá trị dân tộc là nền tảng tinh thần, là động lực thúc đẩy sự phát triển của dân tộc.**

VD: Mỗi nền văn minh đều phản ánh giá trị và bản sắc của dân tộc mà nó hình thành. Những giá trị này được thể hiện trong ngôn ngữ, nghệ thuật, tôn giáo, triết học và hệ thống xã hội của nền văn minh đó.

- **Văn minh Trung Hoa** với Nho giáo, Đạo giáo, và nền văn hóa chữ Hán đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quốc gia Đông Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, và Việt Nam.
- **Văn minh Hy Lạp** mang theo giá trị của tự do, lý trí và tri thức, đã tạo nền móng cho các lý thuyết về chính trị và khoa học, ảnh hưởng đến các nền văn hóa phương Tây.
- **Văn minh Ai Cập** với các giá trị tôn giáo và hệ thống xã hội chặt chẽ phản ánh thế giới quan của người Ai Cập cổ đại.

Mặc dù các nền văn minh có sự giao thoa với nhau, những giá trị dân tộc đặc trưng của mỗi nền văn minh vẫn được bảo tồn và phát huy, tạo nên sự đa dạng văn hóa.

b. Giá trị khu vực

► **Giá trị khu vực** là **những giá trị chung của các dân tộc trong một khu vực nhất định**. *Giá trị khu vực được hình thành và phát triển trong quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các dân tộc trong khu vực đó.*

VD: Các nền văn minh không chỉ ảnh hưởng đến phạm vi quốc gia mà còn có sự kết nối khu vực. Giá trị khu vực là những yếu tố văn hóa, tôn giáo, và chính trị được chia sẻ giữa các quốc gia hay dân tộc trong một khu vực địa lý nhất định.

- **Văn minh Hồi giáo** là một ví dụ điển hình. Sau khi phát triển ở Trung Đông, Hồi giáo lan rộng sang Bắc Phi, Tây Á, và một phần của Nam Á. Văn hóa Hồi giáo đã tạo ra một sự đồng nhất khu vực, với các giá trị chung về tôn giáo, giáo dục, và xã hội.
- **Văn minh Ấn Độ** cũng có ảnh hưởng sâu rộng tới các quốc gia khu vực Nam Á, từ việc truyền bá Phật giáo đến việc hình thành các hệ thống xã hội, pháp luật.

c. Giá trị nhân loại

► **Giá trị nhân loại** là **những giá trị chung của toàn nhân loại**, *được thừa nhận và tôn trọng bởi tất cả các dân tộc. Giá trị nhân loại được hình thành và phát triển trong quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các dân tộc trên thế giới.*

VD: Ngoài các giá trị dân tộc và khu vực, các nền văn minh còn đóng góp vào kho tàng giá trị chung của nhân loại. Những giá trị này có thể được hiểu là những nguyên lý cơ bản, phổ quát mà tất cả các nền văn minh đều có thể chia sẻ và học hỏi.

- **Các giá trị về tự do và nhân quyền:** Các lý thuyết về tự do, công bằng và quyền con người đã được phát triển trong các nền văn minh lớn như Hy Lạp và La Mã, và được

tiếp tục phát triển trong thời kỳ hiện đại, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi quốc gia và nền văn hóa.

- **Tri thức và khoa học:** Các nền văn minh như Ả Rập-Islam đã đóng góp lớn vào sự phát triển của khoa học, toán học, thiên văn học, y học, và triết học, những thành tựu này đã trở thành di sản chung của nhân loại.

► **Các nền văn minh có sức lan tỏa mạnh mẽ** thường là **những nền văn minh có những giá trị dân tộc, khu vực và nhân loại cao đẹp**. *Những giá trị này được thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như triết học, đạo đức, nghệ thuật, khoa học,...*

VD: *Nền văn minh Hy Lạp cổ đại là một nền văn minh có sức lan tỏa mạnh mẽ. Nền văn minh này có những giá trị dân tộc cao đẹp, như tinh thần tự do, dân chủ, tinh thần sáng tạo... Nền văn minh Hy Lạp cổ đại cũng có những giá trị khu vực và nhân loại, như triết học, khoa học, nghệ thuật,... Những giá trị này đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của các nền văn minh khác trên thế giới.*

► **Việc dung chứa giá trị các nền văn minh khác đã học là một quá trình tích cực**, giúp các nền văn minh **tiếp thu những giá trị tốt đẹp** của các nền văn minh khác, đồng thời **phát triển những giá trị riêng** của mình.

VD: *Nền văn minh Trung Hoa cổ đại đã tiếp thu những giá trị của nền văn minh Hy Lạp cổ đại, như triết học, khoa học, nghệ thuật,... Nhờ đó, nền văn minh Trung Hoa cổ đại đã phát triển một cách rực rỡ, trở thành một trong những nền văn minh lớn nhất thế giới.*

⇒ Như vậy, **có nền văn minh luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ và luôn dung chứa giá trị dân tộc, giá trị khu vực và giá trị nhân loại** bằng tri thức các nền văn minh đã học là **một quan điểm đúng đắn và có cơ sở**. *Quan điểm này đã góp phần làm sáng tỏ vai trò và ý nghĩa của các nền văn minh trong lịch sử nhân loại.*

Quan điểm trên chỉ ra rằng các nền văn minh không tồn tại trong một không gian đóng, mà chúng luôn có sự giao thoa, lan tỏa và dung chứa các giá trị đa dạng từ dân tộc, khu vực đến toàn cầu. Mỗi nền văn minh vừa bảo tồn được bản sắc dân tộc, vừa phát triển giá trị khu vực và nhân loại, làm phong phú thêm di sản văn hóa chung của nhân loại.

*** 5) Có nhà nghiên cứu cho rằng "Văn hóa chính là căn cước để định diện bản sắc của một quốc gia" Hãy phân tích quan điểm trên.**

⇒ **Quan điểm** của các nhà nghiên cứu cho rằng văn hóa chính là **căn cước để định diện bản sắc của một quốc gia là một quan điểm đúng đắn và có cơ sở**. Quan điểm "Văn hóa chính là căn cước để định diện bản sắc của một quốc gia" cho thấy văn hóa không chỉ là một phần của đời sống xã hội mà còn là yếu tố cơ bản trong việc xác định sự tồn tại và đặc trưng của một quốc gia.

a. Văn hóa là căn cước của một quốc gia

⇒ **Căn cước** là một loại giấy tờ tùy thân, có tác dụng xác định quốc tịch, giới tính, tên tuổi, ngày tháng năm sinh,... của một người. Bản sắc là những đặc điểm riêng biệt, tạo nên nét độc đáo của một cá nhân, dân tộc...

⇒ **Căn cước quốc gia** có thể hiểu là những yếu tố đặc trưng giúp nhận diện và phân biệt quốc gia này với quốc gia khác. Văn hóa, trong nghĩa rộng, bao gồm những giá trị, truyền thống, phong tục, ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật và các yếu tố tinh thần khác. Khi nói văn hóa là căn cước, có nghĩa là văn hóa là yếu tố làm nên bản sắc đặc thù của một quốc gia, không thể nhầm lẫn với các quốc gia khác.

⇒ **Văn hóa** là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, như triết học, đạo đức, nghệ thuật, khoa học,...

⇒ Như vậy, **văn hóa** là những đặc trưng riêng biệt, tạo nên nét độc đáo của một dân tộc. Văn hóa là yếu tố quan trọng nhất để định diện bản sắc của một quốc gia.

→ **Văn hóa** thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau của đời sống xã hội, như:

✎ **Ngôn ngữ**: Mỗi quốc gia có một ngôn ngữ riêng, là **phương tiện giao tiếp, trao đổi thông tin** của người dân trong quốc gia đó. Ngôn ngữ thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc ⇒ **Ngôn ngữ thể hiện bản sắc văn hóa**

✎ **Tôn giáo**: Tôn giáo là một hệ thống tín ngưỡng, giáo lý, lễ nghi,... được hình thành và phát triển trong lịch sử của một dân tộc. Tôn giáo thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc ⇒ **Tôn giáo thể hiện bản sắc văn hóa**

✎ **Âm thực**: Âm thực là **tập quán ăn uống** của một dân tộc. Âm thực thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc ⇒ **Âm thực thể hiện bản sắc văn hóa**

✎ **Trang phục**: Trang phục là **những bộ quần áo** được người dân trong một quốc gia mặc. Trang phục thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc ⇒ **Trang phục thể hiện bản sắc văn hóa**

✎ **Nghệ thuật**: Nghệ thuật là **lĩnh vực sáng tạo ra những giá trị tinh thần**, như âm nhạc, hội họa, văn học... Nghệ thuật thể hiện bản sắc văn hóa của một dân tộc ⇒ **Nghệ thuật thể hiện bản sắc văn hóa**

⇒ **Văn hóa của mỗi quốc gia** không chỉ được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử của dân tộc đó, mà còn chịu ảnh hưởng của văn hóa của các quốc gia khác. Sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia đã góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia.

VD: Văn hóa Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, văn hóa Ấn Độ, văn hóa phương Tây.... Sự giao lưu, tiếp biến văn hóa này đã góp phần làm cho văn hóa Việt Nam trở nên đa dạng, phong phú và hiện đại hơn.

⇒ Tuy nhiên, văn hóa của mỗi quốc gia vẫn có những nét riêng biệt, độc đáo, tạo nên bản sắc riêng của dân tộc đó. *Bản sắc văn hóa của một dân tộc là một tài sản quý giá, cần được bảo tồn và phát huy.*

b. Văn hóa trong việc định diện bản sắc quốc gia

⇒ **Bản sắc quốc gia** không chỉ là sự tồn tại vật chất của một quốc gia mà còn là một khái niệm tinh thần, gắn liền với các giá trị văn hóa. Văn hóa giúp các thế hệ trong một quốc gia duy trì sự liên kết và nhận thức chung về nguồn gốc, lịch sử và tương lai của dân tộc.

 **Định hình ý thức cộng đồng:** Văn hóa tạo ra sự đoàn kết trong xã hội, nhờ vào những giá trị chung mà mỗi người dân đều nhận thức và tự hào. Khi một quốc gia có văn hóa mạnh mẽ và đặc trưng, người dân sẽ cảm thấy họ có sự gắn kết sâu sắc với nhau. Ví dụ, trong các quốc gia có nền văn hóa dân tộc mạnh mẽ như Nhật Bản, Hàn Quốc, hay Ấn Độ, ý thức cộng đồng luôn được củng cố qua các truyền thống văn hóa.

 **Chứng minh sự độc lập và tự cường:** Văn hóa còn thể hiện sự độc lập của một quốc gia trong bối cảnh quốc tế. Mỗi quốc gia đều có văn hóa riêng biệt, thể hiện sự tự hào về lịch sử, nền tảng văn hóa và cách thức sống của mình. Những quốc gia đã trải qua lịch sử đấu tranh để giữ gìn bản sắc văn hóa như Việt Nam hay Trung Quốc, văn hóa càng trở thành biểu tượng của sự kiên cường và độc lập.

 **Bảo tồn giá trị dân tộc:** Bản sắc văn hóa giúp bảo vệ và duy trì những giá trị của dân tộc, đặc biệt là trong thời kỳ toàn cầu hóa. Trong bối cảnh các nền văn hóa giao thoa, sự bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống giúp quốc gia không bị hòa tan trong các ảnh hưởng bên ngoài, giữ gìn được những nét riêng biệt.

c. Văn hóa và toàn cầu hóa

⇒ Mặc dù **toàn cầu hóa** mang đến sự giao lưu và kết nối mạnh mẽ giữa các nền văn hóa, nhưng nó cũng **đặt ra thách thức trong việc duy trì và phát huy bản sắc văn hóa quốc gia**. Quan điểm trên nhấn mạnh rằng, dù có sự hòa nhập và tương tác với các nền văn hóa khác, văn hóa quốc gia vẫn giữ vai trò là căn cước để định diện bản sắc quốc gia.

 **Ảnh hưởng của văn hóa toàn cầu:** Trong thời đại toàn cầu hóa, văn hóa phương Tây (đặc biệt là văn hóa tiêu dùng) có ảnh hưởng sâu rộng trên toàn cầu, nhưng điều đó không có nghĩa là các quốc gia phải từ bỏ bản sắc của mình. Các quốc gia có thể tiếp nhận và kết hợp những yếu tố văn hóa ngoại lai, nhưng họ vẫn phải giữ gìn được những giá trị văn hóa cốt lõi của mình. Ví dụ, nhiều quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc hay Ấn Độ đã có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữ được bản sắc văn hóa nhưng vẫn hội nhập với thế giới.

 **Sự bảo tồn văn hóa:** Các quốc gia cần có chiến lược bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc thông qua giáo dục, nghệ thuật, và các hoạt động cộng đồng để đảm bảo rằng thế hệ trẻ vẫn nhận thức được giá trị văn hóa của mình và tự hào về căn cước quốc gia.

Quan điểm "Văn hóa chính là căn cước để định diện bản sắc của một quốc gia" cho thấy **tầm quan trọng của văn hóa trong việc xây dựng và bảo vệ bản sắc quốc gia**. Văn hóa không chỉ là yếu tố tinh thần giúp một quốc gia nhận diện và phân biệt với các quốc gia khác mà còn là nguồn động lực để duy trì sự đoàn kết, phát triển và hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa. Văn hóa chính là yếu tố không thể thiếu trong việc xác định và khẳng định vị thế của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

⇒ **Nhận định** của các nhà nghiên cứu nêu trên đã *góp phần làm sáng tỏ vai trò của văn hóa trong việc định diện bản sắc của một quốc gia*. Văn hóa là **yếu tố quan trọng nhất để định diện bản sắc của một quốc gia**. Văn hóa của mỗi quốc gia **không chỉ được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử của dân tộc đó, mà còn chịu ảnh hưởng của văn hóa của các quốc gia khác**.

*** 6) Hãy trình bày nhận thức của mình về: “Văn hóa”, “Văn minh” và lý giải vì sao cho đến nay lại có nhiều quan niệm, định nghĩa... về văn hóa, văn minh như vậy?**

a. Văn hóa

⇒ Văn hóa là **hệ thống** các *giá trị, niềm tin, phong tục, tập quán, nghệ thuật, ngôn ngữ* và các *hình thức có thể hiện thực khác* mà **người xây dựng** và **truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác**. Văn hóa **phản ánh cách sống** của *một cộng đồng, dân tộc hay quốc gia*, bao gồm những **đặc trưng** về *tư tưởng, tín ngưỡng, đạo đức và thẩm mỹ*. Văn hóa **phản ánh cách sống, suy nghĩ và cách xử lý** của con người trong **mối quan hệ** với nhau và với tự nhiên. Văn hóa không chỉ là **biểu hiện bên ngoài** mà còn là **yếu tố cấu thành bản sắc** và **cái nhìn thế giới** của con người, văn hóa thường gắn với phương Đông.

⇒ Văn hóa là một **khái niệm mở rộng**, phản ánh toàn diện của các **giá trị vật chất** và các **giá trị tinh thần** do con người sáng tạo ra trong quá trình phát triển lịch sử. Theo quan niệm phổ biến, văn hóa bao gồm:

- **Văn hoá vật chất**: Các *sản phẩm hữu hình* như công cụ lao động, công trình kiến trúc, đồ thủ công mỹ nghệ.
- **Văn hoá tinh thần**: Các *giá trị vô hình* như phong tục, tập quán, tư tưởng, tín ngưỡng, nghệ thuật, ngôn ngữ, giáo dục.

⇒ **Bản chất**: Văn hóa mang **tính dân tộc, tính lịch sử và tính sáng tạo**. Nó phản ánh cách xử lý tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình.

VD: Ở các quốc gia phương Đông, người lớn tuổi được xem là bậc trưởng lão, có kinh nghiệm và được con cháu kính trọng hình thành nên văn hóa tôn trọng người lớn tuổi. Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong đời sống của mỗi người. Người phương Đông thường có ý thức cộng đồng cao, quan tâm đến lợi ích chung của cộng đồng.

b. Văn minh

⇒ Văn minh có thể hiểu là một **bước tiến cao hơn của văn hóa**, liên quan đến sự **phát triển vượt bậc trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tổ chức xã hội, kinh tế và nghệ thuật**. Văn minh thể hiện ở sự **tạo ra những vật chất lớn lao về vật chất, kỹ thuật, tổ chức chính trị và đời sống xã hội**. Nó thường được **gắn với các biểu hiện rõ ràng và cụ thể** như các công trình kiến trúc, hệ thống giao thông thông tin, khoa học và công nghệ, giáo dục, luật pháp... văn minh thường gắn với phương Tây.

⇒ Văn minh thường được hiểu là **trạng thái phát triển cao của xã hội**, trong đó con người đạt được **tiến bộ vượt bậc** về tri thức, khoa học kỹ thuật, tổ chức xã hội và giá trị đạo đức. Văn minh tập trung vào:

- **Khía cạnh vật chất** : Sự tiến bộ trong khoa học công nghệ, kinh tế, giao thông, đô thị hóa.
- **Khía cạnh tinh thần**: Sự phát triển trong tư tưởng, pháp luật và ý thức xã hội.

⇒ **Bản chất**: Văn minh mang tính khu vực hoặc toàn cầu, có tính phổ biến hơn văn hóa, thường gắn liền với sự phát triển kỹ thuật, khoa học và đô thị hóa.

VD: Người phương Tây thường có quan niệm về thời gian tuyến tính, coi trọng sự chính xác. Người phương Tây thường đề cao sự bình đẳng, tôn trọng quyền riêng tư. Người phương Tây thường thẳng thắn, trực tiếp trong giao tiếp.

c. Phân biệt “Văn hóa” và “Văn minh”

- **Phạm vi**: Văn hóa bao quát năng cả những giá trị vật chất và tinh thần, trong khi văn minh thường chỉ chú ý đến các yếu tố vật chất và tổ chức xã hội tiên tiến.
- **Tính chất**: Văn hoá có tính dân tộc và bản địa rõ ràng hơn, trong khi văn minh mang tính phổ biến và quốc tế.
- **Mối quan hệ**: Văn hóa là nền tảng của văn minh và văn minh là kết quả phát triển của văn hóa.

d. Lý do có nhiều quan niệm, định nghĩa khác nhau về “Văn hóa” và “Văn minh”***1 - Tính phức tạp và đa dạng của đối tượng nghiên cứu:***

⇒ Văn hóa và văn minh là các khái niệm liên quan đến nhiều lĩnh vực như lịch sử, nhân học, xã hội học... Mỗi lĩnh vực có các cách tiếp cận và nghiên cứu mục tiêu khác nhau, dẫn đến sự đa dạng trong định nghĩa.

VD: Cấu trúc của gia đình khác nhau rất nhiều giữa các quốc gia. Ở một số nơi, gia đình lớn là phổ biến, trong khi ở những nơi khác, gia đình hạt nhân lại được coi trọng hơn. Người phương Tây thường có quan niệm về thời gian tuyến tính, trong khi người phương Đông có thể có quan niệm về thời gian vòng tròn. Mỗi dân tộc có quan điểm

và hệ thống giá trị riêng về văn hóa và văn minh, tạo nên sự đa dạng trong cách định nghĩa và tiếp cận những khái niệm này. Ví dụ, trong văn hóa phương Đông, có thể thúc đẩy mạnh sự hòa hợp, tôn trọng tự nhiên và gia đình, trong khi phương Tây lại tập trung vào sự phát triển cá nhân và tự làm.

2. Điều khác biệt về bối cảnh lịch sử và không gian địa lý:

⇒ Văn hóa và văn minh thay đổi theo thời gian và không gian, tùy thuộc vào từng khu vực, từng dân tộc. Ví dụ, quan niệm về văn hóa ở phương Đông có thể khác với phương Tây.

⇒ Sự giao tiếp văn hóa giữa các khu vực cũng dẫn đến việc hình thành các cách nhìn khác nhau.

VD:

* Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên:

- Văn minh sông Hằng và sông Hoàng Hà: Các nền văn minh này đều phát triển dựa trên những dòng sông lớn, cung cấp nguồn nước tưới tiêu, phù sa màu mỡ cho nông nghiệp. Tuy nhiên, do điều kiện khí hậu, địa hình khác nhau, hai nền văn minh này đã phát triển những nét đặc trưng riêng biệt về nông nghiệp, kiến trúc và tín ngưỡng.

- Văn minh Hy Lạp cổ đại: Phát triển trên những bán đảo và hòn đảo, người Hy Lạp cổ đại có nền văn minh biển phát triển mạnh mẽ, với thương nghiệp, hải quân và các thành bang độc lập.

* Ảnh hưởng của giao lưu văn hóa:

- Văn hóa Đông Nam Á: Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, văn hóa Đông Nam Á mang đậm dấu ấn của sự giao thoa và hội nhập.

- Văn hóa Mỹ: Là một quốc gia trẻ, văn hóa Mỹ được hình thành từ sự dung hợp của nhiều nền văn hóa khác nhau, tạo nên một "cái nồi nấu chảy" đa dạng.

* Quan hệ xã hội:

- Ở các xã hội phương Đông, quan hệ gia đình và cộng đồng thường được coi trọng hơn cá nhân, trong khi ở phương Tây, chủ nghĩa cá nhân được đề cao.

3. Ảnh hưởng của các trường phái tư tưởng:

⇒ Ở phương Tây, các nhà tư tưởng như Edward Tylor hay Arnold Toynbee đã đưa ra các định nghĩa mang tính tiến hóa, nhấn mạnh sự phát triển của con người từ giai đoạn nguyên thủy đến văn minh.

⇒ Trong khi đó, ở phương Đông, văn hóa thường được nhìn nhận từ góc độ hài hòa hòa giữa con người và tự nhiên, gắn với đèn nền Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo.

VD:

* Trường phái duy vật lịch sử Mác-xít:

- Quan điểm về văn hóa: Văn hóa được xem như là sản phẩm của các quan hệ sản xuất, phản ánh ý thức hệ của giai cấp thống trị.
- Quan điểm về văn minh: Văn minh được hiểu là quá trình phát triển của các lực lượng sản xuất và các quan hệ xã hội, gắn liền với sự tiến bộ của nhân loại.
- So sánh: Theo quan điểm này, văn hóa và văn minh có mối liên hệ mật thiết và tương hỗ, trong đó văn hóa đóng vai trò phục vụ cho sự phát triển của văn minh.

4. Sự biến đổi của thời đại:

⇒ Sự phát triển của công nghệ, quá trình toàn cầu hóa và những thay đổi trong xã hội hiện đại đã làm thay đổi cách con người nhìn nhận về văn hóa và văn minh. Ví dụ, ngày nay, khái niệm “văn minh kỹ thuật số” hay “văn hóa mạng” đã xuất hiện, mở rộng phạm vi hiểu biết của nhân loại.

VD: Mỗi nền văn hóa có đặc điểm riêng và cách hiểu về văn hóa, văn hóa có thể thay đổi bối cảnh lịch sử, địa lý và xã hội. Ví dụ, trong thời kỳ cổ đại, sự phát triển của các nền văn minh lớn như Ai Cập, Hy Lạp, hay La Mã có thể được coi là biểu tượng của sự phát triển cao. Tuy nhiên, trong thế kỷ 21, với sự phát triển của công nghệ và toàn cầu hóa, khái niệm văn minh lại được hiểu rộng hơn.

5. Tính chủ động trong cách tiếp cận:

⇒ Mỗi học giả, nhà nghiên cứu đều có góc nhìn, trải nghiệm và bối cảnh riêng, dẫn đến các hoạt động giải quyết khác nhau. Trong suốt lịch sử, các học giả và nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa và văn minh, tùy theo góc nhìn và trường nghiên cứu của họ. Quan niệm này thay đổi theo thời gian khi có những phát hiện mới về lịch sử, xã hội và con người.

e. Kết luận

⇒ Việc có nhiều quan niệm và định nghĩa về “văn hóa” và “văn minh” là hệ quả tất yếu của tính phức tạp và đa dạng trong đời sống nhân loại. Điều này không chỉ phản ánh sự phong phú trong cách tiếp cận khoa học mà còn góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức của người về chất và giá trị của văn hóa, văn minh trong tiến trình phát triển xã hội.



NỘI DUNG ÔN THI CUỐI KÌ

Câu hỏi 1: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Ai Cập.
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ai Cập.

Câu hỏi 2: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Lưỡng Hà
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Lưỡng Hà.

Câu hỏi 3: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Hoàn cảnh lịch sử bán đảo Arập (Thế kỷ VI - VII) và sự ra đời của đạo Hồi.
2. Giáo lý cơ bản của đạo Hồi và sự truyền bá của Hồi giáo.

Câu hỏi 4: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Ấn Độ.
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ấn Độ.

Câu hỏi 5: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Sự ra đời của Phật giáo và những giáo lý cơ bản.
2. Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ và sự truyền bá tôn giáo này ra bên ngoài.

Câu hỏi 6: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Trung Hoa.
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Trung Hoa.

Câu hỏi 7: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu và sự ra đời của Nho giáo.
2. Quá trình phát triển và ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và xã hội hiện tại.

Câu hỏi 8: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Điều kiện hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp - La Mã.
2. Những thành tựu chính của Văn minh Hy Lạp - La Mã.

Câu hỏi 9: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Bối cảnh xã hội La Mã và sự ra đời của đạo Cơ Đốc.
2. Giáo lý cơ bản của đạo Cơ Đốc và những ảnh hưởng của tôn giáo này.

Câu hỏi 10: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Nguyên nhân, điều kiện của những phát kiến lớn về địa lý (cuối thế kỷ XV cho đến đầu thế kỷ XVI).
2. Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn và hệ quả của nó.

Câu 11: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Hoàn cảnh lịch sử của phong trào Văn hóa Phục Hưng.
2. Thành tựu, nội dung tư tưởng và ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục Hưng.

Câu 12: Anh (Chị) hãy trình bày:

1. Những tiền đề của Cách mạng công nghiệp ở châu Âu và Mỹ thế kỷ XVII - XIX.
2. Diễn biến của Cách mạng công nghiệp và hệ quả của nó.

CHIA SẺ KINH NGHIỆM

Trích từ lời nhắn gửi của bạn Nguyễn Thị Quyên (K68 – VNH).

Tiết lộ với các bạn là bạn Quyên được 9 cuối kì môn học này, nhóm mình rất may mắn khi được bạn Quyên chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình viết tài liệu và ôn thi.

1/ Bài làm phải có đầu đuôi

📖 Tức là bài làm phải có **bố cục rõ ràng**, hiểu nôm na là có **mở, thân** và **kết** ý.

Ví dụ (mình lấy ví dụ về đề mà mình thi luôn nha)

“*Hãy trình bày sự ra đời và phát triển của nhà nước Hồi Giáo Ả Rập*”

📖 Để làm câu này, thì bạn sẽ làm đơn giản là nó ra đời khi nào, phát triển như nào → xong là các bạn kết thúc ở đây luôn? (kiểu hỏi đâu trả lời nấy nhĩ) ⇒ Làm như vậy chỉ ở mức ĐẠT thôi, mà chính vì bạn chỉ tập trung vào nội dung chính của đề thôi nên sẽ dễ bị bắt bẻ hơn, thầy cô chỉ tập trung vào cái đó. Thay vì như thế, bạn hãy làm nó lan lan ra, sẽ vẫn là tập trung vào nội dung chính nhưng hãy dẫn dắt nó thật khéo léo ở cả trước và sau nó. Cách làm như này cũng là để chứng tỏ cho giảng viên chấm thấy được sự hiểu biết rộng của mình về những vấn đề xoay quanh đề bài, dễ được điểm cao.

Hãy áp dụng quy tắc: mở bài – thân bài – kết bài.

Mở: Giới thiệu về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư Ả Rập...

Thân: Cái này mới là trả lời đề bài yêu cầu

Kết: Có thể trình bày 1 trong những ý sau (tùy đề)

✍ Ý nghĩa, vai trò, ảnh hưởng, thành tựu đạt được của “đối tượng” đến thế giới hay nước nào đó (tùy đề) .

✍ Liên hệ với hiện tại. Đối với Lịch sử văn minh thế giới thì cái vấn đề đó nó liên hệ gì với Việt Nam. Còn Cơ sở văn hóa Việt Nam thì có liên hệ gì với địa phương hoặc nếp sống mỗi người.

✍ Kết luận: “Như vậy/ Nói tóm lại,.....”

TÓM LẠI: Làm gì thì làm, trước khi bắt tay vào viết thì phải suy nghĩ kĩ về dàn ý mà mình sẽ làm, xem là nó có liên kết với nhau không, có logic mạch lạc không, hay là như râu ông này chấp cằm bà kia. Đề hỏi như nào thì khoan đã vào vấn đề chính mà hãy dẫn dắt vòng vèo rồi mới đến nói cái đó. Quan trọng nhất là đầu vẫn phải có CHỮ nha, cố lênnn!

2/ Mỗi luận điểm NÊN tách ra thành 1 đoạn riêng biệt

Eo, đừng viết một đoạn dài dằng dặc như thế, kiểu nó rất bí và gây chán nản khi chấm lắm, gặp với anh chữ xấu nữa thì thôi luôn. Giảng viên người ta chấm cả trăm, nghìn bài nên đừng bắt người ta phải đi tìm ý cho mình nữa. Hãy trình bày chia từng đoạn từng đoạn nhưng không có nghĩa là 5 dòng xuống 1 lần nha =))

3/ Kiến thức

Lịch sử văn minh thế giới dài lắm á mà còn hay lẫn lộn giữa nền văn minh này với nền văn minh kia (học đi rồi các bạn sẽ biết huhu) nên là nếu như khó để nhồi nhét tất cả vào đầu thì hãy học một phần 1 ít chứ đừng học tủ, please.

Trong đề sẽ có 2 câu: đa số sẽ là 1 câu (4d) kiến thức tổng hợp và câu thứ 2 (6d) là trình bày kiến thức cụ thể

Ví dụ:

C1: Trình bày vai trò của dòng sông đối với sự hình thành và phát triển của các nền văn minh (để làm câu này thì chắc chắn bạn phải nắm rõ sông nào của nền văn minh nào, nó có đặc điểm gì, nó có vai trò gì đối với nền văn minh trong quá trình hình thành và cả khi phát triển)

C2: Trình bày 1 vấn đề cụ thể nào đó của 1 nền văn minh nào đó (có thể là tôn giáo, sự hình thành và phát triển của 1 số nhà nước,...)

4/ Bài làm SẠCH

Có thể dựa trên những tiêu chí sau:

 Sạch sẽ về hình thức: không bẩn, không gạch xóa quá nhiều, chọn bút đừng để nhòe mực

 Sạch về bố cục: như mình nói là phân đoạn. Ngoài ra thì ai chữ nhỏ quá thì cố gắng viết to và dẫn khoảng cách giữa các chữ ra nha, đừng viết chi chít nhau như thế

5/ Căn chuẩn thời gian

Cái này thì chắc ai cũng biết rồi chỉ nhưng đừng coi thường nó nhé. Đủ cả 2 câu còn hơn là tập trung quá vào 1 câu.

6/ Không gạch đầu dòng

P/S: Đề cương của mình tự soạn nhưng tất nhiên sẽ kế thừa từ những nguồn chính thống khác nhau để nên một bản hoàn thiện. Bởi vì cá nhân mình soạn cho mình học và đạt được kết quả ổn nên chắc chắn đề cương rất rõ ràng, đi sâu giải thích mọi ngõ ngách vấn đề, không

khó hiểu đâu. (Đề cương của mình cũng có sự đóng góp lớn của bạn Quyên bên cạnh sự kế thừa của chị Oanh, nhóm mình cảm ơn Quyên nhiều)

Lịch sử văn minh thế giới nổi tiếng với những tên nhân vật rồi là sử thi, thần thoại, các câu chuyện rất khó hiểu mang tính tâm linh. Nhiều lúc mình đọc , mình không hiểu rõ tường tận câu chuyện nên thường mình sẽ có 2 hướng giải quyết:

✍ Mình chỉ học những ý chính căn bản (đối với vấn đề nó quá KHÓ)

✍ Đi tìm hiểu tường tận câu chuyện (cái nào nó dễ hiểu ý)

Tóm lại, mình thấy nếu như bạn chịu khó đọc, chịu khó dành thời gian nhiều nhiều cho lịch sử văn minh thế giới thì sẽ thấy cũng có nhiều vấn đề, câu chuyện khá hay đấy ạ, mở mang kiến thức cho mình rất nhiều. Chúc bạn học và thi tốt nhé!!

LỜI KẾT

Chào các bạn độc giả, vậy là Phần I và Phần II nhóm mình đã trình bày tổng quan về kiến thức môn học thông qua hai phần đã trình bày ở trên. Nhóm chúng mình thực hiện đề cương này vào thời tiết nóng như đổ lửa giữa trưa hè của tháng 6 năm 2024, thời tiết ấy cùng với sự lo lắng cho việc thi cuối kì tạo ra áp lực tâm lý, căng thẳng vô cùng. Hy vọng tài liệu của nhóm chúng mình do hai bạn đến từ K68 Khoa học quản lý là Lê Mạnh Châu và Mai Thanh Hiền biên soạn sẽ giúp các bạn có những kiến thức bổ ích phục vụ thi cuối kì.

Một lần nữa, nhóm em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến chị Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 – LTH) đã cho phép nhóm em được kế thừa và phát triển “*Tài liệu ôn tập LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI – 09/2022*” trước đó của chị soạn. Nhóm em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến anh Nguyễn Tiến Đạt (K67 – CTH) đã chia sẻ những kinh nghiệm, cách trình bày bài làm và những kiến thức bổ ích tại buổi học WE PASS ngày 30/12/2023. Nhóm mình xin chân thành cảm ơn bạn Nguyễn Thị Quyên (K68 – VNH) đã bổ sung giúp cho mình những phần ghi chép quan trọng khi học ở trên lớp và những mẹo để làm bài được điểm cao cuối kì. Nhóm em xin chúc chị Oanh, anh Đạt và bạn Quyên luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong tương lai. Rất mong rằng đây sẽ tài liệu bổ ích giúp các bạn ôn thi cuối kì của học phần “*Lịch sử văn minh thế giới*”. Trong quá trình soạn tài liệu khó có thể tránh được những sai sót, nếu xảy ra sai sót hy vọng sẽ nhận được sự lượng thứ, góp ý từ độc giả.

Xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng!

Các bạn thi tốt nhé, cố lên! “Mọi con đường đều dẫn đến thành Rome”

Đôi lời nhắn gửi tới các bạn

“Hy vọng các bạn sử dụng tài liệu này phục vụ ôn thi cuối kì sẽ giữ gìn, bảo quản tài liệu để dành tặng cho các bạn, các em ở học kỳ sau.”

Trân trọng cảm ơn.